

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CÔNG  
NGHỆ NHỰA PHA LÊ  
PHA LE PLASTICS MANUFACTURING  
AND TECHNOLOGY JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 1506./2026/CV-PLP  
No: 1506./2026/CV-PLP

Hà Nội, ngày 15. tháng 06 năm 2026  
Hanoi, June 15, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- To: - *The State Securities Commission;*
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê/*Pha Le Plastic Manufacturing and Technology Joint Stock*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PLP

- Địa chỉ/*Address*: Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam/*Lot CN4.3, MP Dinh Vu Industrial Park, Dinh Vu - Cat Hai Economic Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel*: (+84-24) 3555 1669

- E-mail: [ir@phaleminerals.com.vn](mailto:ir@phaleminerals.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê công bố thông tin cập nhật Báo cáo thường niên năm 2025 (Bản thiết kế Tiếng Việt và Tiếng Anh).

*Pha Le Plastic Manufacturing and Technology Joint Stock Company announces information regarding the updated Annual Report for 2025 (Vietnamese and English versions).*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/06/2026 tại đường dẫn: <https://phaleplastics.com.vn/>.

*This information was published on the company's website on 15/06/2026, as in the link: https://phaleplastics.com.vn/*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- The updated Annual Report for 2025.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT *h*  
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE  
INFORMATION



Phạm Xuân Trí



**BÁO CÁO**

**THƯỜNG NIÊN**

**2025**

**Củng cố nền tảng**

**Gia tăng nội lực**

# MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	4
----------------------------	---

ĐIỂM NHẤN 2025	6
----------------	---

## 1 TỔNG QUAN 8

Thông tin doanh nghiệp	10
Quá trình hình thành phát triển	14
Ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn kinh doanh	16
Tổng quan về các sản phẩm công ty	18
Sơ đồ bộ máy tổ chức	20
Danh sách thành viên HĐQT, BKS và Ban TGD	24
Định hướng và chiến lược phát triển	28

## 4 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 72

Quan điểm và cách tiếp cận phát triển bền vững	76
Phạm vi báo cáo và định hướng minh bạch thông tin	78
Bối cảnh và yêu cầu đối với doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu	80
Khung chiến lược phát triển bền vững	82
Bên liên quan và lĩnh vực trọng yếu	84
Sản xuất bền vững	86
Công nghệ - R&D và tiêu chuẩn quốc tế	88
Môi trường và năng lượng	92
Con người và trách nhiệm xã hội	98
Quản trị và chuyển đổi số	106
Định hướng phát triển bền vững giai đoạn tiếp theo	108

## 2 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 32

Bối cảnh kinh tế và ngành vật liệu ván lát sàn	34
Đánh giá chung của Ban Tổng Giám đốc	36
Hoạt động đầu tư 2025	42
Tình hình tài chính	48

## 5 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 110

Báo cáo của Tổng Giám đốc	112
Báo cáo Kiểm toán độc lập	116
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	120
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	121
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	122
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	124

## 3 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 54

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị	56
Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS	62
Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ	62
Hoạt động quản trị rủi ro	64
Thông tin cổ phiếu và hoạt động quan hệ đầu tư	71

# THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“2025 là năm củng cố nền tảng và gia tăng nội lực - để sẵn sàng vượt qua những cơn sóng lớn hơn của thị trường trong giai đoạn tới”

## Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2025 là một năm mà Công ty chủ động lựa chọn đi theo một hướng không dễ nhìn thấy ngay trong kết quả ngắn hạn, nhưng có ý nghĩa quan trọng đối với giai đoạn phát triển tiếp theo.

Trong bối cảnh thị trường vật liệu và xây dựng tiếp tục có nhiều biến động, chúng tôi xác định rằng những thách thức phía trước sẽ không nhỏ. Vì vậy, thay vì tập trung vào tăng trưởng ngắn hạn, Công ty lựa chọn tập trung vào việc củng cố nền tảng và chuẩn bị năng lực để có thể vận hành ổn định hơn trong những điều kiện thị trường khó khăn hơn.

Trọng tâm của năm 2025 là chuẩn hóa hệ thống vận hành trên nền tảng số. Công ty từng bước rà soát lại toàn bộ quy trình, đẩy mạnh số hóa và tăng cường kết nối dữ liệu xuyên suốt giữa các khâu trong chuỗi sản xuất. Mục tiêu của quá trình này không chỉ là nâng cao hiệu quả, mà quan trọng hơn là xây dựng một hệ thống có khả năng kiểm soát tốt và vận hành nhất quán trong mọi điều kiện.

Chúng tôi cho rằng, trong giai đoạn tới, khả năng “vững” của doanh nghiệp sẽ không đến từ quy mô, mà đến từ mức độ kiểm soát hệ thống. Khi quy trình được chuẩn hóa và dữ liệu được kết nối, doanh nghiệp có thể giảm phụ thuộc vào cảm tính và chủ động hơn trước những biến động của thị trường.

Song song với việc chuẩn hóa và số hóa, Công ty tiếp tục duy trì kỷ luật vận hành và các nguyên tắc đã được xác lập trong suốt quá trình phát triển:

kiểm soát chặt chẽ chất lượng, đảm bảo tiến độ và giữ uy tín với khách hàng. Đây là những yếu tố không mới, nhưng trong những giai đoạn thị trường khó khăn, lại là điều quyết định doanh nghiệp có thể đứng vững hay không.

Những thay đổi trong năm 2025 có thể chưa tạo ra sự khác biệt rõ rệt ngay trong kết quả kinh doanh, nhưng đã giúp Công ty nâng cao năng lực nội tại một cách thực chất hơn. Đặc biệt, việc chuẩn hóa và số hóa hệ thống đã tạo ra một nền tảng vận hành có tính ổn định cao hơn, cho phép Công ty kiểm soát tốt hơn trong những tình huống biến động.

Chúng tôi nhìn nhận năm 2025 không phải là một năm “tăng tốc”, mà là một năm “chuẩn bị”. Chuẩn bị về hệ thống, về con người và về cách thức vận hành – để doanh nghiệp có thể bước vào giai đoạn tiếp theo với trạng thái chủ động hơn.

Bước sang năm 2026, thị trường được dự báo sẽ tiếp tục có nhiều biến động và những “cơn sóng” lớn hơn. Tuy nhiên, với những nền tảng đã được xây dựng trong năm 2025, tôi tin rằng Công ty không bước vào giai đoạn này trong trạng thái bị động, mà với một sự chuẩn bị có chủ đích.

Chúng tôi không kỳ vọng vào việc tránh được biến động, mà tập trung vào việc nâng cao khả năng thích ứng và kiểm soát. Khi nền tảng đủ vững, doanh nghiệp có thể giữ được

sự ổn định trong những thời điểm khó khăn và chủ động nắm bắt cơ hội khi thị trường thuận lợi trở lại.

Đó cũng là cơ sở để Công ty bước vào năm 2026 với tâm thế vững vàng hơn - không chỉ để duy trì hoạt động, mà để sẵn sàng đối mặt và vượt qua những “cơn sóng” của thị trường.

**Trân trọng,**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**MAI THANH PHƯƠNG**

# ĐIỂM NHẤN 2025

# 2025 VỮNG NỀN TẢNG SẴN SÀNG CHO NHỮNG CON SỐNG LỚN

LỢI NHUẬN  
SAU THUẾ

**29,4** tỷ đồng

⌆ **134,1%**  
so với 2024

TỔNG  
TÀI SẢN

**3.018** tỷ đồng

⌆ **26,2%**  
so với 2024

DOANH THU  
XUẤT KHẨU

**386** tỷ đồng

⌆ **109,8%**  
so với 2024

VỐN ĐIỀU LỆ

**900** tỷ đồng

⌆ **200** tỷ đồng

SẢN PHẨM CHIẾN LƯỢC **SPC**

vận hành ổn định  
với công suất

**9** triệu m<sup>2</sup>/năm

TIÊU CHUẨN  
QUỐC TẾ



Sở hữu các chứng chỉ "thông hành" thế giới

CHƯƠNG

01

# TỔNG QUAN

10	Thông tin doanh nghiệp	20	Sơ đồ bộ máy tổ chức
14	Quá trình hình thành và phát triển	24	Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD
16	Ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn kinh doanh	28	Định hướng và chiến lược phát triển
18	Tổng quan về các sản phẩm công ty		



# THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

<b>Tên công ty</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ</b>
<b>Tên tiếng Anh</b>	Pha Le Plastics Manufacturing and Technology Joint Stock Company
<b>Tên viết tắt</b>	PHA LE PLASTICS JSC.
<b>Mã chứng khoán</b>	<b>PLP</b>
<b>Giấy chứng nhận ĐKKD</b>	Số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 11/12/2025
<b>Trụ sở chính</b>	Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải, TP. Hải Phòng
<b>Văn phòng Hà Nội</b>	Nhà 4 dãy NO 9, Đường Huỳnh Văn Nghệ, KĐT mới Sài Đồng, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
<b>Chi nhánh Nghệ An</b>	Mỏ đá Thung Hưng, Xóm Bàn Hạc, Xã Châu Tiến, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An
<b>Điện thoại</b>	(+84-24) 3555 1669
<b>Website</b>	<a href="https://phaleplastics.com.vn/">https://phaleplastics.com.vn/</a>
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	<b>Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT</b>

VỐN ĐIỀU LỆ

**900.000.000.000**

Đồng



# TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



## TẦM NHÌN

Trở thành nền tảng sản xuất vật liệu có năng lực cạnh tranh toàn cầu



## SỨ MỆNH

Cung cấp sản phẩm ổn định, đạt tiêu chuẩn cao thông qua kiểm soát chặt chẽ chuỗi sản xuất và vận hành hiệu quả.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

5 GIÁ TRỊ CỐT LÕI - 1 ĐỊNH HƯỚNG CHUNG  
TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

### TRÂN TRỌNG LỜI NÓI

01

Chúng tôi coi trọng sự nhất quán giữa cam kết và hành động. Mọi lời nói với khách hàng, đối tác và nội bộ đều được thực hiện bằng tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Tại PLP: Thể hiện qua việc giữ đúng chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng và các tiêu chuẩn đã cam kết với thị trường.

### HƯỚNG TỚI KẾT QUẢ

02

Chúng tôi tập trung vào hiệu quả thực chất, đo lường bằng kết quả cụ thể thay vì hình thức.

Tại PLP: Mọi hoạt động từ sản xuất, vận hành đến cải tiến hệ thống đều hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu suất và giá trị đầu ra.

### LẮNG NGHE - CHIA SẺ

03

Chúng tôi đề cao sự thấu hiểu và phối hợp, coi việc lắng nghe là nền tảng để cải tiến và phát triển bền vững.

Tại PLP: Thể hiện qua việc kết nối giữa các bộ phận trong chuỗi sản xuất, lắng nghe phản hồi từ khách hàng để liên tục cải thiện sản phẩm.

### LÔI CUỐN

04

Chúng tôi xây dựng môi trường làm việc tích cực, nơi mỗi cá nhân có thể tạo ảnh hưởng và lan tỏa năng lượng tới tập thể.

Tại PLP: Được thể hiện qua tinh thần chủ động, sự gắn kết của đội ngũ và khả năng dẫn dắt thay đổi trong quá trình chuẩn hóa và số hóa hệ thống.

### MÌNH LÀ NGUỒN GỐC CỦA VẤN ĐỀ

05

Chúng tôi đề cao tinh thần tự chịu trách nhiệm, bắt đầu từ việc nhìn nhận vấn đề từ chính mình trước khi tìm nguyên nhân bên ngoài.

Tại PLP: Thể hiện qua việc chủ động cải tiến quy trình, nâng cao năng lực vận hành và không đổ lỗi khi xảy ra vấn đề trong sản xuất.

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## 2008 - KHỞI NGUỒN

Vốn điều lệ ban đầu **100 tỷ đồng**.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, đặt nền móng cho chiến lược phát triển các sản phẩm vật liệu từ nguồn tài nguyên CaCO<sub>3</sub>.

## 2009 - XÂY NỀN

Được cấp phép khai thác mỏ đá Thung Hưng.

Thành lập Chi nhánh Nghệ An nhằm triển khai hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, từng bước hình thành nền tảng nguyên liệu cho hoạt động sản xuất.

## 2014 - ĐẦU TƯ SẢN XUẤT

Đầu tư nhà máy sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> công suất 199.680 tấn/năm.

Xây dựng nhà máy bột đá siêu mịn công suất 108.000 tấn/năm và nhà máy phụ gia ngành nhựa công suất 96.000 tấn/năm tại Hải Phòng.

## 2016 - TĂNG TỐC

Nhà máy Filler Masterbatch chính thức đi vào hoạt động với 2 dây chuyền sản xuất, công suất thiết kế 26.400 tấn/năm, đánh dấu bước tiến trong lĩnh vực vật liệu phụ trợ cho ngành nhựa.

## 2017 - NIÊM YẾT

Cổ phiếu PLP chính thức niêm yết trên HOSE.

Vốn điều lệ tăng lên **150 tỷ đồng**.

Đầu tư thêm 02 dây chuyền Filler Masterbatch, nâng tổng công suất lên 52.800 tấn/năm.

## 2018 - MỞ RỘNG

Tiếp tục đầu tư và nâng cấp dây chuyền Filler Masterbatch lên 95.000 tấn/năm.

Đầu tư dây chuyền sản xuất đá lát nhân tạo công suất 1,8 triệu m<sup>2</sup>/năm.

## 2020 - CHUYỂN MÌNH

Định hướng phát triển các vật liệu công nghệ cao từ CaCO<sub>3</sub>, đầu tư liên doanh mở Nhà máy sản xuất SPC Nhơn Trạch, Đồng Nai. Tiền đề nghiên cứu và phát triển sản phẩm ván lát sàn SPC - dòng vật liệu mới có giá trị gia tăng cao.

## 2022 - VƯƠN XA

Tăng vốn điều lệ lên **700 tỷ đồng**.

Sản phẩm sàn SPC từng bước khẳng định vị thế trên thị trường, được xuất khẩu sang nhiều thị trường quốc tế và đạt nhiều chứng nhận về chất lượng.

## 2024 - TÁI CẤU TRÚC

Triển khai tái cấu trúc hoạt động sản xuất, đầu tư và mở rộng nhà máy sản xuất ván lát sàn công nghệ cao tại Hải Phòng. Nhà máy SPC chính thức đi vào vận hành với 8 dây chuyền sản xuất, công suất thiết kế khoảng 9 triệu m<sup>2</sup>/năm.

## 2025 - CÙNG CỐ NỀN TẢNG - GIA TĂNG NỘI LỰC

Tăng vốn điều lệ lên **900 tỷ đồng**, củng cố năng lực tài chính cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Vận hành ổn định nhà máy SPC Hải Phòng. Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa hệ thống và nâng cao năng lực quản trị – tạo nền tảng để doanh nghiệp đứng vững và sẵn sàng vượt qua các biến động của thị trường.

# NGÀNH NGHỀ, LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu công nghệ cao từ khoáng sản  $\text{CaCO}_3$ , phục vụ ngành xây dựng, nội thất và công nghiệp nhựa. Trên nền tảng năng lực sản xuất và kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu, Công ty tập trung phát triển các nhóm sản phẩm chính sau:

### VẬT LIỆU LÁT SÀN CÔNG NGHỆ CAO SPC VÀ PHỤ KIỆN

Sản xuất và kinh doanh ván lát sàn SPC (Stone Plastic Composite) – dòng vật liệu lát sàn thế hệ mới với thành phần chính từ bột đá  $\text{CaCO}_3$  kết hợp với nhựa polymer và các phụ gia công nghệ. Bên cạnh đó, Công ty cung cấp các phụ kiện hoàn thiện cho hệ sàn như phào chân tường, nẹp kết thúc và các phụ kiện đồng bộ khác, tạo thành giải pháp lát sàn hoàn chỉnh cho các công trình xây dựng và nội thất.

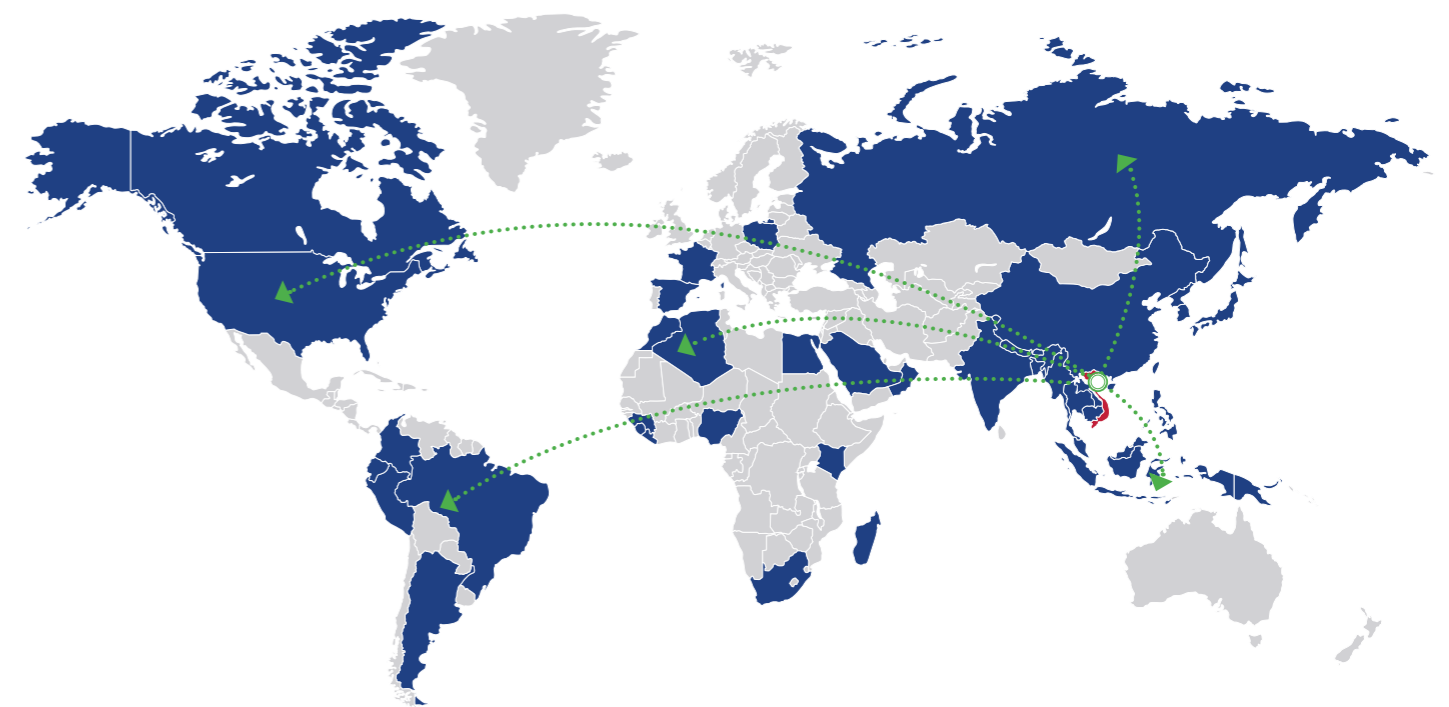


### HẠT NHỰA PHỤ GIA FILLER MASTERBATCH

Sản xuất và kinh doanh hạt nhựa phụ gia Filler Masterbatch, được cấu thành chủ yếu từ bột đá  $\text{CaCO}_3$  và nhựa nền, là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong sản xuất các sản phẩm nhựa như bao bì, tấm nhựa và các sản phẩm nhựa công nghiệp.

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Với chuỗi quy trình sản xuất khép kín, chế biến sâu tài nguyên không tái tạo từ đá vôi, vôi bột, đến sản phẩm Filler chất phụ gia ngành nhựa và đặc biệt là sản phẩm ván sàn công nghệ SPC, phào nẹp,... với quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, Pha Lê đã đem đến sự uy tín cho các khách hàng trong và ngoài nước.



**+ 70 QUỐC GIA**

Địa bàn kinh doanh phát triển với hơn 70 nước, trải dài khắp các châu lục và nội địa Việt Nam: Nội địa, Mỹ, Châu Âu, Châu Á, Nam Phi,... Riêng đối với sản phẩm chiến lược sàn đá công nghệ SPC, Pha Lê trọng tâm phát triển tại thị trường Mỹ.

# TỔNG QUAN VỀ CÁC SẢN PHẨM CÔNG TY

Khởi đầu từ nhà máy khai thác, chế biến khoáng sản, Nhựa Pha Lê định hướng và xây dựng chuỗi khai thác - chế biến sâu - sản xuất sản phẩm đầu cuối, khai thác tối ưu giá trị nguồn tài nguyên khoáng sản thiên nhiên. Với định hướng phát triển các sản phẩm từ tài nguyên sẵn có - Mỏ đá CaCO<sub>3</sub>, trong giai đoạn đầu, công ty đẩy mạnh khai thác đá, bột đá tại mỏ và phát triển sản xuất cho sản phẩm hạt nhựa phụ gia Filler MaterBatch - là nguyên liệu phục vụ cho sản xuất ngành công nghiệp nhựa, với tỷ trọng cấu thành lớn từ bột đá CaCO<sub>3</sub>. Bởi là sản phẩm trung gian trong quá trình sản xuất thành phẩm nhựa nên biên lợi nhuận sản phẩm cũng không đạt giá trị lớn, và thị trường hạt nhựa phụ gia cũng bước vào giai đoạn bão hòa nên việc dịch chuyển, mở rộng sản xuất sản phẩm mới là điều tất yếu cho sự phát triển của công ty.

PLP luôn không ngừng nghiên cứu và phát triển những sản phẩm đầu cuối và giai đoạn 3 năm vừa qua PLP đã có những bước tiến trong sản xuất sản phẩm ván sàn công nghệ SPC và phụ kiện phào nẹp SPC (với trên 75% thành phần cấu thành là bột đá CaCO<sub>3</sub>) - đây cũng là sản phẩm

xu thế mới, nhiều ưu việt và tiềm năng lớn trong lĩnh vực ván lát sàn. Trong chu kỳ tăng trưởng mới, ván lát sàn công nghệ cao SPC và hệ phụ kiện đồng bộ sẽ giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ đạo trong chiến lược phát triển sản xuất - kinh doanh của Nhựa Pha Lê.

Trong cơ cấu sản phẩm, ván lát sàn công nghệ SPC được xác định là dòng sản phẩm chiến lược, đóng vai trò động lực tăng trưởng chính trong giai đoạn phát triển mới của Công ty.

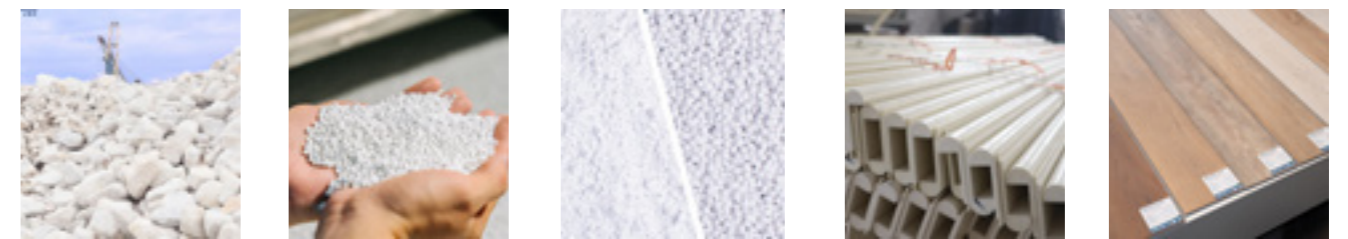
Trên nền tảng chuỗi giá trị từ khai thác - chế biến sâu - sản xuất sản phẩm đầu cuối, SPC không chỉ giúp gia tăng giá trị từ nguồn nguyên liệu CaCO<sub>3</sub>, mà còn mở ra khả năng tham gia sâu hơn vào thị trường vật liệu hoàn thiện có giá trị gia tăng cao.

Việc tập trung phát triển SPC phản ánh rõ định hướng chuyển dịch từ sản phẩm trung gian sang sản phẩm đầu cuối, từ gia công sang kiểm soát chất lượng và tiêu chuẩn, qua đó nâng cao biên lợi nhuận và vị thế cạnh tranh của Công ty.



MỎ ĐÁ NGHỆ AN

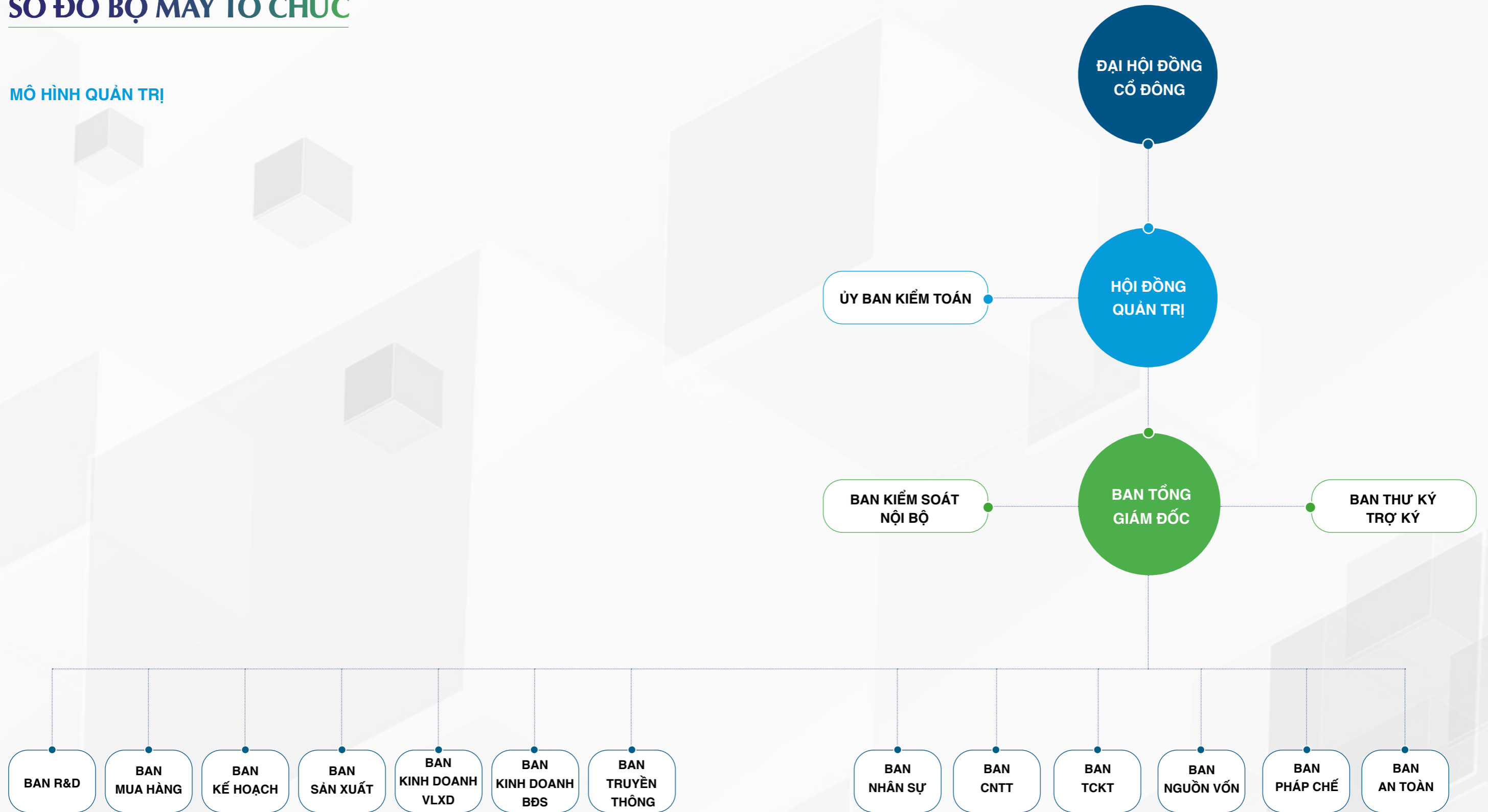
## CHUỖI KHAI THÁC - CHẾ BIẾN SÂU - SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐẦU CUỐI



TỐI ƯU GIÁ TRỊ NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

# SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



# SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC

## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết

Thông tin	Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Neo Global	Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An
Mối quan hệ	Công ty con	Công ty liên kết
Địa chỉ	Xóm Hợp Tiến, Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	Số 84, đường Hậu Cần, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Hoạt động kinh doanh chính	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	Kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ sở hữu	70%	49,5%

## CÔNG TY CON

### Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Neo Global

Neo Global hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hạt nhựa phụ gia Filler Masterbatch, là một trong những sản phẩm truyền thống của Công ty. Trong năm, Neo Global duy trì hoạt động sản xuất ổn định, đóng góp vào chuỗi cung ứng nguyên vật liệu cho ngành nhựa. Doanh thu trong kỳ đạt 145 tỷ đồng, góp phần vào kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

## CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An

Công ty là pháp nhân triển khai dự án bất động sản tại Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh (Quảng Ninh). Dự án bao gồm tòa chung cư 25 tầng, hiện đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và quy hoạch chi tiết 1/500.

Trong giai đoạn hiện tại, Công ty đang tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý và chuẩn bị thi công dự án. Dự kiến, dự án sẽ mở bán trong Quý II/2026, kỳ vọng mang lại nguồn thu và đóng góp tích cực vào hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn.

# DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông Mai Thanh Phương

Chủ tịch HĐQT

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Học vấn:** Kỹ sư ngành Địa chất; Cử nhân Kinh tế

#### Kinh nghiệm:

Với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị sản xuất, khai thác khoáng sản và đầu tư, Ông Mai Thanh Phương là người đặt nền móng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Ông có bề dày kinh nghiệm trong tổ chức vận hành doanh nghiệp, quản lý tài nguyên khoáng sản và hoạch định chiến lược đầu tư, góp phần định hình định hướng chuyển dịch sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Dưới sự lãnh đạo của Ông, Công ty đã triển khai thành công quá trình tái cấu trúc và từng bước xác lập động lực tăng trưởng mới.

#### Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:

- CTCP Neo Floor
- CTCP Tổng công ty Công trình đường sắt
- CTCP Xây dựng Hạ Long

**Sở hữu cổ phiếu:** 14.760.000 cổ phiếu PLP, tương đương 21,09%.

### Ông Lê Thạc Tuấn

TV HĐQT độc lập, TV Ủy ban kiểm toán

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Học vấn:** Kỹ sư xây dựng mỏ; Cử nhân Kinh tế

#### Kinh nghiệm:

Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và khai thác khoáng sản.

Với vai trò thành viên HĐQT độc lập, Ông đóng góp chuyên môn sâu trong quản trị điều hành, giám sát hoạt động sản xuất và đảm bảo tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp.

Kinh nghiệm thực tiễn lâu năm giúp Ông đưa ra các khuyến nghị chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và kiểm soát rủi ro.

#### Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:

- CTCP Cơ điện lạnh Hoàn Kiếm
- CTCP đầu tư Công trình đường sắt Việt Nam

**Sở hữu cổ phiếu:** 0 cổ phiếu PLP, tương đương 0%.

### Bà Trần Hải Yến

TV HĐQT, Tổng giám đốc

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Học vấn:** Cử nhân Quản trị Kinh doanh

#### Kinh nghiệm:

Với 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, Bà Trần Hải Yến có nhiều đóng góp trong công tác hoạch định chiến lược và phát triển thị trường.

Bà tham gia tích cực vào việc xây dựng các chính sách kinh doanh, cơ cấu hệ thống quản trị và định hướng tăng trưởng bền vững của Công ty.

Kinh nghiệm điều hành và quản trị giúp củng cố năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

#### Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:

- CTCP Thương mại & Du lịch Tân Việt An

**Sở hữu cổ phiếu:** 4.266.640 cổ phiếu PLP, tương đương 4,74%.

### Ông Cao Văn Thọ

TV HĐQT độc lập, Trưởng ban Ủy ban kiểm toán

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Học vấn:** Cử nhân Kinh tế; Thạc sĩ Marketing

#### Kinh nghiệm:

Ông có 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị tài chính và chiến lược thị trường.

Với nền tảng chuyên môn về tài chính và marketing, Ông đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả quản lý nguồn lực và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

Ông tham gia tư vấn và giám sát các chính sách tài chính nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững và kiểm soát rủi ro tài chính.

#### Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:

- CTCPTương mại & Du lịch Tân Việt An

**Sở hữu cổ phiếu:** 200.000 cổ phiếu PLP, tương đương 0,29%.

# DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

## THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ông Nguyễn Thanh Bình

Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Học vấn:** Cử nhân Kinh tế

**Kinh nghiệm:**

Ông có 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, đặc biệt trong công tác tổ chức vận hành, quản lý dây chuyền và tối ưu hiệu suất nhà máy.

Với vai trò Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất, Ông chịu trách nhiệm điều hành hoạt động sản xuất, kiểm soát chất lượng và đảm bảo tiến độ đơn hàng.

Ông đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định vận hành nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và cải tiến quy trình nhằm tối ưu chi phí sản xuất, góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh của Công ty trong giai đoạn sau tái cấu trúc.

**Sở hữu cổ phiếu:** 0 cổ phiếu PLP, tương đương 0%.

### Ông Phạm Xuân Trí

Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Học vấn:** Thạc sĩ Kinh tế

**Kinh nghiệm:**

Ông có 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - kế toán, với chuyên môn trong quản trị tài chính doanh nghiệp, kiểm soát chi phí và lập kế hoạch ngân sách.

Trên cương vị Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng, Ông phụ trách công tác quản lý tài chính, kế toán, báo cáo tài chính và tuân thủ các quy định công bố thông tin theo chuẩn mực của doanh nghiệp niêm yết.

**Sở hữu cổ phiếu:** 2.000.000 cổ phiếu PLP, tương đương 2,22%.

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN LÃNH ĐẠO

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2025 đã thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức Công ty, miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát và thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán được cơ cấu với 2 thành viên: Ông Cao Văn Thọ – Trưởng Ban và Ông Lê Thạc Tuấn - Ủy viên.



# ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, Công ty xác định chiến lược phát triển không chỉ dựa trên mục tiêu tăng trưởng, mà tập trung vào việc xây dựng nền tảng đủ vững để có thể vận hành ổn định và thích ứng trong dài hạn.

Kế thừa các nền tảng đã được hình thành trong giai đoạn trước, đặc biệt là năm 2024, Công ty định hướng phát triển theo lộ trình rõ ràng giữa trung hạn và dài hạn, với trọng tâm là nâng cao năng lực nội tại, chuẩn hóa hệ thống và củng cố khả năng kiểm soát chuỗi sản xuất.

## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRUNG

Trong giai đoạn trung hạn, Công ty tập trung vào việc hoàn thiện các yếu tố nền tảng nhằm tạo ra sự ổn định và tính nhất quán trong vận hành.

## Củng cố nền tảng – Chuẩn hóa – Nâng cao năng lực vận hành



**Chuẩn hóa và số hóa hệ thống vận hành**

Công ty đẩy mạnh chuẩn hóa quy trình trên nền tảng số, từng bước số hóa và kết nối dữ liệu giữa các bộ phận trong chuỗi sản xuất. Mục tiêu là nâng cao khả năng kiểm soát, giảm phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân và tăng tính minh bạch trong vận hành.



**Nâng cao năng lực nội tại và hiệu quả sản xuất**

Tập trung cải thiện hiệu suất vận hành, tối ưu nguồn lực và nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, phát triển đội ngũ theo hướng chuyên môn hóa và thích ứng với hệ thống quản trị ngày càng chuẩn hóa.



**Tăng cường kiểm soát chuỗi sản xuất**

Tiếp tục củng cố khả năng kiểm soát toàn bộ chuỗi sản xuất từ nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng, đảm bảo chất lượng ổn định và đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của thị trường quốc tế.



**Phát triển thị trường theo hướng chọn lọc**

Ưu tiên các thị trường có tiêu chuẩn cao, phát triển trên cơ sở năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn, đảm bảo sự đồng bộ giữa đầu ra và nội lực doanh nghiệp.

# ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN (TIẾP)

## ĐỊNH HƯỚNG DÀI HẠN (TỪ 2027 TRỞ ĐI)

Trên nền tảng đã được củng cố trong giai đoạn trung hạn, Công ty hướng tới việc phát triển theo chiều sâu và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị.

### Phát huy nội lực – Mở rộng hiệu quả – Nâng cao vị thế



#### Hoàn thiện mô hình vận hành trên nền tảng chuẩn hóa

Công ty đẩy mạnh chuẩn hóa quy trình trên nền tảng số, từng bước số hóa và kết nối dữ liệu giữa các bộ phận trong chuỗi sản xuất. Mục tiêu là nâng cao khả năng kiểm soát, giảm phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân và tăng tính minh bạch trong vận hành.



#### Nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế

Tập trung cải thiện hiệu suất vận hành, tối ưu nguồn lực và nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, phát triển đội ngũ theo hướng chuyên môn hóa và thích ứng với hệ thống quản trị ngày càng chuẩn hóa.



#### Phát triển theo hướng bền vững và dài hạn

Tiếp tục củng cố khả năng kiểm soát toàn bộ chuỗi sản xuất từ nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng, đảm bảo chất lượng ổn định và đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của thị trường quốc tế.

“ Trong dài hạn, Công ty hướng tới việc trở thành một trong những nhà sản xuất vật liệu lát sàn công nghệ cao có năng lực vận hành ổn định và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế tại các thị trường trọng điểm. Định hướng này không chỉ dựa trên quy mô sản xuất, mà trên khả năng duy trì chất lượng ổn định, kiểm soát chuỗi cung ứng và xây dựng uy tín với khách hàng toàn cầu. ”



CHƯƠNG

02

---

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

- 34 Bối cảnh kinh tế và ngành vật liệu ván lát sàn
- 36 Đánh giá chung của Ban Tổng giám đốc
- 42 Hoạt động đầu tư 2025
- 48 Tình hình tài chính

# BỐI CẢNH KINH TẾ VÀ NGÀNH VẬT LIỆU VÁN LÁT SÀN

## BỐI CẢNH KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế thế giới bước vào giai đoạn ổn định hơn sau thời kỳ chịu tác động mạnh của lạm phát cao, lãi suất tăng và chính sách tiền tệ thắt chặt kéo dài trong các năm trước. Theo IMF, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 được dự báo đạt khoảng 3,2%, giảm nhẹ so với mức 3,3% của năm 2024; lạm phát toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm nhưng môi trường tăng trưởng vẫn được đánh giá là còn nhiều bất định và rủi ro nghiêng về phía suy giảm.

Hoạt động thương mại toàn cầu có tín hiệu cải thiện so với giai đoạn suy yếu trước đó, nhưng bản chất phục hồi chưa thật sự bền vững. WTO cho biết triển vọng thương mại quốc tế trong năm 2025 tiếp tục chịu tác động đáng kể từ biến động chính sách, hàng rào thương mại và các thay đổi trong dòng chảy thương mại toàn cầu; đồng thời, WTO cũng ghi nhận phạm vi dữ liệu ngày càng mở rộng đối với các thống kê về thương mại hàng hóa, dịch vụ và chỉ số thị trường tiếp cận, phản ánh môi trường thương mại ngày càng phức tạp và chịu giám sát chặt chẽ hơn.

Đối với các thị trường phát triển, đặc biệt là Mỹ và châu Âu, năm 2025 tiếp tục là một năm chưa thực sự thuận lợi cho các ngành vật liệu gắn với xây dựng và hoàn thiện nội thất. Tại châu Âu, Ủy ban châu Âu dự báo GDP khu vực đồng euro tăng khoảng 1,3% trong năm 2025, trong khi lạm phát giảm còn khoảng 2,1%, cho thấy xu hướng ổn định hơn nhưng vẫn trong môi trường tăng trưởng thấp. Đồng thời, EC cũng lưu ý rằng tăng trưởng xây dựng cần thời gian lâu hơn để phục hồi rõ nét, trong khi môi trường thương mại bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế quan và cạnh tranh nhập khẩu.

Tại Mỹ, thị trường nhà ở tiếp tục chịu áp lực từ mặt bằng lãi suất vay mua nhà vẫn ở mức cao. Dữ liệu của Freddie Mac cho thấy lãi suất vay mua nhà cố định 30 năm vẫn duy trì ở vùng cao trong giai đoạn gần đây, phản ánh chi phí vốn của thị trường nhà ở Mỹ chưa thực sự trở lại vùng thuận lợi. Song song với đó, NAR cho thấy sức mua nhà ở vẫn chịu sức ép rõ rệt, với khả năng tiếp cận nhà ở của người mua mới suy yếu và hoạt động mua bán nhà ở duy trì ở nền thấp lịch sử tương đối. Harvard JCHS cũng đánh giá chi tiêu cải tạo nhà ở trong năm 2025 chỉ phục hồi ở mức khiêm tốn, cho thấy nhu cầu đối với các nhóm vật liệu hoàn thiện chưa bước vào chu kỳ tăng mạnh.

“ Doanh nghiệp muốn duy trì vị thế phải tập trung vào sức chống chịu và năng lực thích ứng với biến động thị trường ”

## NGÀNH VẬT LIỆU VÁN LÁT SÀN

Trong bối cảnh đó, ngành vật liệu ván lát sàn toàn cầu, đặc biệt là phân khúc SPC, bước sang một giai đoạn cạnh tranh khốc liệt hơn. Nếu giai đoạn trước được thúc đẩy bởi tăng trưởng nhanh và xu hướng thay thế vật liệu truyền thống, thì năm 2025 cho thấy thị trường đang chuyển sang pha sàng lọc, nơi lợi thế không còn nằm chủ yếu ở việc mở rộng sản lượng, mà nằm ở khả năng kiểm soát chi phí, ổn định chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn và duy trì sức chống chịu trong điều kiện thị trường biến động.

Đối với Việt Nam, mặc dù vẫn duy trì vị thế là một trong những quốc gia xuất khẩu ván sàn SPC lớn trên thế giới, nhưng cơ cấu thị trường và tốc độ tăng trưởng đang có sự thay đổi đáng kể. Tổng sản lượng xuất khẩu SPC từ Việt Nam ra toàn cầu trong năm 2025 ước đạt khoảng 245 triệu m<sup>2</sup>, tăng 18% so với mức 207 triệu m<sup>2</sup> của năm 2024, cho thấy nhu cầu tại các thị trường khác ngoài Mỹ vẫn duy trì tích cực. Tuy nhiên, riêng thị trường Mỹ ghi nhận sự sụt giảm khoảng 10%, từ 191 triệu m<sup>2</sup> xuống còn 171 triệu m<sup>2</sup>, phản ánh rõ tác động của nhu cầu suy yếu và các chính sách thuế quan, kiểm soát nhập khẩu ngày càng chặt chẽ từ phía Hoa Kỳ.

Trong bối cảnh đó, việc ưu tiên nâng cao chất lượng vận hành và năng lực kiểm soát thay vì theo đuổi tăng trưởng sản lượng bằng mọi giá là một lựa chọn phù hợp.

Có thể thấy, năm 2025 không phải là năm thuận lợi cho chiến lược tăng trưởng ngắn hạn. Đây là giai đoạn mà doanh nghiệp muốn duy trì vị thế phải tập trung vào nền tảng vận hành, sức chống chịu tài chính, năng lực kiểm soát hệ thống và khả năng thích ứng với biến động thị trường.

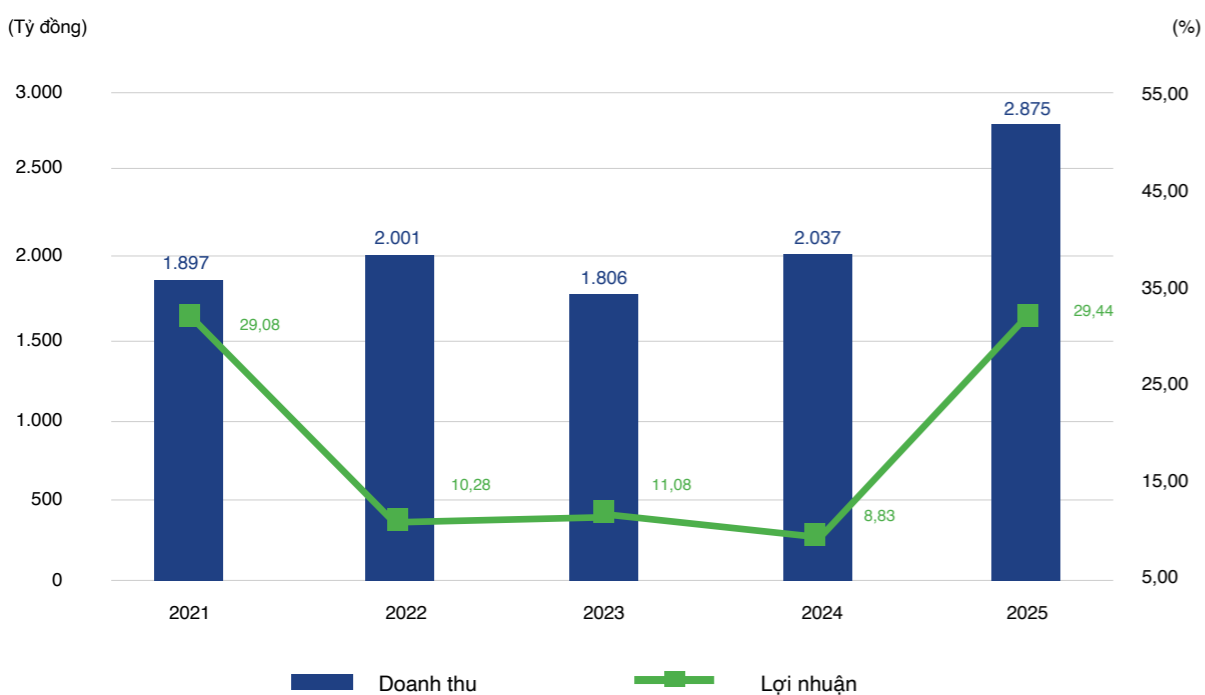




## ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ VÀ NGÀNH NHƯ TRÊN, NĂM 2025 LÀ MỘT NĂM CÔNG TY KHÔNG LỰA CHỌN CÁCH TIẾP CẬN TĂNG TRƯỞNG BẰNG MỌI GIÁ, MÀ CHỦ ĐỘNG ƯU TIÊN CÙNG CỐ NỀN TẢNG, ỔN ĐỊNH HỆ THỐNG VẬN HÀNH VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC NỘI TẠI.



NĂM 2025 NHƯ MỘT NĂM BÀN LỀ, ĐÁNH DẤU BƯỚC CHUYỂN TỪ GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ NẶNG SANG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH HIỆU QUẢ HƠN, CHỨ CHƯA PHẢI LÀ NĂM KHAI THÁC TỐI ĐA BIÊN LỢI NHUẬN.

Kết quả thực hiện cho thấy hướng đi này đã mang lại tác động tích cực ngay trong năm. Theo số liệu trong hồ sơ kết quả hoạt động, tổng doanh thu năm 2025 đạt 2.874.855 triệu đồng, tăng 41,50% so với mức 2.037.262 triệu đồng của năm 2024 và vượt 6,5% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, doanh thu thuần từ bán hàng đạt 2.882.646 triệu đồng, tăng 43,55% so với năm trước và chiếm 99,73% tổng doanh thu năm 2025. Đây là một điểm rất quan trọng về chất lượng doanh thu, cho thấy tăng trưởng của Công ty đến chủ yếu từ hoạt động sản xuất – kinh doanh cốt lõi, thay vì phụ thuộc vào các khoản thu tài chính hay thu nhập bất thường.

Ở chiều hiệu quả, lợi nhuận gộp đạt 191.933 triệu đồng, tăng 53,17% so với mức 125.310 triệu đồng của năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 29.443 triệu đồng, tăng 232,65%; và lợi nhuận sau thuế đạt 29.443 triệu đồng, tăng 233,59% so với mức 8.826 triệu đồng của năm trước. Việc lợi nhuận tăng nhanh hơn đáng kể so với doanh thu cho thấy năm 2025 không chỉ là năm tăng trưởng về quy mô, mà còn là năm Công ty bắt đầu cải thiện rõ rệt về hiệu quả vận hành và khả năng chuyển hóa doanh thu thành lợi nhuận.

Tuy nhiên, nếu nhìn vào bản chất hoạt động, kết quả năm 2025 vẫn chưa phải là một sự bứt phá mạnh về biên lợi nhuận. Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống, tối ưu chi phí và hấp thụ hiệu quả các khoản đầu tư lớn vào năng lực sản xuất. Nói cách khác, năm 2025 nên được nhìn nhận như một năm bàn lề, đánh dấu bước chuyển từ giai đoạn đầu tư nặng sang giai đoạn vận hành hiệu quả hơn, chứ chưa phải là năm khai thác tối đa biên lợi nhuận.

# ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chi tiêu	2024	2025	Tỷ trọng		Thay đổi (%)
			2024	2025	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.037.262</b>	<b>2.874.855</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>41,50%</b>
Doanh thu thuần về bán hàng	2.002.717	2.882.646	99,99%	99,73%	43,55%
Doanh thu tài chính	34.362	6.635	1,72%	0,23%	-80,69%
Thu nhập khác	183	1.196	0,01%	0,04%	553,55%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>2.028.411</b>	<b>2.853.135</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>40,66%</b>
Giá vốn hàng bán	1.877.407	2.682.882	92,56%	94,03%	42,90%
Chi phí tài chính	58.128	100.524	2,87%	3,52%	72,94%
Chi phí BH, QLDN	50.646	66.346	2,50%	2,33%	31,00%
Chi phí khác	42.230	3.383	2,08%	0,12%	-91,99%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>125.310</b>	<b>191.933</b>			<b>53,17%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>8.851</b>	<b>29.443</b>			<b>232,65%</b>
Thuế TNDN	25	-			-100,00%

## DOANH THU

**2.874 TRIỆU ĐỒNG**

TĂNG 41,5% SO VỚI 2024

## LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**29.443 TRIỆU ĐỒNG**

TĂNG 232% SO VỚI 2024

Một điểm đáng ghi nhận khác là cơ cấu doanh thu và chi phí đã cho thấy chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Doanh thu tài chính giảm mạnh từ 34.362 triệu đồng xuống 6.635 triệu đồng, tương ứng giảm 80,69%, nhưng tổng doanh thu và lợi nhuận vẫn tăng mạnh. Điều này càng củng cố nhận định rằng tăng trưởng của năm 2025 đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi. Trong khi đó, tổng chi phí tăng 40,66%, thấp hơn mức tăng của doanh thu; chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 31,00%, cũng chậm hơn tốc độ tăng doanh thu. Điều này phản ánh nỗ lực kiểm soát chi phí của Công ty trong quá trình mở rộng hoạt động.

Dù vậy, áp lực tài chính vẫn hiện hữu. Chi phí tài chính năm 2025 đạt 100.524 triệu đồng, tăng 72,94% so với năm trước. Đây là hệ quả dễ hiểu của giai đoạn đầu tư và duy trì đòn bẩy tài chính tương đối cao để mở rộng công suất, song cũng cho thấy biên lợi nhuận của Công ty vẫn chịu sức ép đáng kể từ chi phí vốn. Việc lợi nhuận sau thuế vẫn tăng mạnh trong điều kiện chi phí tài chính tăng cho thấy Công ty đã có bước tiến tích cực trong hiệu quả vận hành và khai thác tài sản.

Xét về bản chất, điểm mạnh nhất của năm 2025 không chỉ nằm ở con số doanh thu và lợi nhuận, mà ở sự cải thiện về chất lượng hoạt động. Công ty đã từng bước ổn định sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, kiểm soát tốt hơn chi phí vận hành và bắt đầu hiện thực hóa định hướng chuẩn hóa, số hóa hệ thống. Như thông điệp Chủ tịch đã nhấn mạnh, những thay đổi này có thể chưa tạo ra khác biệt đột biến ngay trong ngắn hạn, nhưng đã giúp Công ty xây dựng một nền tảng vận hành có khả năng kiểm soát cao hơn và ổn định hơn để chuẩn bị cho giai đoạn 2026.

Từ góc độ Ban Tổng Giám đốc, có thể đánh giá năm 2025 là một năm Công ty đi chắc hơn là đi nhanh. Kết quả của năm phản ánh một hướng đi phù hợp: trong bối cảnh ngành đang bước vào giai đoạn sàng lọc, việc củng cố nội lực, chuẩn hóa hệ thống và nâng cao hiệu quả vận hành là điều kiện cần để doanh nghiệp duy trì năng lực cạnh tranh và sẵn sàng bước vào chu kỳ tăng trưởng tiếp theo khi thị trường thuận lợi hơn.



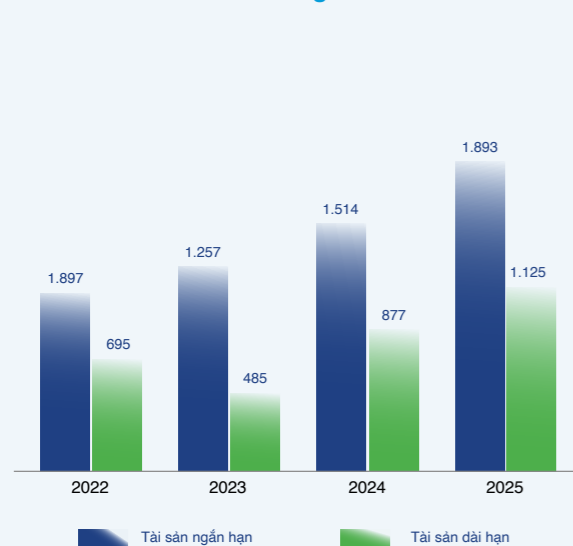
## ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

(Đơn vị: Triệu đồng)

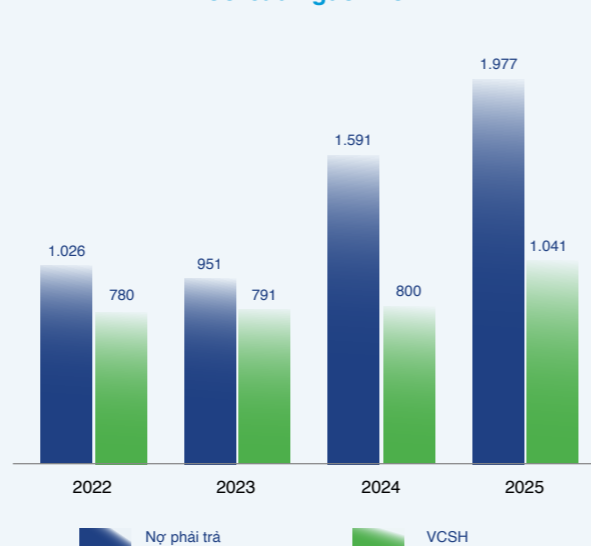
Chỉ tiêu	2023	2024	2025
<b>Doanh thu</b>	<b>1.806.342</b>	<b>2.002.868</b>	<b>2.874.856</b>
Doanh thu bán thành phẩm	987.956	308.404	651.759
Doanh thu bán hàng hóa	818.343	1.687.543	2.223.097
Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán khác	42	6.885	-
<b>Giá vốn</b>	<b>1.669.117</b>	<b>1.877.407</b>	<b>2.682.882</b>
Thành phẩm	855.495	201.710	486.410
Hàng hóa	813.621	1.672.584	2.196.472
Dịch vụ đã cung cấp và khác	-	3.112	-
<b>Tỷ suất lợi nhuận gộp</b>	<b>7,6%</b>	<b>6,26%</b>	<b>6,68%</b>
Thành phẩm	13,4%	34,60%	25,37%
Hàng hóa	0,6%	0,89%	1,20%
Dịch vụ đã cung cấp	-	54,80%	0



Cơ cấu tổng tài sản



Cơ cấu nguồn vốn



Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 6,68%, cải thiện so với năm 2024. Trong đó, biên lợi nhuận của mảng thành phẩm duy trì ở mức tương đối tốt, dù có điều chỉnh so với mức cao đột biến của năm trước, trong khi mảng hàng hóa tiếp tục ghi nhận biên lợi nhuận thấp nhưng có xu hướng cải thiện.

Tổng thể, cơ cấu doanh thu và biên lợi nhuận thể hiện quá trình tái cân bằng giữa tăng trưởng doanh thu và nâng cao hiệu quả, từng bước cải thiện chất lượng lợi nhuận nhưng vẫn chịu ảnh hưởng từ đặc thù ngành và áp lực cạnh tranh.

Cơ cấu tổng tài sản của Công ty duy trì theo hướng tập trung vào tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn do đầu tư vào nhà máy và dây chuyền sản xuất. Điều này phản ánh định hướng phát triển dài hạn và gia tăng năng lực sản xuất của Công ty trong giai đoạn vừa qua.

Trong năm 2025, tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn đã có sự cải thiện nhẹ. Tuy nhiên, do Công ty vẫn trong giai đoạn đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nên cơ cấu nguồn vốn vẫn duy trì mức đòn bẩy tương đối cao. Trong năm, Công ty đã thực hiện phát hành thêm cổ phần, tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ đồng nhằm bổ sung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó góp phần cải thiện năng lực tài chính và giảm áp lực đòn bẩy. Vốn chủ sở hữu từng bước được củng cố, nâng cao mức độ an toàn tài chính và khả năng tự chủ của doanh nghiệp.

# ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

## ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ CHÊNH LỆCH LÃI VAY VỚI HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Bên cạnh các yếu tố thị trường, hoạt động của Công ty trong năm 2025 cũng chịu tác động nhất định từ biến động của tỷ giá hối đoái và mặt bằng lãi suất. Với đặc thù là doanh nghiệp có tỷ trọng xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu lớn, biến động tỷ giá đã ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào cũng như giá trị các khoản công nợ bằng ngoại tệ.

Với đặc thù có tỷ trọng giao dịch ngoại tệ lớn, Công ty ghi nhận lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm đạt khoảng 1,88 tỷ đồng, đồng thời phát sinh thêm 1,61 tỷ đồng từ đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ cuối năm. Đối với chi phí vốn, chi phí lãi vay trong năm 2025 đạt khoảng 99,5 tỷ đồng, tăng 77% so với năm 2024, do gia tăng quy mô vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Diễn biến này đã ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tài chính của Công ty trong kỳ.

Trước bối cảnh đó, Công ty đã chủ động kiểm soát cơ cấu vay, tối ưu dòng tiền và cân đối nguồn vốn nhằm hạn chế tác động bất lợi từ biến động tỷ giá và lãi suất. Việc từng bước củng cố nền tảng tài chính sẽ giúp Công ty nâng cao khả năng thích ứng và duy trì sự ổn định trong các giai đoạn thị trường biến động.



## NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM CỦA CÔNG TY

Trong năm 2025, mặc dù chưa đặt trọng tâm vào tăng trưởng quy mô, Công ty đã đạt được nhiều tiến bộ quan trọng trong việc củng cố nền tảng vận hành và nâng cao năng lực nội tại, tạo tiền đề cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Trước hết, Công ty đã từng bước chuẩn hóa hệ thống quản trị và đẩy mạnh chuyển đổi số, hoàn thiện việc rà soát, chuẩn hóa quy trình vận hành và tăng cường kết nối dữ liệu giữa các bộ phận. Những cải tiến này giúp nâng cao khả năng kiểm soát, giảm phụ thuộc vào yếu tố cảm tính và tạo nền tảng cho việc vận hành ổn định trong điều kiện thị trường biến động.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất được cải thiện rõ rệt về hiệu quả và tính ổn định. Nhà máy sản xuất vật liệu ván lát sản công nghệ cao tại Hải Phòng đã đi vào vận hành ổn định, với hệ thống dây chuyền được đầu tư đồng bộ, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đồng thời tạo động lực tăng trưởng dài hạn cho Công ty.



Công ty cũng đạt được tiến bộ trong quản trị tài chính và hiệu quả kinh doanh, thể hiện qua việc kiểm soát chi phí, cải thiện biên lợi nhuận và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Mặc dù doanh thu chưa có sự tăng trưởng đột biến, nhưng lợi nhuận đã có sự cải thiện, phản ánh hiệu quả của quá trình tái cấu trúc và tối ưu vận hành.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục củng cố chuỗi cung ứng và chủ động nguồn nguyên vật liệu, đặc biệt với lợi thế về nguồn cung CaCO<sub>3</sub> trong nước và hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc, góp phần đảm bảo tính ổn định trong sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Song song với hoạt động kinh doanh, Công ty đã có những bước tiến trong triển khai các yếu tố phát triển bền vững (ESG), bao gồm kiểm soát nguyên vật liệu, tối ưu sử dụng năng lượng, giảm phát thải và đảm bảo an toàn cho người lao động cũng như người tiêu dùng.

Nhìn chung, những tiến bộ đạt được trong năm 2025 không chỉ thể hiện ở kết quả tài chính mà quan trọng hơn là ở việc nâng cao năng lực vận hành, khả năng kiểm soát và tính sẵn sàng của hệ thống – tạo nền tảng để Công ty chủ động thích ứng và nắm bắt cơ hội trong các giai đoạn tiếp theo.

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ ESG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục xác định các yếu tố Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) là một phần không tách rời trong chiến lược phát triển dài hạn. Thay vì triển khai ESG như một hoạt động riêng lẻ, Công ty tập trung lồng ghép các nguyên tắc này vào hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống quản trị, phù hợp với định hướng củng cố nền tảng và nâng cao năng lực nội tại.

### MÔI TRƯỜNG

Công ty từng bước hoàn thiện các giải pháp kiểm soát tác động môi trường trong hoạt động sản xuất, bao gồm quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu đầu vào, tối ưu hiệu quả sử dụng năng lượng và kiểm soát phát thải tại nguồn. Việc đưa vào vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái và thiết kế nhà máy theo hướng giảm thiểu phát tán bụi là những bước đi cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Đồng thời, các sản phẩm của Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn, thân thiện với môi trường và sức khỏe người tiêu dùng.



### XÃ HỘI

Công ty tiếp tục duy trì chính sách nhân sự ổn định, đảm bảo thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động, đồng thời chú trọng công tác an toàn lao động và phát triển nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, Công ty tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ các đối tượng khó khăn và đồng hành cùng địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động. Các tiêu chuẩn quốc tế về trách nhiệm xã hội và an ninh chuỗi cung ứng cũng được áp dụng nhằm nâng cao uy tín và tính tuân thủ trong hoạt động.



### QUẢN TRỊ

Về quản trị, Công ty tăng cường minh bạch thông tin, chuẩn hóa hệ thống quản trị và kiểm soát rủi ro, đặc biệt trong các lĩnh vực tài chính, vận hành và chuỗi cung ứng. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số và kết nối dữ liệu giúp nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ ra quyết định kịp thời. Đồng thời, Công ty tiếp tục duy trì các nguyên tắc quản trị thận trọng, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.



Xét trên góc độ tài chính, năm 2025 cũng phản ánh rõ quá trình chuyển dịch của Công ty từ giai đoạn đầu tư sang giai đoạn bắt đầu khai thác hiệu quả tài sản.

Trong các năm trước, Công ty duy trì mức đầu tư lớn và đòn bẩy tài chính cao nhằm mở rộng năng lực sản xuất. Đến năm 2025, khi các tài sản này đi vào vận hành ổn định hơn, hiệu quả sử dụng tài sản đã có dấu hiệu cải thiện, thể hiện qua tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

Tuy nhiên, chi phí tài chính vẫn ở mức cao cho thấy Công ty vẫn đang trong quá trình hấp thụ đầu tư và tối ưu cấu trúc vốn. Đây là giai đoạn chuyển tiếp cần thiết trước khi các chỉ tiêu sinh lời được cải thiện rõ nét hơn trong các năm tiếp theo.

TRÊN NỀN TẢNG ĐÓ,  
CÔNG TY ĐỊNH HƯỚNG  
TỪNG BƯỚC NÂNG CAO  
HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH, CẢI  
THIỆN KHẢ NĂNG SINH  
LỜI VÀ GIẢM DẪN ÁP LỰC  
TỪ CHI PHÍ VỐN TRONG  
TRUNG HẠN.

## HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2025

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực cho các dự án trọng điểm, phù hợp với định hướng “củng cố nền tảng - gia tăng nội lực” và chiến lược trung hạn lấy năng lực vận hành, chuẩn hóa hệ thống và kiểm soát chuỗi sản xuất làm trọng tâm. Bộ dự thảo kết quả hoạt động cho thấy các khoản đầu tư trong năm không được định vị như những bước mở rộng đơn thuần về quy mô, mà là quá trình chuyển các khoản đầu tư lớn trước đó sang giai đoạn vận hành thực tế và phát huy hiệu quả.



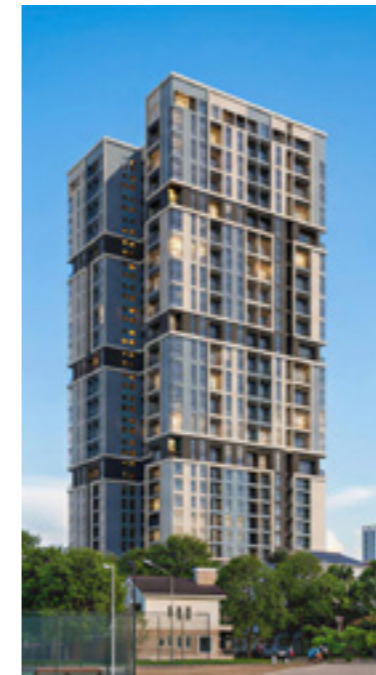
### MỞ RỘNG SẢN XUẤT VẬT LIỆU ỐP LÁT CÔNG NGHỆ CAO - HẢI PHÒNG

Đối với mảng sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao tại Hải Phòng, Công ty đã hoàn thành lắp đặt và đưa vào vận hành 8 dây chuyền sản xuất, nâng công suất lên khoảng 8,8 triệu m<sup>2</sup>/năm. Đây là một bước tiến quan trọng không chỉ ở quy mô công suất, mà ở chỗ hoạt động của nhà máy trong năm đã dần đi vào ổn định hơn, góp phần cải thiện khả năng cung ứng sản phẩm và hỗ trợ tăng trưởng doanh thu. Theo kế hoạch hiện tại, Công ty dự kiến tiếp tục lắp đặt thêm 4 dây chuyền trong Quý II/2026, nâng tổng công suất lên khoảng 13,2 triệu m<sup>2</sup>/năm. Việc nhà máy bắt đầu vận hành hiệu quả hơn là một trong những cơ sở giải thích cho sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của năm 2025.

Trong bối cảnh ngành SPC bước sang giai đoạn cạnh tranh chất lượng và hiệu quả thay vì chỉ chạy theo sản lượng, ý nghĩa lớn nhất của dự án Hải Phòng không nằm ở công suất danh nghĩa, mà nằm ở khả năng giúp Công ty chuyển từ trạng thái đầu tư sang trạng thái khai thác đầu tư hiệu quả hơn. Khi thị trường xuất khẩu ngày càng đòi hỏi cao hơn về chất lượng, tiến độ và tính ổn định, thì việc một nhà máy lớn đi vào vận hành ổn định, được chuẩn hóa tốt và kiểm soát tốt hơn sẽ tạo lợi thế cạnh tranh thực chất hơn nhiều so với việc chỉ gia tăng sản lượng đơn thuần. Nhận định này cũng phù hợp với quan điểm chiến lược mà chị đã tổng hợp từ các bài phát biểu của anh Phương: lợi thế cạnh tranh cốt lõi nằm ở khả năng kiểm soát chất lượng và độ ổn định trên toàn chuỗi, trong đó công nghệ, quy trình và quản trị chuỗi cung ứng là yếu tố quyết định.

Tổng thể, các hoạt động đầu tư của năm 2025 cho thấy Công ty đang từng bước dịch chuyển đúng theo logic chiến lược: từ giai đoạn đầu tư mạnh sang giai đoạn đưa đầu tư vào vận hành thực tế, cải thiện hiệu quả khai thác tài sản và chuẩn bị địa cho tăng trưởng những năm tiếp theo. Đây cũng là một điểm rất quan trọng để nhìn nhận kết quả năm 2025: lợi nhuận chưa bút phá mạnh về biên, nhưng nền tảng sản xuất và tài sản tạo doanh thu đã vững hơn rõ rệt.

### DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI CAO XANH HÀ KHÁNH A (RUBIK TOWER)



Bên cạnh hoạt động đầu tư trong mảng sản xuất, Công ty cũng ghi nhận tiến triển tại Dự án Khu nhà ở thương mại Cao Xanh Hà Khánh A (Rubik Tower) thông qua liên doanh góp vốn tại Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An. Theo hồ sơ kết quả hoạt động, trong năm 2025 dự án đã hoàn thành một số cột mốc pháp lý quan trọng, bao gồm phê duyệt chủ trương đầu tư và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. Dự án được quy hoạch là tòa chung cư cao 25 tầng, quy mô dự kiến khoảng 570 căn hộ, và hướng tới kế hoạch mở bán trong Quý II/2026.

Về bản chất, Neo Bay là một hướng đầu tư có tính bổ trợ, không thay thế cho hoạt động cốt lõi của Công ty. Giá trị của dự án này nằm ở khả năng tạo thêm nguồn thu và mở rộng dư địa tài chính cho trung và dài hạn, trong khi hoạt động sản xuất vật liệu vẫn là động cơ chính. Việc tiếp tục duy trì đầu tư theo hướng có chọn lọc, gắn với khả năng kiểm soát và hiệu quả khai thác, là phù hợp với chiến lược phát triển đã được xác lập: trung hạn là củng cố nền tảng, dài hạn là phát huy nội lực và nâng cao vị thế.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

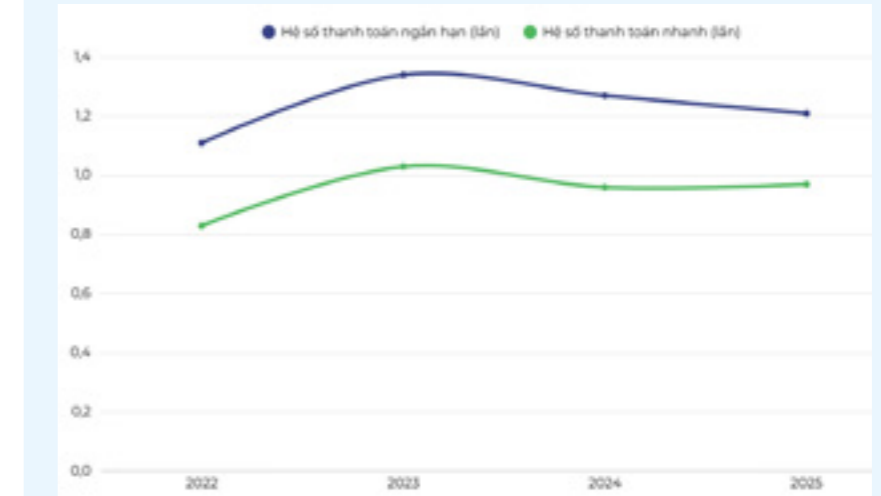


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

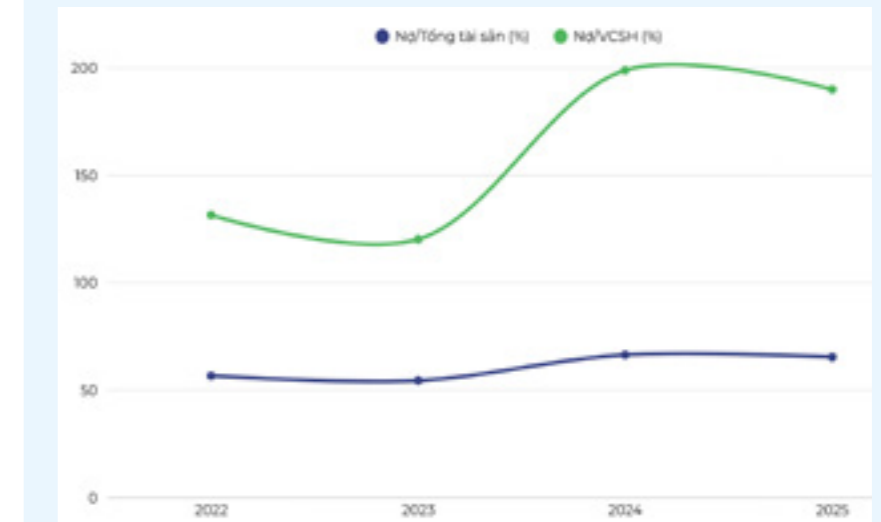
Chi tiêu	ĐVT	2022	2023	2024	2025
<b>1. Chi tiêu về khả năng thanh toán</b>					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,11	1,34	1,27	1,21
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,83	1,03	0,96	0,97
<b>2. Chi tiêu về cơ cấu vốn</b>					
- Nợ/Tổng tài sản	%	56,81	54,60	66,54	65,51
- Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	131,54	120,27	198,88	189,96
<b>3. Chi tiêu về năng lực hoạt động</b>					
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	6,45	5,92	5,74	7,18
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	1,11	1,02	0,97	1,06
<b>4. Chi tiêu về khả năng sinh lời</b>					
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,51	0,61	0,44	1,02
- Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	1,32	1,41	1,11	3,20
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,57	0,63	0,39	1,09
- Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	0,71	1,36	2,54	1,10
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/ cổ phiếu)		147	158	126	411

(Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán các năm 2022 - 2025)

### KHẢ NĂNG THANH TOÁN



### CƠ CẤU VỐN



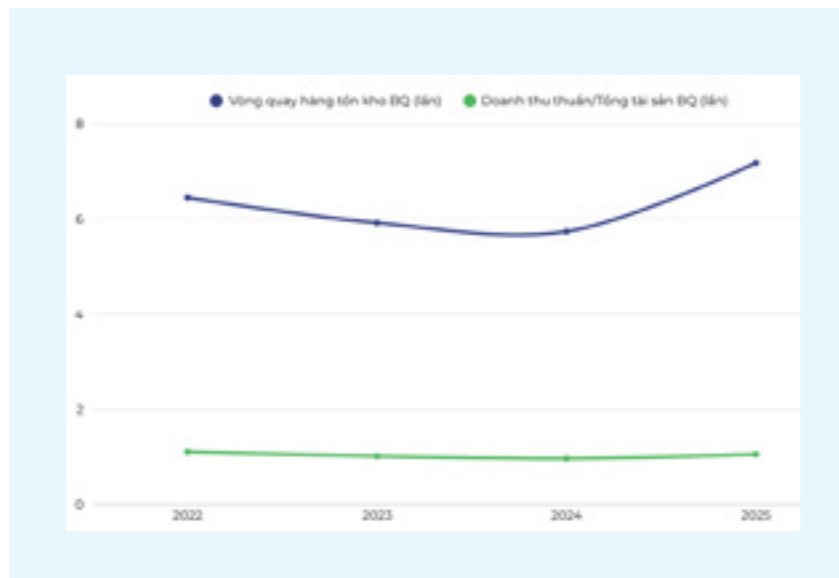
Về cơ cấu vốn, đòn bẩy tài chính vẫn ở mức cao nhưng đã có tín hiệu cải thiện. Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản giảm từ 66,54% xuống 65,51%, trong khi tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 198,88% xuống 189,96%. Dù mức giảm chưa lớn, xu hướng này cho thấy Công ty đã bắt đầu kiểm soát tốt hơn cấu trúc vốn sau giai đoạn đầu tư mạnh.

Trong năm 2025, Công ty đã phát hành thêm cổ phần, tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ đồng, qua đó góp phần củng cố vốn chủ sở hữu và giảm áp lực đòn bẩy trong trung hạn.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

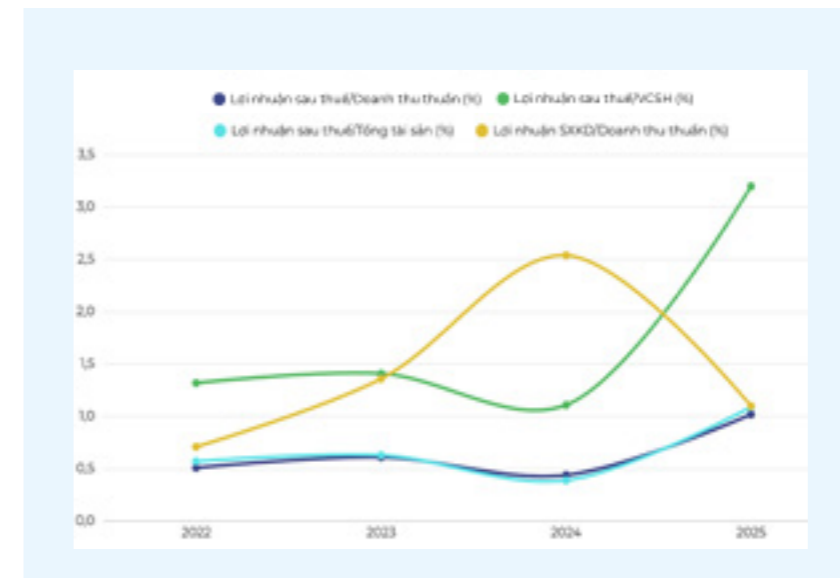


## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Về năng lực hoạt động, các chỉ tiêu cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản được cải thiện rõ. Vòng quay hàng tồn kho bình quân tăng từ 5,74 lần lên 7,18 lần, phản ánh tốc độ luân chuyển hàng hóa tốt hơn và khả năng quản lý tồn kho hiệu quả hơn. Doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân tăng từ 0,97 lần lên 1,06 lần, cho thấy tài sản đầu tư trong giai đoạn trước bắt đầu được khai thác hiệu quả hơn trong tạo doanh thu. Đây là chỉ báo quan trọng, bởi với một doanh nghiệp vừa qua giai đoạn đầu tư lớn, điều quan trọng không chỉ là có thêm tài sản, mà là khả năng chuyển hóa tài sản thành doanh thu và lợi nhuận.

## KHẢ NĂNG SINH LỜI



Về khả năng sinh lời, năm 2025 ghi nhận cải thiện rõ rệt trên hầu hết các chỉ tiêu. Biên lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 0,44% lên 1,02%; ROE tăng từ 1,11% lên 3,20%; ROA tăng từ 0,39% lên 1,09%; và EPS tăng từ 126 đồng/cổ phiếu lên 411 đồng/cổ phiếu. Những chỉ số này cho thấy năm 2025 là năm Công ty bắt đầu chuyển từ trạng thái “đầu tư tạo nền” sang trạng thái “thu được hiệu quả rõ hơn từ nền tảng đầu tư”. Dù mức sinh lời tuyệt đối vẫn chưa cao, hướng cải thiện là rõ ràng và có ý nghĩa tích cực.



**TÌNH HÌNH  
CÔNG NỢ  
PHẢI THU**

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Đơn vị: Đồng)

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025
Phải thu ngắn hạn	998.826.186.468	1.306.003.203.697
Phải thu khách hàng	606.874.837.258	951.207.963.236
Trả trước cho người bán	148.865.426.336	160.920.982.721
Phải thu về cho vay	7.200.000.000	89.710.650.000
Phải thu khác	240.459.108.297	110.224.037.601
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.573.185.423)	(6.060.429.861)
Phải thu dài hạn	13.428.913.877	13.428.913.877
Phải thu khác	13.428.913.877	13.428.913.877
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.012.255.100.345</b>	<b>1.319.432.117.574</b>

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng các khoản phải thu của Công ty đạt 1.319 tỷ đồng, tăng 30,4% so với năm trước, chủ yếu do phải thu khách hàng tăng mạnh, phù hợp với quy mô doanh thu mở rộng và chính sách bán hàng hỗ trợ thị trường.

Các khoản trả trước cho người bán duy trì ổn định. Tại các khoản phải thu khác giảm, giúp cơ cấu phải thu tập trung hơn vào hoạt động kinh doanh chính.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phù hợp và tiếp tục chú trọng công tác quản lý công nợ, đảm bảo kiểm soát rủi ro và duy trì dòng tiền ổn định.

**TÌNH HÌNH  
CÔNG NỢ  
PHẢI TRẢ**

(Đơn vị: Đồng)

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025
Tổng nợ ngắn hạn	1.196.801.015.971	1.562.046.853.658
Phải trả người bán	170.476.484.004	220.494.526.642
Người mua trả tiền trước	202.015.171.831	194.175.988.119
Thuế và các khoản phải nộp NN	2.051.635.257	2.950.405.494
Phải trả người lao động	4.984.989.673	5.085.790.378
Chi phí phải trả	4.159.222.530	13.891.059.856
Phải trả phải nộp khác	6.011.992.398	7.217.069.119
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	802.667.018.290	1.113.797.512.062
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.434.501.988	4.434.501.988
Tổng nợ dài hạn	394.897.711.095	415.232.158.196
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	394.897.711.095	415.232.158.196
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.591.698.727.066</b>	<b>1.977.279.011.854</b>

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 1.977 tỷ đồng, tăng so với năm trước, chủ yếu do gia tăng các khoản vay và nợ thuê tài chính phục vụ hoạt động đầu tư và vận hành.

Các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả tăng, do quy mô hoạt động đang mở rộng. Chi tiêu người mua trả tiền trước giảm nhẹ. Dự nợ vay tài chính ngắn hạn tăng do đặc thù hoạt động sản xuất Công ty tiếp tục sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ vốn lưu động. Nợ dài hạn duy trì ở mức ổn định, chủ yếu là các khoản vay phục vụ đầu tư dự án.

Công ty đánh giá cơ cấu nợ hiện tại phù hợp với giai đoạn phát triển, đồng thời tiếp tục kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ tài chính nhằm đảm bảo cân đối dòng tiền và an toàn tài chính trong thời gian tới.





CHƯƠNG

03

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 56 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
- 62 Thủ lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS
- 62 Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ
- 64 Hoạt động quản trị rủi ro
- 71 Thông tin cổ phiếu và hoạt động quan hệ đầu tư

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Cơ cấu Hội đồng quản trị

Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê gồm 04 thành viên, trong đó có 02 thành viên điều hành và 02 thành viên độc lập. Cơ cấu này đảm bảo sự cân bằng giữa vai trò hoạch định chiến lược, giám sát điều hành và tăng cường tính khách quan trong quá trình ra quyết định, đồng thời phù hợp với yêu cầu quản trị của doanh nghiệp niêm yết.

Trong năm, cơ cấu quản trị của Công ty tiếp tục được hoàn thiện theo hướng minh bạch, chuyên trách và tiệm cận thông lệ tốt hơn, đặc biệt thông qua việc chuyển đổi từ mô hình Ban kiểm soát sang Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

### Kiện toàn mô hình quản trị trong năm

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2025, Công ty đã miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát và thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ủy ban kiểm toán được cơ cấu gồm 02 thành viên, đều là thành viên Hội đồng quản trị độc lập đương nhiệm. Việc kiện toàn mô hình này không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu pháp lý, mà còn phân ánh định hướng nâng cao chất lượng giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong giai đoạn Công ty bước vào chu kỳ vận hành đòi hỏi mức độ chuẩn hóa và kiểm soát cao hơn.



### Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 14 cuộc họp. Các cuộc họp được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành; hồ sơ, tài liệu được chuẩn bị và gửi tới các thành viên trước cuộc họp để nghiên cứu, thảo luận và đưa ra ý kiến.

Nội dung họp tập trung vào những vấn đề trọng yếu của Công ty, bao gồm:



Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ



Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025



Thông qua các giao dịch với bên liên quan



Chuyển nhượng đầu tư



Thành lập Ủy ban kiểm toán



Triển khai các nội dung liên quan đến huy động vốn

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	2001.A/2025/NQ-HĐQT	20/01/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua triển khai thực hiện chào bán riêng lẻ	100%
2	2001.B/2025/NQ-HĐQT	20/01/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
3	2401/2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch, hợp đồng với các bên có liên quan	100%
4	2903/2025/ NQ-HĐQT	29/03/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần với người có liên quan – bà Trần Hải Yến	100%
5	1604/2025/ NQ-HĐQT	16/04/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua chủ trương chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Khoáng sản Minh Cầm	100%
6	1604/2025/NQ-HĐQT	16/04/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
7	2804/2025/NQ-HĐQT	28/04/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh thông tin Nghị quyết HĐQT số 2001.a/2025/NQ-HĐQT và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
8	0505/2025/NQ-HĐQT	05/05/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua việc chốt danh sách cổ đông và kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
9	2306/2025/NQ-HĐQT	23/06/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị	100%
10	0307A/2025/NQ-HĐQT	03/07/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tiếp tục triển khai Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ; Sửa đổi, bổ sung nghị quyết số 2804/2025/NQ-HĐQT ngày 28/4/2025 về việc sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh thông tin tại Nghị quyết HĐQT số 2001.a/NQ-HĐQT ngày 20/1/2025 và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
11	0307B/2025/NQ-HĐQT	03/07/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
12	1111/2025/NQ-HĐQT	01/11/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua triển khai phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
13	0112/2025/NQ-HĐQT	01/12/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
14	0212/2025/NQ-HĐQT	02/12/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025	100%



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

## ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nếu xét theo nội dung hoạt động, có thể thấy Hội đồng quản trị trong năm 2025 tập trung vào ba nhóm trọng tâm:

- Thứ nhất, củng cố nền tảng tài chính, thể hiện qua chuỗi nghị quyết liên quan đến chào bán riêng lẻ và tăng vốn điều lệ.
- Thứ hai, hoàn thiện cấu trúc quản trị, thể hiện qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
- Thứ ba, giám sát các quyết định đầu tư, giao dịch và tổ chức đại hội cổ đông, đảm bảo các hoạt động trọng yếu của Công ty được triển khai đúng lộ trình và có cơ sở pháp lý rõ ràng.

Nhìn từ góc độ quản trị, đây là năm Hội đồng quản trị đóng vai trò rất rõ trong việc dẫn dắt Công ty đi theo hướng thận trọng, ưu tiên tính ổn định, minh bạch và khả năng kiểm soát.

## HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

### Cơ cấu và số cuộc họp

Sau khi được thành lập, Ủy ban kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp trong năm 2025. Nội dung làm việc tập trung vào việc rà soát báo cáo tài chính định kỳ trước khi trình Hội đồng quản trị; giám sát việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp đối với các nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm và nghĩa vụ tài chính khác; theo dõi các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh; đồng thời kiểm tra tiến độ triển khai các quyết định và nghị quyết đã được ban hành.

### Nội dung giám sát trọng tâm

Trong năm, Ủy ban kiểm toán đã thực hiện các nội dung giám sát trọng tâm sau: Rà soát tính hợp lý và minh bạch của báo cáo tài chính định kỳ; Đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; Theo dõi các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Công ty; Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính; Đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, kiểm soát nội bộ và kỷ luật tài chính.



### Đánh giá chung về hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Vai trò của Ủy ban kiểm toán có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh Công ty đang đi qua giai đoạn đầu tư lớn, với nhu cầu tăng cường kiểm soát dòng tiền, chi phí vốn, chất lượng tài sản và tuân thủ công bố thông tin.

Có thể nói, hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2025 đã góp phần củng cố tính minh bạch, tăng cường kỷ luật tài chính và nâng cao chất lượng giám sát trong quản trị doanh nghiệp.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá chung về hoạt động sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị đánh giá năm 2025 là năm Công ty tiếp tục đi theo hướng điều hành thận trọng, ưu tiên củng cố nền tảng vận hành và gia tăng nội lực thay vì theo đuổi tăng trưởng ngắn hạn bằng mọi giá.

Trong bối cảnh thị trường xuất khẩu và ngành vật liệu ván lát sàn còn nhiều biến động, Công ty vẫn duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước cải thiện hiệu quả sử dụng tài sản và nâng cao khả năng kiểm soát chi phí. Đây là kết quả phản ánh sự phối hợp tương đối đồng bộ giữa định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị và công tác triển khai của Ban điều hành.

### Đánh giá về công tác quản trị và kiểm soát

Ở góc độ quản trị, năm 2025 ghi nhận những chuyển biến quan trọng trong việc chuẩn hóa hệ thống, hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ và tăng cường tính minh bạch trong điều hành.

Việc kiện toàn Ủy ban kiểm toán, tăng vốn điều lệ, duy trì cơ chế họp và biểu quyết đầy đủ, cùng với việc kiểm soát tốt hơn các vấn đề tài chính – vận hành cho thấy nền tảng quản trị của Công ty đang được củng cố theo hướng bài bản hơn.

Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng khi Công ty bước sang giai đoạn mà năng lực cạnh tranh không chỉ phụ thuộc vào quy mô hay công suất, mà phụ thuộc ngày càng lớn vào chất lượng vận hành và khả năng ứng phó với rủi ro.

### Đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội

Đối với các vấn đề môi trường và xã hội, Hội đồng quản trị xác định đây không còn là nội dung tách rời khỏi hoạt động kinh doanh, mà là một phần trong yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị tổng thể.

Trong bối cảnh các thị trường xuất khẩu ngày càng yêu cầu cao hơn về tiêu chuẩn môi trường, trách nhiệm xã hội, minh bạch thông tin và truy xuất nguồn gốc, việc lồng ghép các yếu tố ESG vào hoạt động điều hành không chỉ là yêu cầu tuân thủ, mà còn là điều kiện để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong dài hạn.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)



### HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

#### Vai trò và mức độ tham gia

Tại thời điểm báo cáo, Công ty có 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Trong năm 2025, các thành viên độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tích cực trao đổi, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề trọng yếu liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách tài chính và định hướng hoạt động của Công ty.

#### Đóng góp trong công tác quản trị

Với vị thế độc lập, các thành viên này đã góp phần tăng cường tính khách quan trong quá trình xem xét và ra quyết định của Hội đồng quản trị.

Sự tham gia của các thành viên độc lập cũng có ý nghĩa rõ hơn trong bối cảnh Công ty triển khai các nội dung nhạy cảm như giao dịch với bên liên quan, tăng vốn, đầu tư và kiện toàn mô hình kiểm toán nội bộ. Những đóng góp mang tính phân biện, thận trọng và xây dựng từ các thành viên độc lập giúp nâng cao chất lượng thảo luận, hạn chế rủi ro ra quyết định thiên lệch và tăng cường niềm tin của cổ đông đối với hệ thống quản trị doanh nghiệp.

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2025, các thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia các chương trình đào tạo bên ngoài về quản trị công ty do các tổ chức độc lập thực hiện.

Tuy nhiên, Công ty đã cử cán bộ phụ trách quan hệ nhà đầu tư tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, hội thảo liên quan đến quản trị công ty, công bố thông tin và ESG do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức. Các nội dung cập nhật từ các chương trình này được tổng hợp, báo cáo định kỳ tới Hội đồng quản trị nhằm phục vụ công tác điều hành và nâng cao chất lượng quản trị.

Bên cạnh đó, trong năm, Công ty đã tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ và các buổi trao đổi chuyên đề về quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân lực trên nền tảng số và định hướng hoạt động trong giai đoạn mới, góp phần nâng cao nhận thức và hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị và đội ngũ quản lý.

# THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

## THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	663.600.000
2	Ông Lê Thạc Tuấn	TV HĐQT độc lập	-
3	Ông Cao Văn Thọ	TV HĐQT độc lập	-
4	Bà Trần Hải Yến	TV HĐQT kiểm Tổng giám đốc	484.800.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.148.400.000</b>

## THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Thành viên Ban kiểm soát đã miễn nhiệm theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 23/06/2025)

# HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh hợp đồng, giao dịch với Người nội bộ. Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan được kê khai chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2025 bao gồm:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Xuân Trí	Kế toán trưởng/ Giám đốc TC	0	0,00%	2.000.000	2,22%	Mua cổ phiếu trong đợt chào
2	Trần Hải Yến	Tổng giám đốc	266.640	0,38%	4.266.640	4,74%	bán cổ phiếu riêng lẻ



# HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

## QUAN ĐIỂM VÀ CÁCH TIẾP CẬN QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2025, Công ty tiếp tục xác định quản trị rủi ro không chỉ là một yêu cầu kiểm soát mang tính tuân thủ, mà là một cấu phần trọng yếu của hệ thống quản trị doanh nghiệp. Trong bối cảnh thị trường vật liệu xây dựng và xuất khẩu tiếp tục nhiều biến động, năng lực quản trị rủi ro có ý nghĩa trực tiếp đối với khả năng duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn hiệu quả đầu tư và giữ vững sức cạnh tranh của Công ty. Điều này cũng phù hợp với định hướng chiến lược đã được xác lập trong năm: ưu tiên củng cố nền tảng, tăng cường năng lực kiểm soát và chuẩn bị cho các chu kỳ biến động lớn hơn trong giai đoạn tiếp theo.

Từ góc độ quản trị, rủi ro tại Công ty không được nhìn nhận như những sự kiện riêng lẻ, mà được xem là các yếu tố có thể ảnh hưởng đồng thời đến thị trường đầu ra, chi phí đầu vào, dòng tiền, tiến độ sản xuất, chất lượng sản phẩm, tuân thủ pháp lý và uy tín doanh nghiệp. Vì vậy, việc quản trị rủi ro được triển khai theo hướng xuyên suốt, gắn với cả quá trình ra quyết định, tổ chức sản xuất, quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ và đầu tư hạ tầng. Đây là cách tiếp cận cần thiết đối với một doanh nghiệp đang trong giai đoạn chuyển từ đầu tư sang vận hành hiệu quả hơn, nơi mọi sai lệch nhỏ trong kiểm soát đều có thể tạo ra tác động lớn lên hiệu quả tổng thể.

## QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Công ty triển khai quản trị rủi ro theo một quy trình gồm bốn bước cơ bản: nhận diện rủi ro, đánh giá mức độ rủi ro, xây dựng biện pháp kiểm soát, và giám sát - rà soát định kỳ.

### 1 Nhận diện rủi ro

Các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động sản xuất kinh doanh được nhận diện thông qua hoạt động giám sát nội bộ, đánh giá định kỳ của các bộ phận chức năng và ý kiến của Ban Điều hành.

### 3 Xây dựng biện pháp kiểm soát

Đối với từng loại rủi ro, Công ty xây dựng các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát hoặc giảm thiểu tác động nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra ổn định.

Với đặc thù ngành sản xuất vật liệu, nơi rủi ro có thể hình thành từ rất sớm ở đầu vào nguyên liệu nhưng chỉ bộc lộ đầy đủ ở đầu ra tiêu thụ hoặc dòng tiền, việc nhận diện sớm và đánh giá đúng mức độ là yếu tố quyết định để tránh các cú sốc về chi phí, chất lượng hoặc tiến độ giao hàng.

### 2 Đánh giá mức độ rủi ro

Sau khi được nhận diện, các rủi ro được đánh giá về mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra, từ đó xác định mức độ ưu tiên trong việc quản lý và kiểm soát.

### 4 Giám sát và rà soát

Các rủi ro và biện pháp kiểm soát được theo dõi, đánh giá định kỳ để kịp thời điều chỉnh khi có thay đổi trong môi trường hoạt động hoặc chiến lược phát triển của Công ty.



“Giá trị lớn nhất của quản trị rủi ro tại PLP không nằm ở việc “ghi nhận đủ các loại rủi ro”, mà ở khả năng kết nối quản trị rủi ro với vận hành thực tế”

# HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO (TIẾP)

## CÁC NHÓM RỦI RO TRỌNG YẾU VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



### Rủi ro từ biến động kinh tế vĩ mô

PLP là doanh nghiệp có tỷ trọng doanh thu xuất khẩu lớn, do đó chịu tác động đáng kể từ các yếu tố kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước. Khi nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, sức mua tại các thị trường xuất khẩu suy yếu, hoạt động xây dựng và tiêu dùng vật liệu hoàn thiện thường là những nhóm chịu ảnh hưởng sớm. Với Công ty, điều này có thể dẫn đến giảm tốc độ tiêu thụ, kéo dài chu kỳ bán hàng, tăng áp lực cạnh tranh về giá và tác động trực tiếp tới doanh thu cũng như hiệu quả sử dụng công suất.

Bên cạnh đó, rủi ro vĩ mô không chỉ nằm ở tăng trưởng kinh tế, mà còn đến từ các chính sách bảo hộ thương mại, điều tra phòng vệ thương mại, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn môi trường tại các thị trường nhập khẩu. Những yếu tố này có thể không làm mất thị trường ngay lập tức, nhưng sẽ làm tăng chi phí tiếp cận, kéo dài thời gian thông quan, tăng yêu cầu chứng nhận và thu hẹp biên linh hoạt của doanh nghiệp trong điều hành đơn hàng. Với một doanh nghiệp đang tập trung phát triển sản phẩm chiến lược SPC cho các thị trường tiêu chuẩn cao, đây là nhóm rủi ro có ảnh hưởng trực tiếp đến cả doanh thu, chi phí và vị thế cạnh tranh.

Để ứng phó, Công ty định hướng theo dõi sát diễn biến thị trường, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm và tăng khả năng thích ứng trong tổ chức sản xuất kinh doanh. Cách làm này có ý nghĩa quan trọng vì nó giúp giảm phụ thuộc vào một thị trường hoặc một điều kiện thương mại cụ thể, đồng thời tăng khả năng giữ ổn định hoạt động trong bối cảnh thế giới tiếp tục biến động.

### Rủi ro về thị trường và cạnh tranh

Rủi ro cạnh tranh là một trong những nhóm rủi ro mang tính thường trực của PLP, đặc biệt ở giai đoạn ngành ván lát sàn SPC bước sang pha cạnh tranh khắt khe hơn. Thị trường không chỉ cạnh tranh về giá mà còn ngày càng cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật và khả năng đáp ứng các đơn hàng quy mô lớn. Điều này có nghĩa là những doanh nghiệp có công suất nhưng thiếu ổn định trong chất lượng, thiếu kỷ luật giao hàng hoặc thiếu khác biệt sản phẩm sẽ chịu áp lực lớn về giá bán và biên lợi nhuận.

Đối với PLP, rủi ro cạnh tranh không chỉ là câu chuyện giữ thị phần, mà còn là câu chuyện bảo vệ hiệu quả đầu tư. Công ty đã đầu tư đáng kể vào nhà máy SPC Hải Phòng và xác định SPC là sản phẩm chiến lược trong giai đoạn tới; vì vậy, nếu không đồng thời nâng chất lượng, tối ưu chi phí và nâng cao năng lực kiểm soát, công suất mới có thể tạo áp lực chi phí thay vì tạo lợi thế cạnh tranh. Chính vì vậy, nhóm rủi ro này cần được nhìn dưới góc độ kép: vừa là rủi ro thị trường, vừa là rủi ro về khả năng hấp thụ hiệu quả đầu tư.

Các biện pháp Công ty đang định hướng gồm cập nhật xu hướng thị trường, nâng cao chất lượng, tối ưu chi phí, đầu tư R&D để tạo ra sản phẩm chất lượng cao hơn, thân thiện môi trường hơn và có tính chuyên biệt hơn, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh hoạt động marketing – truyền thông sản phẩm. Đây là hướng đi phù hợp, bởi trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay, năng lực cạnh tranh bền vững không thể dựa vào giá thấp đơn thuần, mà phải dựa trên khả năng tạo ra sản phẩm ổn định, có chuẩn mực rõ và được thị trường tin cậy.



# HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO (TIẾP)

## CÁC NHÓM RỦI RO TRỌNG YẾU VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty chủ yếu đến từ ba yếu tố: tỷ giá, lãi suất và chi phí vốn. Theo nội dung hồ sơ hiện tại, doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn, trong khi nguyên vật liệu nhập khẩu chiếm khoảng 60%–70% tổng chi phí; do đó biến động tỷ giá có thể tác động đồng thời đến cả doanh thu và giá vốn. Nếu tỷ giá biến động bất lợi, Công ty có thể đối mặt với chi phí đầu vào tăng nhanh hơn tốc độ điều chỉnh giá bán, từ đó làm suy giảm biên lợi nhuận.

Ngoài tỷ giá, lãi suất là yếu tố đặc biệt đáng lưu ý trong bối cảnh Công ty vẫn đang duy trì đòn bẩy tài chính tương đối cao để phục vụ đầu tư và mở rộng hoạt động. Khi lãi suất tăng hoặc duy trì ở mức cao, chi phí vốn sẽ tạo áp lực trực tiếp lên lợi nhuận, đồng thời làm giảm dư địa linh hoạt trong việc bố trí dòng tiền cho sản xuất kinh doanh và đầu tư tiếp theo. Ở góc độ quản trị, đây là nhóm rủi ro có tác động nhanh và mạnh, bởi chỉ cần biến động nhỏ về tỷ giá hoặc lãi suất trong thời gian dài cũng đủ ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh.



Để hạn chế nhóm rủi ro này, Công ty đã định hướng sử dụng đồng tiền thanh toán đồng nhất, chủ yếu là USD, giữa bán hàng và mua nguyên liệu nhằm tạo nguồn ngoại tệ tự cân đối; đồng thời theo dõi diễn biến thị trường tài chính, tăng cường kiểm soát chi phí và xem xét sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá như hợp đồng kỳ hạn hoặc quỹ dự phòng ngoại tệ. Cách tiếp cận này cho thấy Công ty không chỉ nhìn rủi ro tài chính ở góc độ kế toán, mà đã bắt đầu tiếp cận theo hướng quản trị chủ động hơn.

### Rủi ro về nguyên vật liệu và chuỗi cung ứng

Đối với một doanh nghiệp sản xuất như PLP, rủi ro nguyên vật liệu và chuỗi cung ứng là nhóm rủi ro có khả năng lan truyền mạnh nhất tới toàn bộ hệ thống vận hành. Hoạt động sản xuất của Công ty phụ thuộc vào các nguyên vật liệu đầu vào như đá vôi  $\text{CaCO}_3$  và hạt nhựa nguyên sinh; trong đó giá hạt nhựa chịu tác động rõ từ giá dầu, còn chi phí khoáng sản và logistics phụ thuộc vào nhiều yếu tố thị trường. Khi giá nguyên liệu tăng, giá thành sản phẩm sẽ tăng theo; khi logistics gián đoạn, tiến độ sản xuất và giao hàng cũng sẽ bị ảnh hưởng.



Điểm đáng lưu ý là nhóm rủi ro này không chỉ tác động lên chi phí, mà còn tác động đến uy tín thương mại của Công ty. Trong ngành vật liệu xuất khẩu, khách hàng không chỉ đánh giá nhà cung cấp dựa trên giá bán mà còn trên sự ổn định về tiến độ và chất lượng. Nếu chuỗi cung ứng đầu vào thiếu ổn định, doanh nghiệp có thể bị chậm giao hàng, buộc phải mua nguyên liệu giá cao hoặc chấp nhận biến động chất lượng, từ đó làm suy giảm cả hiệu quả tài chính lẫn niềm tin của khách hàng. Vì vậy, đây là nhóm rủi ro cần được kiểm soát bằng cả giải pháp mua hàng, tồn kho, kỹ thuật sản xuất và kế hoạch bán hàng.

Công ty hiện đang triển khai các biện pháp như tối ưu kế hoạch sản xuất, quản lý tồn kho hợp lý, đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu và tiếp tục nghiên cứu các giải pháp giảm tiêu hao nguyên liệu, nâng cao hiệu suất sử dụng vật tư. Cách làm này rất phù hợp với logic “chuẩn hóa – số hóa – tăng kiểm soát”, bởi rủi ro chuỗi cung ứng càng lớn thì doanh nghiệp càng cần dữ liệu tốt hơn và hệ thống tốt hơn để điều phối chính xác.

### Rủi ro từ chính sách và quy định pháp luật

Là công ty đại chúng niêm yết, đồng thời hoạt động trong các lĩnh vực có tính pháp lý cao như khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu và xuất khẩu, PLP chịu sự điều chỉnh của nhiều lớp quy định pháp luật khác nhau. Rủi ro ở đây không chỉ là vi phạm pháp lý theo nghĩa hẹp, mà còn là rủi ro chậm thích ứng với thay đổi chính sách. Các quy định về chứng khoán, công bố thông tin, lao động, môi trường, tiêu chuẩn sản phẩm hay quy định tại thị trường nhập khẩu đều có thể tác động trực tiếp đến chi phí tuân thủ, tiến độ triển khai và khả năng tiếp cận thị trường của Công ty.



Trong bối cảnh xu hướng phát triển bền vững ngày càng mạnh, nhiều quốc gia siết chặt yêu cầu đối với sản phẩm nhập khẩu liên quan đến tái chế, môi trường, an toàn và truy xuất nguồn gốc. Điều đó khiến rủi ro pháp lý và rủi ro tiêu chuẩn dần hòa vào nhau. Một doanh nghiệp không theo kịp các thay đổi chính sách có thể không vi phạm ngay, nhưng sẽ bị giảm năng lực cạnh tranh hoặc mất cơ hội tiếp cận khách hàng chất lượng cao. Đây là lý do vì sao phần quản trị rủi ro của PLP cần gắn chặt hơn với phần phát triển bền vững và ESG trong toàn báo cáo.

Công ty hiện định hướng chủ động cập nhật chính sách, đầu tư cải tiến công nghệ, nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm và tham gia các hiệp hội ngành để nắm bắt sớm các thay đổi. Đây là hướng xử lý đúng, vì trong nhóm rủi ro này, lợi thế không nằm ở phản ứng nhanh sau khi chính sách ban hành, mà ở khả năng chuẩn bị từ trước để giảm chi phí thích ứng.

### Rủi ro môi trường

Rủi ro môi trường tại PLP có tính chất kép: vừa là rủi ro tuân thủ pháp luật trong nước, vừa là rủi ro thị trường trong bối cảnh khách hàng quốc tế ngày càng đặt nặng tiêu chuẩn môi trường. Hoạt động sản xuất vật liệu từ khoáng sản và nhựa có thể phát sinh bụi, khí thải, chất thải và tiếng ồn nếu không được kiểm soát chặt chẽ. Khi yêu cầu môi trường ngày càng siết chặt, mọi thiếu sót trong kiểm soát đều có thể dẫn đến chi phí khắc phục, rủi ro pháp lý hoặc tổn hại uy tín doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nếu nhìn ở góc độ chiến lược, rủi ro môi trường không chỉ là điều cần phòng tránh, mà còn là động lực để PLP nâng chuẩn vận hành. Công ty định hướng phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện môi trường và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về khai thác khoáng sản và sản xuất nhựa. Điều này cho thấy Công ty đang tiếp cận môi trường không chỉ bằng góc nhìn “xử lý hậu quả”, mà bằng góc nhìn “nâng chuẩn hệ thống”.



# HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO (TIẾP)

## THỰC TẾ TRIỂN KHAI QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI CÔNG TY

Trong năm 2025, quản trị rủi ro tại Công ty được triển khai bằng nhiều giải pháp cụ thể thay vì chỉ dừng ở nhận diện:

- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý vận hành nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện theo đúng quy định và hạn chế rủi ro phát sinh.
- Tăng cường giám sát hoạt động tài chính và quản lý chi phí, đảm bảo tính minh bạch trong công tác tài chính kế toán.
- Chủ động đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và đối tác kinh doanh, giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một thị trường hoặc khách hàng lớn.
- Áp dụng các biện pháp quản lý môi trường và an toàn sản xuất, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn lao động.
- Thực hiện mua bảo hiểm đối với tài sản, hàng tồn kho và các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giảm thiểu thiệt hại tài chính khi xảy ra sự cố. Đồng thời, Công ty áp dụng bảo hiểm khoản phải thu đối với các khách hàng quốc tế lớn, góp phần hạn chế rủi ro tín dụng và đảm bảo dòng tiền.
- Đầu tư nâng cấp hạ tầng và tiêu chuẩn xây dựng nhà máy, đặc biệt tại KV Hải Phòng – nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Nhà máy được thiết kế với khả năng chống chịu bão cao hơn tiêu chuẩn thông thường (lên tới cấp 17, gấp khoảng 2,5 lần thiết kế trước đây), đồng thời nền móng và kết cấu được gia cố để chịu tải trọng lớn, phù hợp với đặc thù vận hành tại khu công nghiệp có mật độ xe tải và container cao. Các yếu tố này giúp giảm thiểu rủi ro gián đoạn sản xuất và bảo vệ tài sản của Công ty.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình quản trị và kiểm soát nội bộ, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị DN và khả năng ứng phó với các biến động của thị trường.
- Thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị rủi ro, Công ty hướng tới mục tiêu đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển bền vững trong dài hạn.

Đây là minh chứng rõ ràng cho việc PLP không chỉ quản trị rủi ro ở cấp quy trình, mà còn quản trị rủi ro ngay từ thiết kế tài sản sản xuất. Với một doanh nghiệp có tỷ trọng tài sản cố định lớn và chuỗi sản xuất cần tính liên tục cao, đây là cách tiếp cận rất thực chất.

## ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn tổng thể, năm 2025 cho thấy Công ty đã tiếp cận quản trị rủi ro theo hướng đầy đủ hơn và thực chất hơn so với cách hiểu quản trị rủi ro thuần túy mang tính kiểm tra sau. Các nhóm rủi ro trọng yếu đã được nhận diện tương đối sát với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp, từ rủi ro thị trường, tài chính, nguyên vật liệu, pháp lý đến môi trường; đồng thời nhiều biện pháp kiểm soát đã được triển khai ở cả cấp độ tài chính, vận hành, thị trường và hạ tầng sản xuất.

Điều quan trọng hơn là phần quản trị rủi ro trong năm 2025 đã phản ánh đúng bản chất giai đoạn phát triển hiện tại của PLP: đây là thời điểm doanh nghiệp cần xây dựng sức chống chịu, chứ không chỉ theo đuổi tăng trưởng. Khi thị trường còn nhiều biến động, một doanh nghiệp có hệ thống kiểm soát tốt, dự báo tốt và phản ứng tốt sẽ có lợi thế hơn một doanh nghiệp chỉ có quy mô. Ở góc độ đó, quản trị rủi ro không còn là “mục phụ” của quản trị doanh nghiệp, mà chính là một phần của năng lực cạnh tranh dài hạn.

# THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ ĐẦU TƯ

Cổ đông	Tỷ lệ sở hữu
Mai Thanh Phương	16,4%
Nguyễn Thị Phương	6,6%
Đoàn Ngọc Bích	6,5%
Cá nhân trong nước khác	65,4%
Cá nhân nước ngoài	0,01%
Tổ chức nước ngoài	0,33%

**3**  
Cổ đông lớn  
(Trong nước)

**65,4%**  
Cá nhân trong nước khác

**0,34%**  
Cổ đông nước ngoài  
(Cá nhân và tổ chức)

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tổng số cổ phần:	90.000.000 cổ phần
Số cổ phần phổ thông:	90.000.000 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	89.999.847 cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	153 cổ phần
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	20.000.000 cổ phần
Cổ phiếu chuyển nhượng tự do:	70.000.000 cổ phần

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

(Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm)

## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ



### Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm

Trong năm 2025, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ 200 tỷ đồng theo phương án chào bán cổ phần riêng lẻ, nâng tổng vốn điều lệ lên 900 tỷ đồng. Đợt chào bán hoàn tất vào tháng 12/2025. Số vốn huy động được sử dụng cho mục đích: Thanh toán các khoản nợ vay của công ty và Bổ sung vốn lưu động cho dự án nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao.



## CHƯƠNG

# 04

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 76 Quan điểm và cách tiếp cận phát triển bền vững
- 78 Phạm vi báo cáo và định hướng minh bạch thông tin
- 80 Bối cảnh và yêu cầu đối với doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu
- 82 Khung chiến lược phát triển bền vững
- 84 Bên liên quan và lĩnh vực trọng yếu
- 86 Sản xuất bền vững
- 88 Công nghệ - R&D và tiêu chuẩn quốc tế
- 92 Môi trường và Năng lượng
- 98 Con người và Trách nhiệm xã hội
- 106 Quản trị và Chuyển đổi số
- 108 Định hướng phát triển bền vững giai đoạn tiếp theo



# HÀNH TRÌNH KIẾN TẠO GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

PLP kiên định theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững đồng hành cùng 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững của iên hợp quốc (SDGs) vì một tương lai thịnh vượng hơn cho doanh nghiệp, cộng đồng và hành tinh.

## 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC (SDGs)



**E ENVIRONMENT**  
SẢN XUẤT XANH  
TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

**100%** Tái sử dụng nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất

**-1.440** tấn CO<sub>2</sub>/năm  
Lượng giảm phát thải nhà kính nhờ vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái

**Sản phẩm thân thiện:** Chứng chỉ FloorScore và Greenguard Gold đảm bảo hàm lượng phát thải khí hữu cơ thấp, an toàn cho người dùng

**S SOCIAL**  
LẤY CON NGƯỜI LÀ TRUNG TÂM  
CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Tổng số giờ đào tạo: **15.658** giờ  
Số giờ đào tạo bình quân: **40,1** giờ/người/năm

**0** vụ tai nạn lao động nghiêm trọng

**100%** cán bộ nhân viên được khám sức khỏe định kỳ và đóng bảo hiểm đầy đủ

Duy trì các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ địa phương nơi có nhà máy và mỏ (Hải Phòng, Nghệ An)

**G GOVERNANCE**  
QUẢN TRỊ MINH BẠCH  
VẬN HÀNH TỐI ƯU

**100%** Áp dụng phần mềm quản trị và chuẩn hóa quy trình liên phòng ban

**0** Vi phạm quy định pháp luật về môi trường

Cơ cấu HĐQT có sự tham gia của các thành viên độc lập và thành lập **Ủy ban kiểm toán**, đảm bảo tính khách quan

### CHỨNG NHẬN & TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Cam kết chất lượng - Khẳng định uy tín



# QUAN ĐIỂM VÀ CÁCH TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đối với một doanh nghiệp sản xuất vật liệu như Nhựa Pha Lê, phát triển bền vững không được tiếp cận như một tập hợp các hoạt động ESG mang tính hình thức, mà được hiểu là khả năng duy trì một hệ thống sản xuất ổn định, kiểm soát tốt và có khả năng thích ứng trong dài hạn.

Trong năm 2025, Nhựa Pha Lê xác định phát triển bền vững là nguyên tắc điều hành xuyên suốt của doanh nghiệp sản xuất – xuất khẩu. Trọng tâm không nằm ở mở rộng quy mô, mà ở khả năng duy trì hệ thống vận hành ổn định, kiểm soát chất lượng và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, đặc biệt là thị trường Mỹ. Cách tiếp cận này cho thấy PLP chuyển từ tư duy tăng trưởng theo sản lượng sang tăng trưởng dựa trên chất lượng hệ thống.

Công ty xác định Hội đồng Quản trị là cơ quan chịu trách nhiệm cao nhất trong việc định hướng và giám sát các vấn đề liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (ESG), đồng thời giao Ban Tổng giám đốc trực tiếp tổ chức triển khai, theo dõi và đánh giá hiệu quả thực hiện trong toàn hệ thống.

## ĐỊNH HÌNH LẠI TRỌNG TÂM ĐIỀU HÀNH

Ngay từ đầu năm, Công ty đã điều chỉnh rõ trọng tâm từ tăng sản lượng sang nâng chất lượng vận hành. Các hoạt động rà soát hệ thống, siết kỷ luật thực thi và chuẩn hóa phối hợp giữa các bộ phận được triển khai xuyên suốt, tạo nền để các chương trình cải tiến không bị rời rạc mà đi theo một hướng chung.

## GẮN VỚI YÊU CẦU THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Thông qua làm việc trực tiếp với khách hàng quốc tế, tham gia các hội chợ chuyên ngành và tiếp nhận phản hồi từ đối tác, PLP từng bước điều chỉnh cách vận hành theo tiêu chuẩn thị trường. “Bền vững” vì vậy không còn là khái niệm nội bộ, mà gắn trực tiếp với khả năng duy trì đơn hàng và độ tin cậy trong chuỗi cung ứng.

## TIẾP CẬN THEO HƯỚNG TÍCH HỢP

Trong năm 2025, Công ty không triển khai các chương trình ESG riêng lẻ, mà tích hợp nội dung bền vững vào từng hoạt động cụ thể như cải tiến vận hành, đào tạo và chuẩn hóa quản trị. Cách tiếp cận này giúp các hoạt động không mang tính hình thức, đồng thời tập trung nguồn lực vào những nội dung có tác động trực tiếp đến hiệu quả vận hành.



# ESG

# PHẠM VI BÁO CÁO VÀ ĐỊNH HƯỚNG MINH BẠCH THÔNG TIN



Trong năm 2025, PLP từng bước nâng cấp cách tiếp cận báo cáo phát triển bền vững theo hướng gắn với dữ liệu vận hành và mức độ kiểm soát hệ thống. Phạm vi báo cáo không mở rộng dần trải theo các tiêu chí ESG chung, mà tập trung phản ánh các hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu. Cách tiếp cận này giúp báo cáo không chỉ mang tính công bố thông tin, mà trở thành công cụ thể hiện chất lượng vận hành và mức độ sẵn sàng của hệ thống trước yêu cầu của thị trường quốc tế.

Việc nâng chất lượng dữ liệu và xác lập phạm vi báo cáo rõ ràng là bước đi nền tảng để PLP chuyển từ “báo cáo thông tin” sang “quản trị bằng dữ liệu”.



## MỘT SỐ CẢI TIẾN LIÊN QUAN ĐẾN DỮ LIỆU VÀ BÁO CÁO

Nội dung	Thời điểm triển khai	Mục tiêu
Rà soát hệ thống báo cáo nội bộ	Đầu năm 2025	Chuẩn hóa dữ liệu
Kiểm kê và đối soát thông tin	Trong năm	Giảm sai lệch
Số hóa quy trình – Lark Base	Từ giữa năm 2025	Tăng truy xuất
Chuẩn hóa hồ sơ kỹ thuật	Xuyên suốt năm	Đáp ứng khách hàng



**01 Xác lập phạm vi báo cáo gắn với hoạt động cốt lõi**

Trong năm, Công ty xác định rõ phạm vi báo cáo tập trung vào hệ thống nhà máy SPC tại Hải Phòng và các đơn vị vận hành liên quan – là khu vực tạo ra phần lớn giá trị sản xuất và xuất khẩu. Việc thu hẹp vào các đầu mối trọng yếu giúp thông tin phản ánh đúng bản chất hoạt động, tránh tình trạng báo cáo mang tính hình thức hoặc phân tán.

**02 Chuẩn hóa dữ liệu và hệ thống báo cáo trong năm 2025**

Ngay từ đầu năm 2025, Công ty triển khai rà soát lại hệ thống báo cáo nội bộ, kết hợp với kiểm kê và đối soát dữ liệu giữa các bộ phận. Trong quá trình này, một số quy trình bắt đầu được số hóa như đề nghị thanh toán trên Lark Base, phê duyệt nội bộ trên nền tảng số, giúp dữ liệu được ghi nhận nhất quán hơn, giảm sai lệch và tăng khả năng truy xuất.

**03 Gắn minh bạch thông tin với yêu cầu khách hàng quốc tế**

Trong quá trình làm việc với khách hàng xuất khẩu trong năm, đặc biệt là khách hàng Mỹ, yêu cầu về hồ sơ kỹ thuật và khả năng truy xuất thông tin ngày càng rõ. Việc duy trì và cập nhật hệ thống chứng nhận (ISO, SMETA, C-TPAT...) cùng với chuẩn hóa dữ liệu nội bộ giúp Công ty từng bước đáp ứng yêu cầu này theo hướng có thể kiểm chứng, thay vì chỉ cung cấp thông tin ở mức mô tả.

# BỐI CẢNH VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT XUẤT KHẨU



Năm 2025, bối cảnh hoạt động của PLP phản ánh rõ sự thay đổi trong cách thị trường quốc tế đánh giá doanh nghiệp sản xuất. Đối với thị trường Mỹ - thị trường trọng điểm của Công ty - các tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp không còn dừng ở giá và công suất, mà chuyển sang độ ổn định chất lượng, khả năng đáp ứng tiêu chuẩn và mức độ minh bạch hệ thống. Điều này buộc doanh nghiệp phải nâng cấp toàn diện vận hành, thay vì chỉ tối ưu chi phí.

## MỘT SỐ YẾU TỐ BỐI CẢNH CÓ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP

Yếu tố	Diễn biến năm 2025	Tác động đến doanh nghiệp
Chính sách thương mại Mỹ	Biến động, rủi ro thuế quan	Gia tăng áp lực xuất khẩu
Lãi suất quốc tế	Duy trì ở mức cao	Ảnh hưởng chi phí vốn và nhu cầu
Yêu cầu ESG/Compliance	Tăng mạnh	Buộc doanh nghiệp nâng chuẩn vận hành
Kỳ vọng của khách hàng quốc tế	Cao hơn về chất lượng và minh bạch	Tạo áp lực cải tiến nội tại



### Thay đổi trong tiêu chí đánh giá khách hàng quốc tế

Trong quá trình làm việc với khách hàng nước ngoài trong năm 2025, Công ty ghi nhận rõ yêu cầu về tính đồng đều giữa các lô hàng, khả năng truy xuất nguồn gốc và độ ổn định trong giao hàng. Việc “đạt chuẩn” không còn là đủ, mà cần “duy trì chuẩn một cách nhất quán” – đây là thay đổi có tính bản chất trong chuỗi cung ứng.



### Tăng cường tiếp xúc trực tiếp với thị trường trong năm 2025

Trong năm, PLP đẩy mạnh tham gia các hội chợ quốc tế (điển hình như TISE), đồng thời tăng cường làm việc trực tiếp với khách hàng và đón tiếp đối tác tại nhà máy. Các hoạt động này giúp Công ty không chỉ mở rộng thị trường, mà còn cập nhật trực tiếp yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn vận hành từ phía khách hàng.



### Áp lực ESG và tiêu chuẩn quốc tế gia tăng

Song song với yêu cầu về chất lượng sản phẩm, các tiêu chuẩn liên quan đến môi trường, trách nhiệm xã hội và minh bạch chuỗi cung ứng cũng được đặt ra rõ hơn. Điều này khiến các yếu tố ESG chuyển từ “lợi thế cạnh tranh” sang “điều kiện bắt buộc” để duy trì đơn hàng.



# KHUNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trên cơ sở bối cảnh thị trường và định hướng điều hành năm 2025, PLP triển khai phát triển bền vững theo ba trụ cột: sản xuất bền vững, con người và xã hội, quản trị và hệ thống.

Ba trụ cột này không mang tính phân loại lý thuyết, mà phản ánh trực tiếp ba lớp nền quyết định khả năng vận hành ổn định của doanh nghiệp sản xuất – xuất khẩu trong điều kiện cạnh tranh ngày càng cao.

## 01 SẢN XUẤT - NỀN TẢNG CỦA NĂNG LỰC XUẤT KHẨU

Trụ cột sản xuất tập trung vào việc duy trì ổn định dây chuyền, giảm sai lệch và kiểm soát chất lượng đầu ra. Trong năm 2025, các hoạt động cải tiến nhà máy, đào tạo Kaizen và tăng cường kiểm soát vận hành đều hướng đến mục tiêu này, giúp nâng độ tin cậy trong giao hàng.

## 02 CON NGƯỜI - NỀN TẢNG CỦA TỔ CHỨC VẬN HÀNH

Thông qua các chương trình đào tạo (PDCA, Kaizen, AI) và các hoạt động chăm lo sức khỏe, Công ty từng bước nâng năng lực đội ngũ theo hướng chủ động hơn trong vận hành và cải tiến. Đây là yếu tố giúp hệ thống có thể duy trì ổn định trong dài hạn.

## 03 QUẢN TRỊ - NỀN TẢNG CỦA KIỂM SOÁT VÀ MINH BẠCH

Việc rà soát cơ cấu tổ chức, phân nhiệm, kiểm kê tài sản và triển khai số hóa trong năm 2025 giúp Công ty nâng khả năng kiểm soát và giảm phụ thuộc vào xử lý thủ công. Đây là nền tảng để mở rộng quy mô mà vẫn giữ được tính minh bạch.



### TÍNH LIÊN KẾT GIỮA CÁC TRỤ CỘT TRONG THỰC TẾ TRIỂN KHAI

Các hoạt động trong năm không tách rời theo từng trụ cột, mà có tính liên kết rõ. Ví dụ, đào tạo Kaizen vừa là cải tiến sản xuất, vừa nâng năng lực con người; số hóa quy trình vừa là quản trị, vừa hỗ trợ vận hành. Cách triển khai này giúp phát triển bền vững trở thành một phần của hệ thống, thay vì các chương trình độc lập.

### KHUNG CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG

Trụ cột	Định hướng trọng tâm 2025	Mục tiêu quản trị
Sản xuất	Ổn định vận hành, giảm lỗi, tối ưu tài nguyên	Nâng sức cạnh tranh xuất khẩu
Con người	Đào tạo, an toàn, phúc lợi, phát triển năng lực	Tăng độ bền của hệ thống
Quản trị	Chuẩn hóa, kiểm soát, số hóa, minh bạch	Giảm rủi ro và tăng tốc điều hành

Ba trụ cột được triển khai đồng thời và có liên kết, tạo thành nền tảng để PLP duy trì vận hành ổn định và phát triển trong dài hạn.



# BÊN LIÊN QUAN VÀ LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

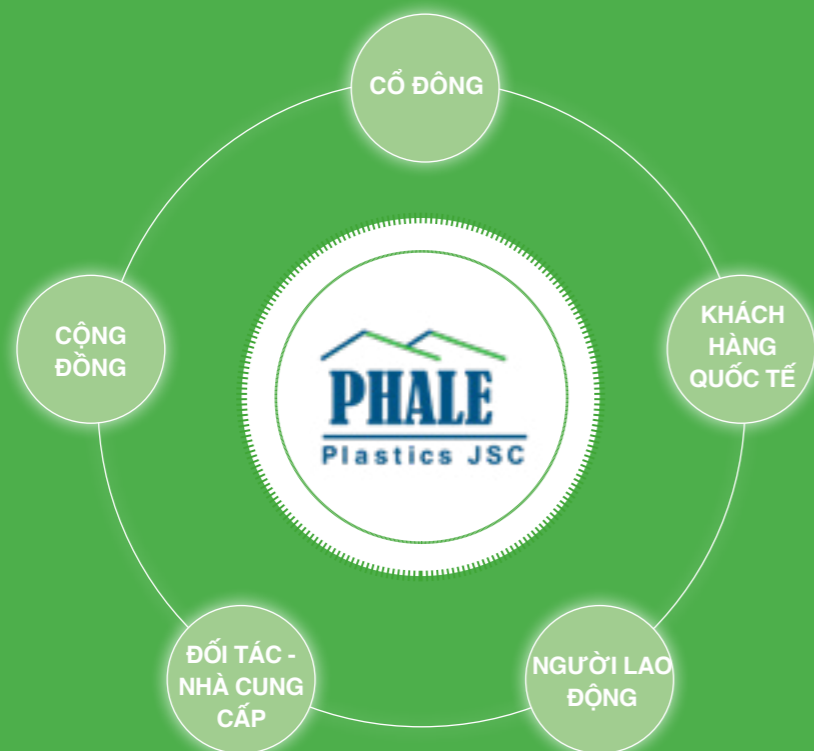


Nhựa Pha Lê xác định phát triển bền vững dựa trên nhu cầu thực tế của các bên liên quan, thay vì tiếp cận theo các bộ tiêu chuẩn ESG chung. Việc nhận diện đúng các nhóm có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất - xuất khẩu giúp Công ty tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực mang tính trọng yếu, gắn với hiệu quả vận hành và khả năng duy trì đơn hàng, đặc biệt tại thị trường Mỹ.



## XÁC ĐỊNH CÁC NHÓM BÊN LIÊN QUAN CHÍNH TRONG NĂM 2025

Trong quá trình vận hành và làm việc với thị trường, Công ty tập trung vào các nhóm chính gồm: cổ đông (hiệu quả và minh bạch), khách hàng quốc tế (chất lượng và tiêu chuẩn), người lao động (ổn định và môi trường làm việc), đối tác – nhà cung cấp (tính liên tục chuỗi cung ứng) và cộng đồng (trách nhiệm xã hội). Các hoạt động triển khai trong năm đều phân ánh rõ sự ưu tiên cho các nhóm này.



## XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU GẮN VỚI VẬN HÀNH

Từ các nhóm liên quan, PLP tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu gồm: hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, môi trường nhà máy, phát triển nguồn nhân lực và quản trị minh bạch. Đây là các nội dung có tác động trực tiếp đến khả năng vận hành ổn định và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Việc xác định đúng trọng yếu giúp PLP tập trung vào các nội dung tạo giá trị thực, thay vì triển khai phát triển bền vững theo hướng dàn trải.

## LIÊN KẾT GIỮA TRỌNG YẾU VÀ HÀNH ĐỘNG THỰC TẾ TRONG NĂM

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU	HÀNH ĐỘNG NĂM 2025	MỤC TIÊU
SẢN XUẤT	KAIZEN RÀ SOÁT VẬN HÀNH	GIẢM LỖI
CHẤT LƯỢNG	LÀM VIỆC KHÁCH HÀNG MỸ	ỔN ĐỊNH LÔ HÀNG
NHÂN SỰ	ĐÀO TẠO PDCA, AI	NÂNG CAO NĂNG LỰC
MÔI TRƯỜNG	ĐIỆN MẶT TRỜI CẢI TẠO XƯỞNG	TỐI ƯU VẬN HÀNH

# SẢN XUẤT BỀN VỮNG



Năm 2025, PLP chuyển trọng tâm sản xuất từ mở rộng công suất sang nâng chất lượng vận hành, với mục tiêu duy trì tính ổn định và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Đối với doanh nghiệp sản xuất vật liệu, phát triển bền vững được thể hiện rõ nhất qua việc giảm sai lệch trong sản xuất, kiểm soát chất lượng đồng đều và tối ưu sử dụng nguyên vật liệu.

## Ổn định vận hành và giảm sai lệch trong năm 2025

Ngay từ đầu năm, Công ty triển khai rà soát quy trình vận hành tại nhà máy SPC, kết hợp kiểm kê tài sản và chuẩn hóa điều kiện sản xuất. Các chương trình đào tạo và tổng kết Kaizen được thực hiện xuyên suốt trong năm, giúp xây dựng tư duy cải tiến liên tục và giảm lỗi lặp lại trong các công đoạn.

## Nâng chuẩn đáp ứng khách hàng quốc tế

Trong năm, PLP tăng cường làm việc trực tiếp với khách hàng Mỹ và đón tiếp đối tác tại nhà máy. Thông qua các buổi làm việc kỹ thuật, Công ty điều chỉnh tiêu chuẩn vận hành theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tế, đặc biệt là về độ ổn định giữa các lô hàng.

## Tối ưu hiệu suất và sử dụng nguyên vật liệu

- Các hoạt động rà soát định mức và cải tiến vận hành giúp nâng hiệu suất khai thác dây chuyền mà không cần đầu tư mở rộng. Điều này giúp giảm chi phí và tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên đầu vào.

- Hoạt động sản xuất của Công ty sử dụng các nguyên vật liệu đầu vào chính bao gồm bột đá CaCO<sub>3</sub>, hạt nhựa nguyên sinh.



Sự gia tăng nguyên vật liệu chính năm 2025 so với 2024 chủ yếu đến từ việc nhà máy sản xuất ván lát sàn SPC đi vào vận hành ổn định, kéo theo nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất tăng tương ứng.

Nguyên vật liệu	Năm 2024 (tấn)	Năm 2025 (tấn)
Sản lượng bột đá	6.502	18.282
Sản lượng hạt nhựa	3.959	6.042

## 100% HỆ THỐNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ SẢN XUẤT

được nhập khẩu mới với công nghệ tiên tiến, đầu tư đồng bộ, góp phần giảm thiểu hao hụt trong quá trình sản xuất và nâng cao hiệu quả vận hành

## 100% TÁI SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU

tiêu hao trong quá trình sản xuất. Toàn bộ phế liệu được thu hồi, nghiền và đưa trở lại dây chuyền sản xuất để tạo thành phẩm mới, qua đó giảm thiểu chất thải và nâng cao tính tuần hoàn trong sản xuất.

## 100% NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ KIỂM SOÁT

trước khi đưa vào sản xuất, đảm bảo không chứa formaldehyde và các chất độc hại, đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu.



# CÔNG NGHỆ - R&D VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ



Trong ngành vật liệu xây dựng và sản công nghệ, phát triển bền vững không thể tách rời khỏi năng lực kỹ thuật và khả năng cải tiến sản phẩm. Đối với Nhựa Pha Lê, đây là khu vực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi đây là cầu nối giữa chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất và khả năng thích ứng với yêu cầu ngày càng cao của khách hàng quốc tế.

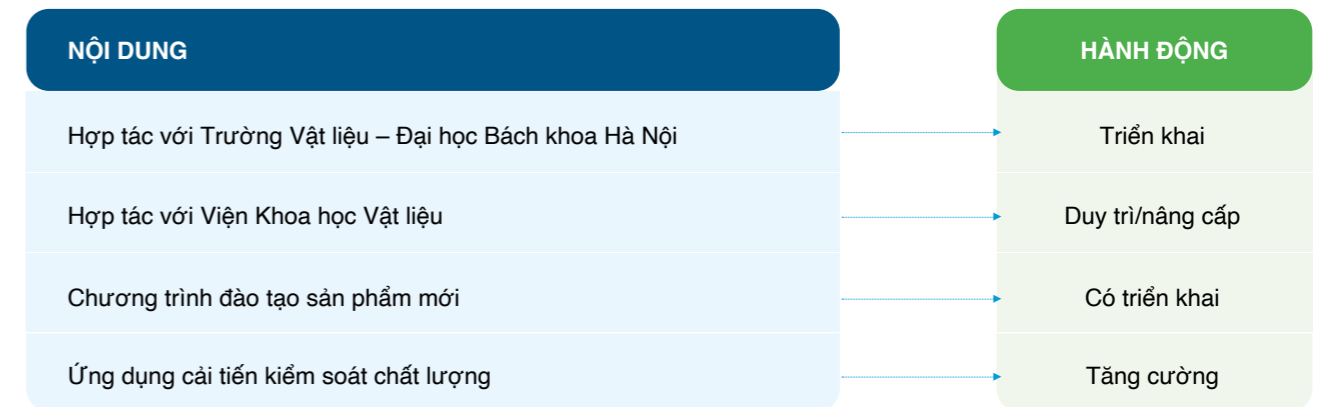
Trong năm 2025, Công ty tiếp tục ghi nhận nhiều hoạt động liên quan đến cải tiến kỹ thuật, thử nghiệm dòng sản phẩm mới, đào tạo sản phẩm cho đội ngũ kinh doanh và mở rộng hợp tác chuyên môn với các trường, viện nghiên cứu. Đáng chú ý, việc triển khai hợp tác với Trường Vật liệu – Đại học Bách khoa Hà Nội, chương trình học bổng cho sinh viên và các hoạt động gắn kết với hệ thống nghiên cứu vật liệu đã phản ánh định hướng đầu tư dài hạn cho nguồn nhân lực kỹ thuật và đổi mới công nghệ.

Bên cạnh đó, việc tổng kết và nghiệm thu dự án hợp tác với Viện Khoa học Vật liệu cũng cho thấy Nhựa Pha Lê không chỉ tập trung vào phát triển thương mại, mà còn chú trọng xây dựng nền tảng công nghệ phục vụ kiểm soát chất lượng, tiêu chuẩn hóa đánh giá màu sắc, bề mặt và nâng độ chính xác trong quy trình kiểm tra. Đây là những yếu tố đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường yêu cầu cao như Mỹ, nơi sự sai lệch nhỏ về bề mặt, độ đồng đều hay quy trình kiểm soát cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng chấp nhận lô hàng.

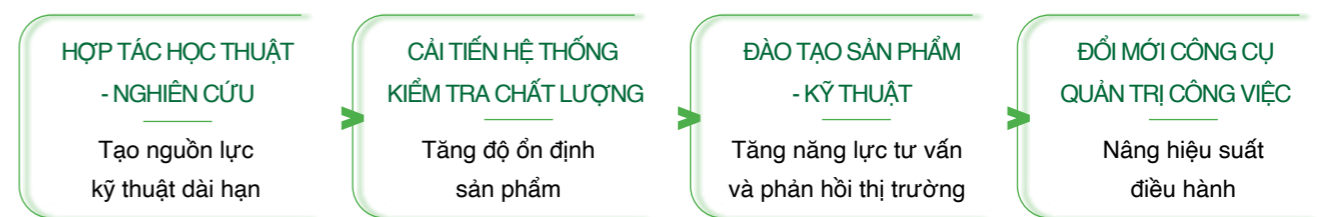
Mặt khác, các chương trình đào tạo nội bộ về LVT, WPC, Kaizen, AI trong công việc hay triển khai kế hoạch theo PDCA cũng cho thấy Công ty đang từng bước mở rộng khái niệm “công nghệ” từ máy móc – thiết bị sang công nghệ quản lý, công nghệ dữ liệu và công nghệ tổ chức công việc.

Từ góc nhìn dài hạn, đầu tư vào công nghệ và R&D không chỉ giúp Nhựa Pha Lê cải thiện chất lượng sản phẩm ở hiện tại, mà còn góp phần xây dựng vị thế doanh nghiệp sản xuất có năng lực phát triển sản phẩm, làm chủ tiêu chuẩn kỹ thuật và chủ động thích ứng với yêu cầu mới của thị trường xuất khẩu.

## MỘT SỐ CHỈ DẤU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ - R&D



## ĐỊNH HƯỚNG TÁC ĐỘNG



## CÔNG NGHỆ - R&D VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ (TIẾP)

Các sản phẩm ván lát sàn của Công ty đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và chứng chỉ quốc tế về an toàn sức khỏe và môi trường như: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, chứng nhận FloorScore - Tiêu chuẩn phát thải trong nhà, chứng nhận GreenGuard - Chất lượng không khí trong nhà, chứng nhận CE - Tuân thủ tiêu chuẩn thị trường Châu Âu.



Chứng nhận FloorScore  
Tiêu chuẩn phát thải trong nhà



Chứng nhận GreenGuard  
Chất lượng không khí trong nhà



Chứng nhận CE  
Tuân thủ tiêu chuẩn thị trường Châu Âu



Đánh giá SMETA  
Tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội  
và đạo đức kinh doanh



Chứng nhận CTPAT  
Tiêu chuẩn an ninh chuỗi cung ứng quốc tế



Chứng nhận ISO  
(ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018)

# MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG



Trong bối cảnh chi phí năng lượng, yêu cầu môi trường và tiêu chuẩn chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng gia tăng, quản lý môi trường và năng lượng đang trở thành một phần thiết yếu trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp sản xuất. Với PLP, trọng tâm trong năm 2025 không chỉ nằm ở việc tuân thủ, mà còn hướng tới việc cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng và điều kiện môi trường làm việc theo hướng thực chất hơn.



## NĂNG LƯỢNG

Công ty triển khai các giải pháp quản lý năng lượng theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và giảm thiểu tác động môi trường, bao gồm:

### Đầu tư công nghệ và thiết bị tiết kiệm năng lượng:

Ưu tiên sử dụng máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại có hiệu suất cao, giảm tiêu hao năng lượng trên mỗi đơn vị sản phẩm.

**Tối ưu vận hành sản xuất:** Bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, phát huy hết năng lực thiết bị, hạn chế để thiết bị, máy móc làm việc non tải. Việc vận hành ổn định các dây chuyền sản xuất hiện đại và tối ưu quy trình giúp cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng trên mỗi đơn vị sản phẩm.

# 13,67 TRIỆU KWH

(trong đó điện phục vụ sản xuất chiếm 98%), tăng hơn 9 triệu kWh so với năm 2024. Mức tăng chủ yếu do nhà máy SPC đã hoàn tất giai đoạn sửa chữa, nâng cấp và đi vào vận hành ổn định trong năm.

# 1,8 TRIỆU KWH/NĂM

sản lượng điện mặt trời mái nhà sẽ đi vào vận hành kể từ ngày 09/9/2025 nhờ dự án điện mặt trời áp mái tại Nhà máy SPC Hải Phòng, góp phần giảm phụ thuộc vào điện lưới và giảm phát thải.

**Bố trí hệ thống lưới chiếu sáng hợp lý,** tập trung các điểm cần thiết, điều chỉnh thời gian chiếu sáng hợp lý theo mùa, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên. Bổ sung lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tự động tại hệ thống văn phòng.

**Nâng cao nhận thức nội bộ:** Tăng cường đào tạo và xây dựng ý thức tiết kiệm năng lượng trong toàn bộ cán bộ, công nhân viên. Xây dựng và ban hành nội quy sử dụng tiết kiệm điện trong tất cả các bộ phận, nhà máy.

Một trong những nội dung đáng chú ý là việc triển khai và đưa vào vận hành dự án điện mặt trời mái nhà tại nhà máy. Dự án này không chỉ có ý nghĩa về mặt năng lượng tái tạo, mà còn phản ánh quyết tâm của Công ty trong việc giảm dần phụ thuộc vào nguồn điện truyền thống, tối ưu chi phí vận hành và từng bước nâng cao hình ảnh doanh nghiệp sản xuất theo định hướng xanh hơn. Việc khởi công và khánh thành dự án điện mặt trời trong năm là dấu mốc quan trọng cho thấy chuyển dịch xanh tại PLP đang được cụ thể hóa bằng hành động đầu tư rõ ràng.



## 6 NƯỚC TIÊU THỤ VÀ NƯỚC THẢI

Nước được sử dụng trong hoạt động của Công ty chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên và một phần nhỏ trong quá trình sản xuất, cụ thể là làm mát hệ thống bồn trộn sau sản xuất. So với các yếu tố đầu vào khác, nhu cầu sử dụng nước trong hoạt động sản xuất của Công ty ở mức không lớn. Do vậy Công ty chú trọng các chính sách giúp sử dụng tiết kiệm nước thay vì tái sử dụng nước.

Nguồn nước phục vụ hoạt động của nhà máy được cung cấp tập trung bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương, thông qua hệ thống hạ tầng chung của Khu công nghiệp Minh Phương - Đình Vũ. Công ty triển khai quản lý nước theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo kiểm soát chặt chẽ nước thải phát sinh, bao gồm:

**Sử dụng nước hợp lý:** Kiểm soát chặt chẽ nhu cầu sử dụng nước trong sinh hoạt và sản xuất, hạn chế lãng phí tài nguyên nước.



**Tối ưu quy trình sản xuất:** Thiết kế quy trình sản xuất với nhu cầu sử dụng nước thấp, đặc biệt trong công đoạn làm mát thiết bị.

**Tuân thủ quy định về môi trường:** Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom và xử lý thông qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định pháp luật.

**Thực hiện theo dõi, kiểm tra chất lượng nước thải** theo quy định của khu công nghiệp và cơ quan quản lý.

# 21.256 M<sub>3</sub>

Lượng nước tiêu thụ năm 2025

# 15%

Lượng nước được tiết kiệm sau khi hoàn thiện hệ thống tuần hoàn nước tại nhà máy Nghệ An

Không có bất kỳ tác động tiêu cực nào đến nguồn nước ngầm hoặc các nguồn nước tự nhiên xung quanh khu vực sản xuất của PLP

# MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG (TIẾP)



## QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Trong quá trình sản xuất, Công ty phát sinh một số loại chất thải bao gồm chất thải rắn thông thường, chất thải sản xuất và một phần nhỏ chất thải nguy hại. Với đặc thù ngành sản xuất hạt nhựa và ván lát sàn, phần lớn chất thải phát sinh có thể được thu hồi và tái sử dụng trong nội bộ quy trình sản xuất. Công ty triển khai quản lý chất thải theo các tiêu chuẩn và quy định hiện hành, bao gồm:

**Phân loại và lưu trữ:** Phân loại rác tại nguồn (rác sinh hoạt, rác tái chế và rác nguy hại) và lưu trữ tại kho tập trung theo quy định.

**Kiểm soát và đào tạo:** Tổ chức đào tạo nhân viên về phân loại rác và kiểm tra định kỳ để đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành.

**Thu gom và xử lý:** Toàn bộ chất thải không thể tái sử dụng được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực và giấy phép theo quy định. Riêng chất thải nguy hại được kiểm soát chặt chẽ, chỉ hợp tác với đơn vị được cấp phép.

**Tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng và môi trường:** Hoạt động quản lý chất thải được thực hiện theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ từ khâu phân loại, lưu trữ đến xử lý.



## PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Hoạt động sản xuất của Công ty có phát sinh khí nhà kính chủ yếu từ việc tiêu thụ điện năng trong vận hành máy móc, thiết bị và một phần từ việc sử dụng nhiên liệu như dầu diesel trong sản xuất hạt nhựa phụ gia Filler Masterbatch.

Trong đó, phát thải chủ yếu thuộc phạm vi gián tiếp (Scope 2) từ điện năng tiêu thụ.

Đối với phát thải trực tiếp (Scope 1), tỷ trọng hiện không lớn và có xu hướng giảm, do sau quá trình tái cấu trúc, hoạt động sản xuất Filler Masterbatch không còn là trọng tâm trong định hướng phát triển kinh doanh của Công ty.

Công ty triển khai các giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính theo hướng kiểm soát tại nguồn và từng bước giảm phát thải, bao gồm:

**Tối ưu sử dụng năng lượng:** Nâng cao hiệu quả sử dụng điện năng thông qua cải tiến công nghệ và tối ưu quy trình sản xuất. Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm có giá trị tăng thêm cao và có hệ số phát thải thấp.

**Giảm dần phát thải trực tiếp:** Hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất thông qua điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và định hướng tập trung vào các ngành hàng có mức phát thải thấp hơn.

**Ứng dụng năng lượng tái tạo:** Từng bước thay thế một phần điện lưới bằng nguồn năng lượng sạch nhằm giảm phát thải gián tiếp.

# 11.551 TẤN CO<sub>2</sub>E

Tổng lượng phát thải khí nhà kính ước tính từ tiêu thụ điện trong năm 2025

# 1.440 TẤN CO<sub>2</sub>E/NĂM

lượng giảm phát thải nhà kính nhờ hệ thống điện mặt trời áp mái sau khi đưa vào vận hành



# 65.000 - 70.000 CÂY XANH

**Giảm phát thải gián tiếp trong vận hành:** Công ty triển khai chính sách xe đưa đón cán bộ, công nhân viên, góp phần giảm số lượng phương tiện cá nhân, từ đó hạn chế phát thải khí nhà kính phát sinh trong hoạt động đi lại hàng ngày.

**Kiểm soát phát thải tại nguồn:** Khu vực phối trộn nguyên liệu (silo) được thiết kế khép kín, hạn chế tối đa phát tán bụi ra môi trường, góp phần giảm thiểu tác động đến không khí xung quanh nhà máy.



## MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG (TIẾP)

Song song với đó, việc cải thiện môi trường làm việc tại các công đoạn sản xuất – như bổ sung hệ thống hút mùi, làm mát, thông gió và nâng cao không gian làm việc - cũng là một phần trong tiếp cận môi trường bền vững của Công ty. Trong ngành sản xuất, môi trường không chỉ là chỉ số phát thải mà còn là chất lượng không gian làm việc, nhiệt độ, sự lưu thông không khí và mức độ an toàn đối với người lao động.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu, việc từng bước nâng chuẩn môi trường không chỉ mang lại lợi ích nội bộ về chi phí và hiệu suất, mà còn góp phần cải thiện điểm đánh giá của khách hàng quốc tế, đặc biệt là các đối tác ngày càng quan tâm đến yếu tố xanh trong chuỗi cung ứng.

“ Trong năm 2025, Công ty không ghi nhận bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc tuân thủ các quy định về môi trường ”



### MỘT SỐ CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG - NĂNG LƯỢNG

- 01 **Tiêu thụ điện/ đơn vị sản phẩm**  
Giảm nhẹ
- 02 **Tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo**  
Tăng
- 03 **Mức độ cải thiện môi trường nhà xưởng**  
Tích cực
- 04 **Hiệu quả vận hành xanh**  
Được tăng cường

- 01 **Khởi công/ đưa vào vận hành điện mặt trời mái nhà**  
Đã thực hiện
- 02 **Cải thiện hút mùi - làm mát - thông gió**  
Đang triển khai/ mở rộng
- 03 **Nâng cấp điều kiện làm việc tại xưởng**  
Có cải thiện
- 04 **Gắn môi trường với hiệu quả vận hành**  
Rõ nét hơn

### CÁC HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

# CON NGƯỜI VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



Nhựa Pha Lê xác định con người là trung tâm của phát triển bền vững. Đối với một doanh nghiệp sản xuất quy mô lớn, điều này càng có ý nghĩa đặc biệt bởi sự ổn định của vận hành phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng đội ngũ, mức độ gắn kết của người lao động và năng lực điều hành của hệ thống quản lý trung gian.

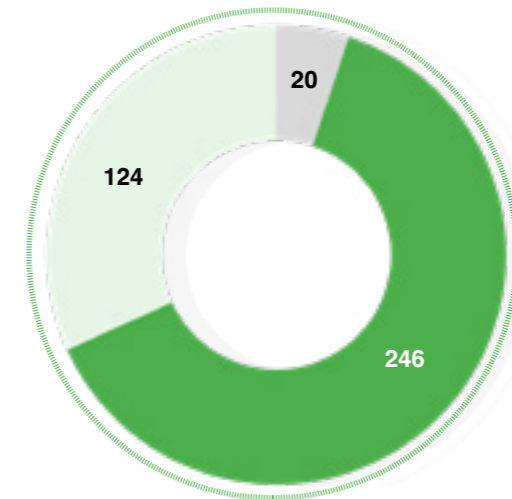
Với đặc thù doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, việc xây dựng đội ngũ khỏe mạnh, có kỹ năng và có tinh thần gắn bó không chỉ là trách nhiệm xã hội nội bộ, mà còn là yếu tố quyết định độ bền của cả hệ thống vận hành.



## NHÂN SỰ

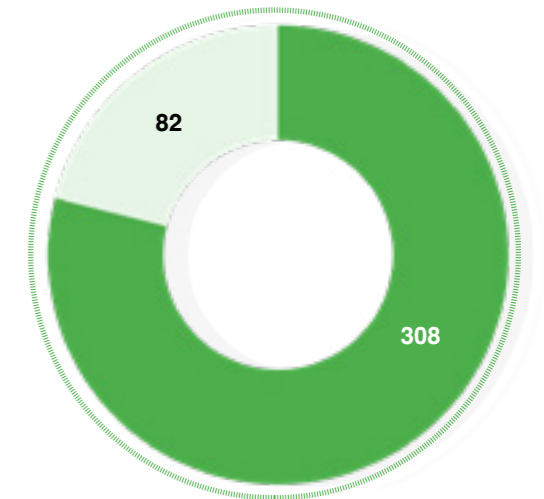


Cơ cấu nhân sự theo nhóm tuổi



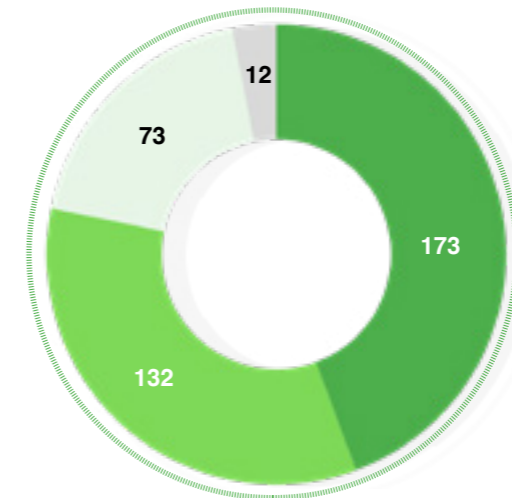
● Từ 30 - 50 tuổi ● Dưới 30 tuổi ● Trên 50 tuổi

Cơ cấu nhân sự theo giới tính



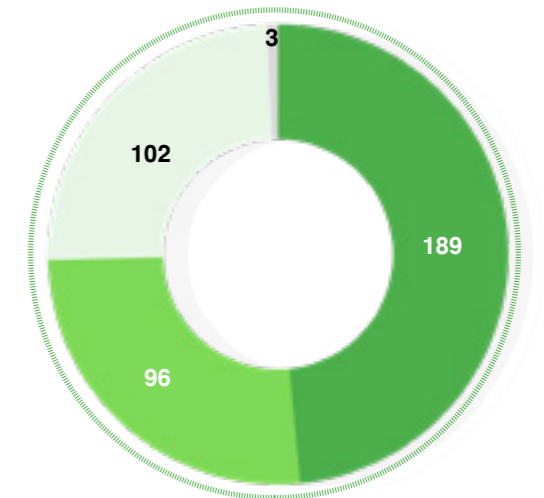
● Nam ● Nữ

Cơ cấu nhân sự theo cấp bậc



● Nhân viên trực tiếp sản xuất ● Nhân viên khối gián tiếp  
● Quản lý cấp trung ● Quản lý cấp cao

Cơ cấu nhân sự theo trình độ học vấn



● Lao động phổ thông ● Cao đẳng, trung học  
● Đại học trong nước ● Trên đại học

# CON NGƯỜI VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (TIẾP)



## NHÂN SỰ

Công ty triển khai các chính sách nhân sự theo hướng thu hút, phát triển và giữ chân nguồn nhân lực, bao gồm:

**Chính sách thu hút nhân tài:** Xây dựng cơ chế tuyển dụng minh bạch, cạnh tranh; ưu tiên tuyển dụng nhân sự có chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất và quản trị vận hành.

**Chính sách đãi ngộ và giữ chân nhân sự:** Duy trì chế độ lương, thưởng và phúc lợi phù hợp với thị trường. Công ty cũng duy trì các chính sách phúc lợi và chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Việc tổ chức khám sức khỏe cho CBNV nhà máy, khối văn phòng và các chương trình chăm lo nội bộ cho thấy doanh nghiệp đang tiếp cận nguồn nhân lực theo hướng dài hạn hơn: không chỉ sử dụng lao động, mà đầu tư vào sự ổn định và phát triển của lực lượng lao động.

**Phát triển nguồn nhân lực nội bộ:** Tổ chức các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi và số hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

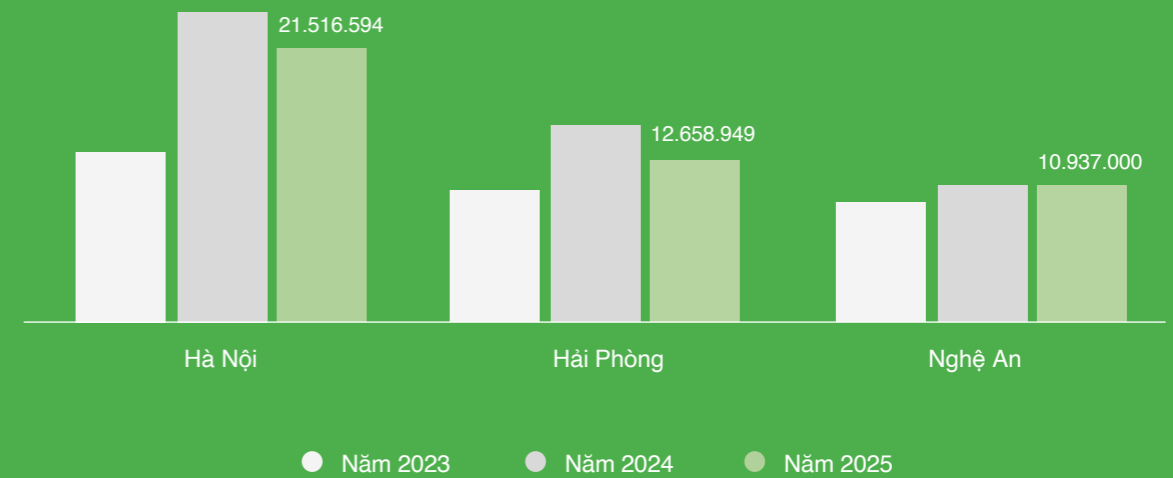
**Ưu tiên lao động địa phương:** Tăng cường tuyển dụng lao động tại khu vực địa phương nơi Công ty hoạt động, góp phần tạo việc làm ổn định và phát triển cộng đồng.

**Tuân thủ pháp luật lao động:** Thực hiện đầy đủ các quy định về hợp đồng lao động, tiền lương, thời giờ làm việc và các quyền lợi của người lao động theo quy định hiện hành.

### Chỉ số nguồn nhân lực và xã hội

Trụ cột	2024	2025	Xu hướng
Tỷ lệ tham gia đào tạo nội bộ	~60%	~75%	Tăng
Tỷ lệ khám sức khỏe định kỳ	~80%	~95%	Tăng
Tỷ lệ giữ chân nhân sự	Ổn định	Ổn định	Duy trì
Số lượng CBNV tham gia hiến máu	-	~70 người	Tích cực

Tiền lương bình quân hàng tháng cho người lao động  
(Đơn vị: Đồng)



# CON NGƯỜI VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (TIẾP)



## AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Công ty xác định an toàn và sức khỏe nghề nghiệp là yếu tố nền tảng trong quản trị nguồn nhân lực và vận hành sản xuất. Trong bối cảnh các nhà máy vận hành với cường độ cao và yêu cầu kỹ thuật khắt khe, việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn không chỉ giúp bảo vệ người lao động mà còn góp phần duy trì hoạt động sản xuất ổn định và bền vững.

Áp dụng hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế: Duy trì và vận hành hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018, đảm bảo kiểm soát rủi ro an toàn lao động một cách hệ thống.

Không ghi nhận trường hợp tai nạn lao động trong năm 2025. Duy trì môi trường làm việc an toàn



**Nâng cao nhận thức về an toàn lao động:** Định kỳ tổ chức kiểm tra an toàn thiết bị, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ tại tất cả các đơn vị, kết hợp duy trì “Ngày an toàn” vào cuối tháng nhằm rà soát toàn diện hệ thống. Định kỳ “Ngày An toàn” đã trở thành chương trình quen thuộc tại nhà máy và văn phòng bắt đầu từ tháng 8/2024, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ và xây dựng văn hóa an toàn trong toàn bộ hoạt động sản xuất - kinh doanh.



**Đảm bảo sức khỏe người lao động:** Tiếp tục tổ chức khám sức khỏe định kỳ và theo dõi điều kiện làm việc được duy trì, góp phần bảo vệ và nâng cao thể trạng của người lao động. Tổ chức bếp ăn cho CBCNV, Ban An toàn, Vệ sinh Lao động thực hiện giám sát thường xuyên các hoạt động liên quan đến an toàn lao động, an toàn thực phẩm.



## ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty xác định đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong những yếu tố then chốt nhằm củng cố nền tảng và gia tăng nội lực trong giai đoạn chuyển đổi.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai nhiều chương trình đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân sự chuyên môn, bao gồm các chủ đề như Kaizen, PDCA, AI trong công việc, văn hóa doanh nghiệp và giá trị cốt lõi. Các hoạt động này không chỉ nhằm nâng năng lực cá nhân mà còn hướng tới chuẩn hóa tư duy quản lý, tăng khả năng phối hợp liên phòng ban và củng cố văn hóa trách nhiệm trong toàn hệ thống.

TỔNG SỐ GIỜ ĐÀO TẠO

15.658 GIỜ

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TB/NHÂN VIÊN

40,1 GIỜ/NGƯỜI/NĂM

100% NHÂN VIÊN MỚI THAM GIA ĐÀO TẠO HỘI NHẬP, ĐẢM BẢO ĐƯỢC TRANG BỊ ĐẦY ĐỦ KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG CẦN THIẾT.



STT	Chủ đề đào tạo	Đối tượng đào tạo	Số lượng chương trình
1	Nâng cao hệ thống quản trị nhân lực số <i>(Ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị nhân sự)</i>	Cán bộ quản lý, HR	01
2	Phát triển lãnh đạo kế cận <i>(năng lực lãnh đạo)</i>	Quản lý cấp trung	01
3	Đào tạo chuyên sâu kỹ thuật & sản xuất <i>(Tối ưu quy trình, cải tiến liên tục, tiêu chuẩn quốc tế)</i>	CBQL sản xuất, R&D	12
4	Phát triển kinh doanh toàn cầu <i>(Mở rộng thị trường xuất khẩu, quản trị kênh phân phối)</i>	Kinh doanh quốc tế	06

# CON NGƯỜI VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (TIẾP)

## 3 CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

### Duy trì hoạt động hiến máu nhân đạo

Ngày 29/5/2025, Công ty tiếp tục tổ chức ngày hội hiến máu cho cán bộ, công nhân viên, thể hiện tinh thần sẻ chia và trách nhiệm với cộng đồng.

Các chương trình học bổng tại Đại học Bách khoa Hà Nội và hỗ trợ sinh viên gắn bó sau tốt nghiệp còn cho thấy Công ty đang nhìn trách nhiệm xã hội ở góc độ đầu tư cho nguồn lực kế thừa trong tương lai.

Ở khía cạnh xã hội, các hoạt động như xây nhà cho người nghèo, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tài trợ học bổng, hiến máu nhân đạo, đồng hành với các chương trình xã hội – giáo dục – cộng đồng đã góp phần mở rộng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vượt ra ngoài phạm vi nội bộ.



### Một số hoạt động xã hội tiêu biểu:

- Xây, sửa nhà cho người nghèo (Giá trị ~50 triệu đồng);
- Học bổng sinh viên (Giá trị ~50 triệu đồng/năm);
- Triển khai trợ quỹ/trường/chương trình khuyến học;
- Duy trì thường xuyên hỗ trợ cộng đồng khó khăn.



### Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về trách nhiệm xã hội

Công ty đạt chứng nhận SMETA (Sedex) về trách nhiệm xã hội, thể hiện cam kết đảm bảo điều kiện lao động, quyền lợi người lao động và đạo đức kinh doanh. Đồng thời, Công ty tham gia chương trình C-TPAT về an ninh chuỗi cung ứng, góp phần đảm bảo môi trường kinh doanh minh bạch, an toàn và có trách nhiệm đối với các bên liên quan trong chuỗi giá trị.



### Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

Thực hiện hỗ trợ tài chính cho các gia đình CBCNV bị ảnh hưởng bởi bão số 10 tại Hà Nội và Hải Phòng, Nghệ An, góp phần giúp người dân sớm ổn định cuộc sống.



Công ty xác định phát triển bền vững không chỉ gắn với hiệu quả kinh doanh mà còn đi cùng trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động.



# CON NGƯỜI VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (TIẾP)



## QUẢN TRỊ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ



Trong năm 2025, Công ty tiếp tục xem chuyển đổi số là một công cụ chiến lược để nâng cao chất lượng điều hành, thay vì chỉ là hoạt động ứng dụng công nghệ riêng lẻ. Với đặc thù của một doanh nghiệp sản xuất có nhiều đầu mối vận hành, nhiều quy trình nội bộ và nhu cầu phối hợp liên phòng ban cao, chuyển đổi số có ý nghĩa đặc biệt trong việc giám thao tác thủ công, rút ngắn thời gian xử lý và tăng mức độ minh bạch trong kiểm soát dữ liệu.

Các hoạt động được triển khai trong năm cho thấy chuyển đổi số tại PLP đang đi theo hướng khá rõ nét.

### 1 Khối quản trị

Đề án Smart Office được đưa vào triển khai với mục tiêu từng bước xây dựng môi trường văn phòng không giấy tờ, tăng khả năng phê duyệt online, tra cứu và lưu trữ hồ sơ tập trung.

### 3 Khối kinh doanh

Hệ thống lập và trình phê duyệt phương án kinh doanh online trên CRM Mini cũng được đưa vào sử dụng để tăng tốc độ phối hợp và quản lý dữ liệu tập trung hơn.

### 2 Khối vận hành

Công ty thử nghiệm số hóa quy trình đề nghị thanh toán trên nền tảng Lark Base, hướng tới giảm sai sót thủ công và nâng cao năng lực theo dõi tiến độ xử lý theo thời gian thực.

### 4 Đào tạo ứng dụng AI – ChatGPT

Việc đào tạo ứng dụng AI – ChatGPT trong công việc cho đội ngũ quản lý cũng phản ánh một bước mở rộng quan trọng trong cách tiếp cận công nghệ của Công ty. Chuyển đổi số không chỉ nằm ở phần mềm hay biểu mẫu điện tử, mà đang dần được hiểu như một phương thức làm việc mới, trong đó dữ liệu, tự động hóa và công cụ hỗ trợ ra quyết định sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn.



Từ góc nhìn dài hạn, chuyển đổi số tại PLP có ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi cải tiến hành chính. Đây là nền tảng giúp doanh nghiệp nâng cấp chất lượng quản trị, tăng tính phản ứng nhanh và tạo khả năng mở rộng quy mô vận hành mà không làm gia tăng tương ứng độ phức tạp trong kiểm soát.



## MỘT SỐ HẠNG MỤC SỐ HÓA NỔI BẬT

HẠNG MỤC	MỤC TIÊU	TRẠNG THÁI
Smart Office	Giảm giấy tờ, tăng phê duyệt online	Đang triển khai
Số hóa đề nghị thanh toán	Minh bạch, nhanh, giảm lỗi	Thử nghiệm
CRM Mini cho khối kinh doanh	Chuẩn hóa quy trình phê duyệt	Đã vận hành
Đào tạo AI trong công việc	Tăng hiệu suất quản lý	Đã triển khai

## HIỆU QUẢ KỲ VỌNG TỪ CHUYỂN ĐỔI SỐ

CHỈ TIÊU	TÁC ĐỘNG KỲ VỌNG
Thời gian xử lý hồ sơ	↓ Giảm
Sai sót do thủ công	↓ Giảm
Tính minh bạch dữ liệu	↑ Tăng
Khả năng theo dõi, kiểm soát	↑ Tăng

Chuyển đổi số tại PLP đang từng bước chuyển từ giai đoạn công cụ hóa sang giai đoạn nền tảng hóa, tạo điều kiện để Công ty vận hành nhanh hơn, minh bạch hơn và sẵn sàng hơn cho các yêu cầu quản trị của một doanh nghiệp sản xuất - xuất khẩu trong giai đoạn phát triển mới.

# CON NGƯỜI VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (TIẾP)

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

Bước sang giai đoạn tiếp theo, Nhựa Pha Lê xác định phát triển bền vững sẽ tiếp tục là một cấu phần không thể tách rời khỏi chiến lược tăng trưởng. Trong bối cảnh thị trường Mỹ và các thị trường xuất khẩu lớn tiếp tục duy trì yêu cầu cao về chất lượng, minh bạch và trách nhiệm chuỗi cung ứng, Công ty sẽ không theo đuổi tăng trưởng bằng mọi giá, mà ưu tiên tăng trưởng trên nền tảng ổn định vận hành, năng lực đáp ứng tiêu chuẩn và kiểm soát rủi ro tốt hơn.



Trọng tâm của giai đoạn tới sẽ bao gồm: tiếp tục tối ưu hiệu suất sản xuất; nâng mức độ ổn định chất lượng giữa các nhà máy và giữa các lô hàng; tăng cường liên kết giữa sản xuất - kỹ thuật - QC - R&D - kinh doanh để nâng tốc độ phản hồi thị trường; mở rộng các sáng kiến tiết kiệm năng lượng và vận hành xanh; đồng thời đẩy nhanh số hóa quản trị để tạo nền tảng vận hành nhất quán trên toàn hệ thống.

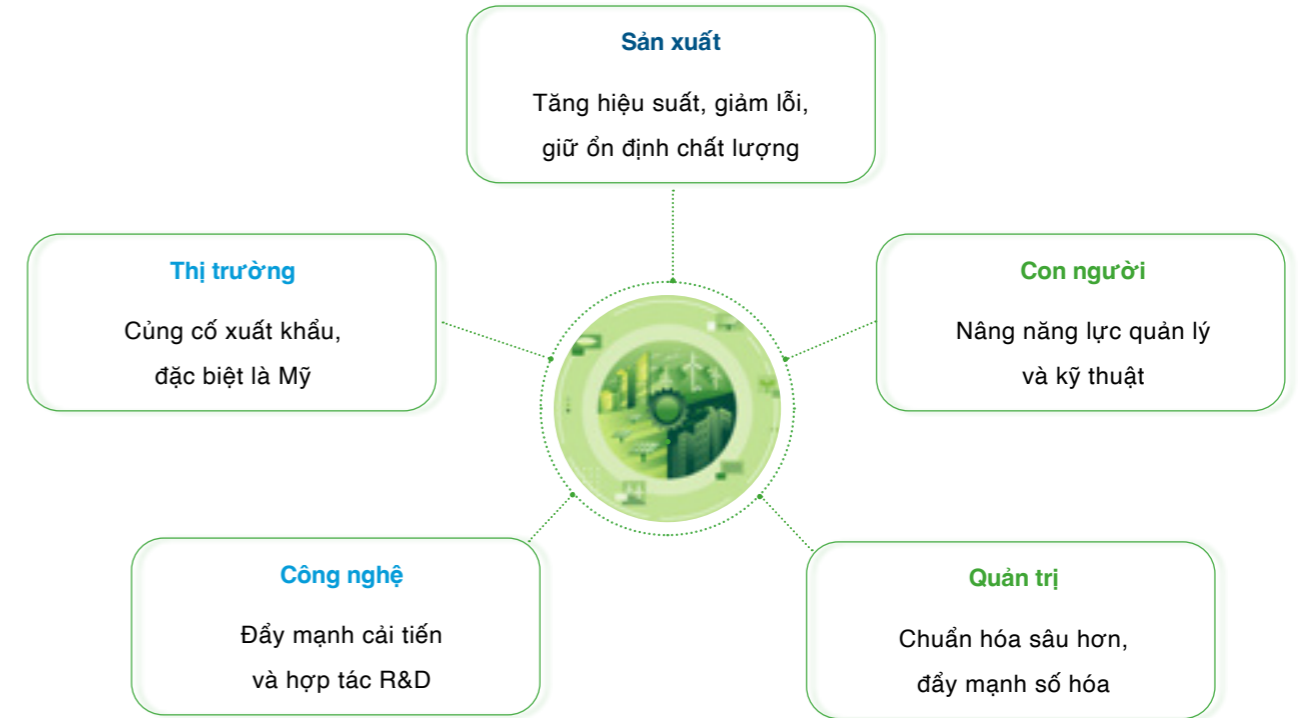


**Về con người,** Công ty sẽ tiếp tục ưu tiên đào tạo cán bộ quản lý, phát triển đội ngũ kỹ thuật kế cận và duy trì các chính sách chăm lo sức khỏe, phúc lợi và môi trường làm việc nhằm đảm bảo tính ổn định của nguồn lực nội bộ.



**Về công nghệ,** các chương trình hợp tác với trường - viện và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật sẽ tiếp tục được xem là đòn bẩy để gia tăng hàm lượng công nghệ trong sản phẩm, từ đó củng cố vị thế cạnh tranh tại các thị trường xuất khẩu có tiêu chuẩn cao.

## TRỌNG TÂM ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN TỚI



## MỤC TIÊU DÀI HẠN

NỘI DUNG	KỶ VỌNG
Nâng chất lượng tăng trưởng	Bền hơn, ít phụ thuộc hơn
Tăng sức chống chịu trước biến động thị trường	Cao hơn
Củng cố uy tín với khách hàng quốc tế	Rõ nét hơn
Tăng giá trị doanh nghiệp dài hạn	Bền vững hơn

Với một doanh nghiệp sản xuất định hướng xuất khẩu như PLP, phát triển bền vững không phải là một nội dung hỗ trợ cho tăng trưởng mà chính là điều kiện để tăng trưởng được duy trì. Trên nền tảng sản xuất ổn định, con người gắn kết, công nghệ được cải tiến và quản trị ngày càng minh bạch, Công ty tin tưởng có thể củng cố năng lực cạnh tranh tại thị trường trong nước cũng như quốc tế, đặc biệt là các thị trường có yêu cầu cao như Mỹ, từ đó từng bước nâng cao giá trị doanh nghiệp trong dài hạn.



CHƯƠNG

05

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 112 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 116 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 120 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 121 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 122 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 124 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## 1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 022210000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lần thứ 12 ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu số 0103018538 vào ngày 18 tháng 11 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 11 tháng 12 năm 2025. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là 900.000.000.000 đồng (Chín trăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ: 900.000.000.000 VND (Chín trăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần: 90.000.000 cổ phần

Mã chứng khoán: PLP

Sàn giao dịch: HSX

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Casting và hoàn thiện đá;

Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sợi nhân tạo; Sản xuất sản phẩm từ plastic;

Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất đồ điện dân dụng;

Sản xuất máy thông dụng khác; Sản xuất các cấu kiện kim loại;

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;

Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);

Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện;

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Tái chế phế liệu;

Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;

Bán lẻ đồ kim khí, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

Trong năm 2025, hoạt động chính của Công ty là sản xuất ván lát sàn SPC, kinh doanh thương mại các loại hạt nhựa.

## 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thạc Tuấn	Ủy viên
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên
Ông Cao Văn Thọ	Ủy viên

### ỦY BAN KIỂM TOÁN (\*)

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Cao Văn Thọ	Chủ tịch Ủy ban (bổ nhiệm ngày 23/06/2025)
Ông Lê Thạc Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/06/2025)

### BAN KIỂM SOÁT

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 23/06/2025)
Bà Vũ Ngọc Thủy	Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 23/06/2025)
Bà Mai Thị Thanh Hoa	Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 23/06/2025)

(\*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2025, Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức: bãi bỏ Ban kiểm soát và thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Theo đó, Ủy ban kiểm toán được thành lập theo nghị quyết số 2306/2025/NQ-HĐQT ngày 23/06/2025 của Hội đồng quản trị.

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Bà Trần Hải Yến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Mai Thanh Phương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Mai Thanh Phương là người đại diện trước pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho bà Trần Hải Yến – Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-PL ngày 01/01/2023.

### 3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM VÀ SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông niên năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2025 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 200.000.000.000 đồng. Đến ngày 11/12/2025, Công ty đã hoàn tất các thủ tục phát hành và tăng vốn điều lệ từ 700.000.000.000 đồng lên 900.000.000.000 đồng.

Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra trong năm và kể từ ngày kết thúc năm tài chính đã đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

### 6. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình

tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### 7. CÔNG BỐ CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN HẢI YẾN  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 6 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất; cũng như chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**TRẦN ĐÌNH DŨNG**  
Phó Giám đốc  
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1788-2023-009-1  
Người được ủy quyền  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**NGUYỄN ĐĂNG SỸ**  
Kiểm toán viên  
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3725-2026-008-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.892.898.784.526</b>	<b>1.514.439.559.341</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>33.207.901.673</b>	<b>16.016.322.858</b>
1. Tiền	111		33.207.901.673	16.016.322.858
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>113.867.835.195</b>	<b>76.328.794.520</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		113.867.835.195	76.328.794.520
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.306.003.203.697</b>	<b>998.826.186.468</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	951.207.963.236	606.874.837.258
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	160.920.982.721	148.865.426.336
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	89.710.650.000	7.200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	110.224.037.601	240.459.108.297
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	-6.060.429.861	-4.573.185.423
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>381.571.517.538</b>	<b>366.217.262.792</b>
1. Hàng tồn kho	141		381.571.517.538	366.217.262.792
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>58.248.326.423</b>	<b>57.050.992.703</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	4.482.288.462	3.151.621.836
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.055.610.068	49.932.306.904
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	710.427.893	3.967.063.963
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.125.278.620.821</b>	<b>877.554.396.048</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.428.913.877</b>	<b>13.428.913.877</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	13.428.913.877	13.428.913.877
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>728.669.703.929</b>	<b>557.222.802.707</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	531.964.216.657	350.109.793.267
- Nguyên giá	222		665.593.104.291	450.603.627.514
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-133.628.887.634	-100.493.834.247
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.11	185.396.569.101	195.428.171.553
- Nguyên giá	225		197.369.772.026	197.369.772.026
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-11.973.202.925	-1.941.600.473
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	11.308.918.171	11.684.837.887
- Nguyên giá	228		15.036.788.688	15.036.788.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-3.727.870.517	-3.351.950.801

<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.13</b>	<b>11.016.204.894</b>	<b>6.548.844.105</b>
- Nguyên giá	231		11.016.204.894	6.548.844.105

<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.14</b>	<b>63.175.994.744</b>	<b>69.803.184.796</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		63.175.994.744	69.803.184.796

<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>236.845.608.996</b>	<b>206.640.398.456</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	171.545.608.996	209.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	64.500.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-3.659.601.544
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	800.000.000	1.300.000.000

<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>72.142.194.381</b>	<b>23.910.252.107</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	28.138.210.380	23.910.252.107
2. Lợi thế thương mại	269		44.003.984.001	-

<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.018.177.405.347</b>	<b>2.391.993.955.389</b>
--------------------------	------------	--	--------------------------	--------------------------

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.977.279.011.854</b>	<b>1.591.680.072.520</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.562.046.853.658</b>	<b>1.196.782.361.425</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	220.494.526.642	170.457.829.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	194.175.988.119	202.015.171.831
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	2.950.405.494	2.051.635.257
4. Phải trả người lao động	314		5.085.790.378	4.984.989.673
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	13.891.059.856	4.159.222.530
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	7.217.069.119	6.011.992.398
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	1.113.797.512.062	802.667.018.290
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.434.501.988	4.434.501.988
9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>415.232.158.196</b>	<b>394.897.711.095</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	415.232.158.196	394.897.711.095

<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.040.898.393.493</b>	<b>800.313.882.869</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>1.040.898.393.493</b>	<b>800.313.882.869</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	700.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-200.000.000	-200.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		-1.530.000	-1.530.000

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.040.898.393.493</b>	<b>800.313.882.869</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>1.040.898.393.493</b>	<b>800.313.882.869</b>
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.885.826.969	5.885.826.969
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.072.946.810	94.629.585.900
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		94.629.585.900	85.803.500.731
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.443.360.910	8.826.085.169
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.141.149.714	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.018.177.405.347</b>	<b>2.391.993.955.389</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU: ĐOÀN THỊ THU HOÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG: PHẠM XUÂN TRÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC: TRẦN HẢI YẾN

# BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	6.1	2.874.855.507.911	2.002.833.899.638
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	6.2	39.684.384	116.263.226
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp DV (10=01-02)	10		2.874.815.823.527	2.002.717.636.412
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	2.682.882.488.160	1.877.407.481.444
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		191.933.335.367	125.310.154.968
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6.634.638.812	34.362.858.595
7. Chi phí tài chính	22	6.5	100.524.087.801	58.128.514.275
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		99.547.492.552	56.132.803.809
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		67.226.612	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	24.721.498.364	21.386.610.523
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	41.624.802.251	29.259.746.661
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.630.359.151	50.898.142.104
12. Thu nhập khác	31	6.8	1.195.726.631	183.228.708
13. Chi phí khác	32	6.9	3.382.724.872	42.230.094.811
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-2.186.998.241	-42.046.866.103
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.443.360.910	8.851.276.001
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	25.190.832
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		29.443.360.910	8.826.085.169
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		29.443.360.910	8.826.085.169
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	411	126
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	411	126

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU: ĐOÀN THỊ THU HOÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG: PHẠM XUÂN TRÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC: TRẦN HẢI YẾN

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		29.443.360.910	8.851.276.001
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		30.385.967.381	8.413.302.875
- Các khoản dự phòng	3		-717.966.102	1.334.389.637
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-1.612.109.571	-24.051.265
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		-2.654.506.855	-71.403.918.990
- Chi phí lãi vay	6		99.547.492.552	56.132.803.809
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		154.392.238.315	3.303.802.067
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9		-335.570.884.405	-248.188.201.289
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		4.898.391.654	-77.996.812.148
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		-36.147.520.843	173.234.824.389
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		-5.319.265.148	-3.204.378.884
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-98.889.295.713	-56.119.454.303
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-25.190.831	-2.955.626.285
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-108.369.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>-316.661.526.971</b>	<b>-212.034.215.453</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		-148.500.385.878	-276.501.625.741
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		45.835.000	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-50.854.040.675	-44.065.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.015.000.000	19.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-132.806.950.416	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		148.921.179.700	274.311.620.300
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.211.634.061	2.856.697.918
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-158.967.728.208</b>	<b>-23.689.307.523</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		200.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	2.265.386.114.256	2.457.633.983.191
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	-1.948.223.386.902	-183.070.024.161
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-24.342.761.575	-39.875.489.313
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>492.819.965.779</b>	<b>234.688.469.717</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>16.016.322.858</b>	<b>17.033.894.951</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		868.215	17.481.166
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>(5.1)</b>	<b>33.207.901.673</b>	<b>16.016.322.858</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐOÀN THỊ THU HOÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM XUÂN TRÍ

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

TRẦN HẢI YẾN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lại ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu số 0103018538 vào ngày 18 tháng 11 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 11 tháng 12 năm 2025. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là 900.000.000.000 đồng (Chín trăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ: 900.000.000.000 VND (Chín trăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần: 90.000.000 cổ phần

Mã chứng khoán: PLP

Sàn giao dịch: HSX

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.

### 2. LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất ván lát sàn SPC và kinh doanh thương mại.

### 3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá

Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sợi nhân tạo; Sản xuất sản phẩm từ plastic;

Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất máy thông dụng khác; Sản xuất các cấu kiện kim loại;

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;

Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thô; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);

Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện;

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá; Tái chế phế liệu;

Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;

Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

### 4. CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 5. CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Nghệ An	Nghệ An	Khai thác và sản xuất đá
Nhà Máy Hải Phòng	Hải Phòng	Sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao
Văn phòng đại diện tại Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh thương mại
Văn phòng đại diện tại Nghệ An	Nghệ An	Khai thác đá

Công ty con tại ngày 31/12/2025, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Neo Global	Xóm Hợp Tiến, xã Đông Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	70%	70%

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Công ty liên kết tại ngày 31/12/2025, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	Số 84 đường Hậu Cần, P. Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh bất động sản	49,50%	49,50%

## 6. SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 418 người (Tại ngày 31/12/2024 là 133 người).

## 7. TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là năm đầu tiên Tập đoàn hợp nhất báo cáo tài chính. Số liệu đầu năm là số liệu báo cáo riêng của Công ty mẹ.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm

soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## 2. HỢP NHẤT KINH DOANH

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tại thời điểm mua công ty con, Công ty mẹ không thực hiện xác định giá trị hợp lý tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con. Tất cả tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của Công ty con được ghi nhận theo giá trị ghi sổ tại ngày mua công ty con.

## 3. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm (theo VAS 11 - Hợp nhất kinh doanh thì thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng biệt như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## 4. CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

## 5. CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## 6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 7. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

#### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động thi công xây lắp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 22
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 15
Tài sản cố định khác	03 - 20

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Máy móc và thiết bị	10 - 20

## 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (40 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

## 14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 15. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;

Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;

Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

## 16. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN VAY

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

## 17. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ VỐN HÓA CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 18. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

## 19. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## 20. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 21. DOANH THU

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

## 22. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 23. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## 24. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty đang được hưởng các ưu đãi thuế như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 2111132468 ngày 29/12/2023 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với thu nhập từ Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao” là 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu. Đồng thời, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 6007621343 ngày 11/8/2010 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 21/07/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Dự án đầu tư “Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đá ốp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp” được hưởng ưu đãi theo quy định của Pháp luật. Đây là dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; đồng thời Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới.

## Thuế suất thuế TNDN áp dụng năm 2025

- Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ Dự án đầu tư “Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đá ốp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp” là 10% và được giảm 50% số thuế phải nộp. (Năm 2025 là năm thứ 7 được hưởng ưu đãi thuế);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao” (Năm 2025 là năm thứ 2 được hưởng ưu đãi);
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

## 26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

## 27. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 28. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tồn quỹ	4.075.094.088	2.831.670.885
Tiền gửi ngân hàng	29.132.807.585	13.184.651.973
<b>Tổng</b>	<b>33.207.901.673</b>	<b>16.016.322.858</b>

### 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>- Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>113.867.835.195</b>	<b>113.867.835.195</b>	<b>76.328.794.520</b>	<b>76.328.794.520</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng	7.000.000.000	7.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	34.662.650.994	34.662.650.994	15.233.136.986	15.233.136.986
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	-	-	1.615.000.000	1.615.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.505.184.201	10.505.184.201	10.080.657.534	10.080.657.534
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch	40.300.000.000	40.300.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.400.000.000	21.400.000.000	21.400.000.000	21.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>113.867.835.195</b>	<b>113.867.835.195</b>	<b>76.328.794.520</b>	<b>76.328.794.520</b>
<b>Dài hạn</b>				
<b>- Trái phiếu</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam (1)	800.000.000	800.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
<b>Tổng</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>

Trái phiếu có kỳ hạn 8 năm (tính từ ngày 31/12/2021) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có giá trị 800.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ từ 1%/năm đến 1,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	173.000.000.000	171.545.608.996	173.000.000.000	(1.387.164.392)	(*)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm	-	-	36.000.000.000	(2.272.437.152)	(*)
<b>Tổng</b>	<b>173.000.000.000</b>	<b>171.545.608.996</b>	<b>209.000.000.000</b>	<b>(3.659.601.544)</b>	

#### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Neo Floor	64.500.000.000	-	(*)	-	-	(*)
<b>Tổng</b>	<b>64.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Số đầu năm	3.659.601.544	2.828.287.567
Trích lập trong năm	-	831.313.977
Điều chỉnh hợp nhất báo cáo	(1.387.164.392)	-
Hoàn nhập dự phòng	(2.272.437.152)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>3.659.601.544</b>

### 3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số đầu năm (VND)	Số cuối năm (VND)
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Neo Floor	117.785.332.117	106.905.608.651
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam	412.067.635	412.067.635
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt Việt Nam	87.523.840.224	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Cryntel Enterprises	50.237.253.312	-
Công ty Cổ phần SPC Hà Nội	84.991.851.926	97.751.851.926
Flooring International Outlet	59.926.499.447	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Vũ Hoàng	177.943.126.570	218.614.516.600
Công ty Cổ phần Thương mại Nhựa Hà Nội	107.483.249.703	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Minh Hải	78.002.767.593	84.727.111.570
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Đầu tư kinh doanh Bình An	21.874.478.976	21.874.478.976
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Neo Global	-	24.785.020.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển kinh doanh Sông Hồng	71.716.588.690	-
Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng Sao Việt	22.389.888.294	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	70.921.018.749	51.804.181.900
<b>Tổng</b>	<b>951.207.963.236</b>	<b>606.874.837.258</b>

### 4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số đầu năm (VND)	Số cuối năm (VND)
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Phale Trading Pte.Ltd	50.058.200.000	-
Vinomig Singapore Pte.Ltd	-	18.502.018.002
Giant Crown Corporation Limited	67.693.760.840	21.248.108.665
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Á Châu	39.275.686.740	11.469.303.742

	Số đầu năm (VND)	Số cuối năm (VND)
Công ty TNHH MD Trading Việt Nam	-	74.084.044.000
Các tổ chức, cá nhân khác	3.893.335.141	23.561.951.927
<b>Tổng</b>	<b>160.920.982.721</b>	<b>148.865.426.336</b>

### 5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm (VND)	Số cuối năm (VND)
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An (1)	46.060.650.000	7.200.000.000
Ông Nguyễn Hải Trung (2)	43.650.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>89.710.650.000</b>	<b>7.200.000.000</b>

(1) Các khoản cho Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An vay với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

(2) Cho ông Nguyễn Hải Trung vay với thời hạn 6 tháng, lãi suất 3,5%/năm.

### 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

#### a. Ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	-	-	46.060.650.000	-
Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings	-	-	2.160.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Tạm ứng	94.012.966.176	-	64.877.299.962	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.260.683.772	-	891.272.996	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	174.852.858	-	-	-
Phải thu khác	14.775.534.795	-	126.469.885.339	-
Nguyễn Thùy Dương	-	-	65.356.200.000	-
Cao Văn Thọ	-	-	23.579.979.700	-
Huỳnh Cảnh Phúc	-	-	23.985.000.000	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1)	11.093.966.007	-	12.901.657.029	-
Các đối tượng khác	3.681.568.788	-	647.048.610	-
<b>Tổng</b>	<b>110.224.037.601</b>	<b>-</b>	<b>240.459.108.297</b>	<b>-</b>

## b) Dài hạn

Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ký quỹ, ký cược	13.428.913.877	-	13.428.913.877	-
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	10.560.000.000	-	10.560.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.868.913.877	-	2.868.913.877	-
<b>Tổng</b>	<b>13.428.913.877</b>	<b>-</b>	<b>13.428.913.877</b>	<b>-</b>

(1) Phải thu Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo Hợp đồng ủy thác nhập khẩu số 111.24.15/UTNK ngày 23 tháng 02 năm 2024.

(2) Khoản ký quỹ 5% giá trị tài sản thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 111.24.15/CTTC ngày 23 tháng 02 năm 2024 ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

## 7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)
<b>Nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm</b>				
Phải thu khách hàng	1.657.140.385	1.159.998.270	-	-
Trả trước cho người bán	-	-	83.418.730	58.393.111
<b>Nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm</b>				
Phải thu khách hàng	-	-	899.184.000	449.592.000
Trả trước cho người bán	83.418.730	41.709.365	31.045.000	15.522.500
<b>Nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm</b>				
Phải thu khách hàng	899.184.000	269.755.200	2.136.020.089	640.806.026
Trả trước cho người bán	31.045.000	9.313.500	278.466.000	83.539.800
<b>Nợ quá hạn trên 3 năm</b>				
Phải thu khách hàng	4.584.941.644	-	2.385.894.604	-
Trả trước cho người bán	285.476.437	-	7.010.437	-
<b>Tổng</b>	<b>7.541.206.196</b>	<b>1.480.776.335</b>	<b>5.821.038.860</b>	<b>1.247.853.437</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	113.238.184.900	-	164.832.561.652	-
Công cụ, dụng cụ	8.059.735.213	-	3.886.203.562	-
Thành phẩm	80.340.412.329	-	146.819.243.949	-
Hàng hóa	179.933.185.096	-	50.679.253.629	-
<b>Tổng</b>	<b>381.571.517.538</b>	<b>-</b>	<b>366.217.262.792</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho luân chuyển được tài trợ bằng vốn vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được thế chấp làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. (Xem thêm thuyết minh 5.20)

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	2.206.845.563	1.274.748.006
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	95.566.526	401.138.739
Chi phí bảo hiểm	548.388.390	537.973.221
Chi phí trả trước khác	1.631.487.983	937.761.870
<b>Tổng</b>	<b>4.482.288.462</b>	<b>3.151.621.836</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí liên quan đến cấp giấy phép khai thác mỏ, khoáng sản	2.408.461.351	2.639.953.387
Chi phí thuế GTGT đầu vào không được hoàn của TSCĐ dự án "Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" theo biên bản thanh tra thuế.	-	354.831.245
Công cụ, dụng cụ	3.838.992.543	3.087.961.625
Chi phí san lấp mặt bằng	17.454.928.909	17.454.928.909
Chi phí trả trước khác	4.435.827.577	372.576.941
<b>Tổng</b>	<b>28.138.210.380</b>	<b>23.910.252.107</b>

10. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày đầu năm	216.741.252.878	194.601.691.945	33.781.899.723	5.478.782.968	-	450.603.627.514
Mua trong năm	55.952.299.846	81.550.853.756	3.038.000.000	2.346.270.657	8.965.927.724	151.853.351.983
Tặng do hợp nhất kinh doanh	25.854.974.113	36.583.096.790	1.290.909.091	-	-	63.728.979.994
Tặng khác	-	-	4.030.961.196	-	2.936.308.295	6.967.269.491
Thanh lý, nhượng bán	-	(89.880.000)	-	-	-	(89.880.000)
Giảm khác	(115.759.000)	(3.335.287.951)	-	(3.516.222.540)	(502.975.200)	(7.470.244.691)
Vào ngày cuối năm	298.432.767.837	309.310.474.540	42.141.770.010	4.308.831.085	11.399.260.819	665.593.104.291
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Vào ngày đầu năm	8.499.133.424	79.144.763.834	11.811.902.889	1.038.034.100	-	100.493.834.247
Khấu hao trong năm	6.697.617.876	9.074.115.511	2.854.206.118	377.212.139	975.293.569	19.978.445.213
Tặng do hợp nhất kinh doanh	4.588.265.628	8.206.854.771	400.074.507	-	-	13.195.194.906
Tặng khác	-	-	858.480.379	-	152.408.685	1.010.889.064
Thanh lý	-	(38.586.732)	-	-	-	(38.586.732)
Giảm khác	(116.844.183)	(872.774.321)	-	(21.270.560)	-	(1.010.889.064)
Vào ngày cuối năm	19.668.172.745	95.514.373.063	15.924.663.893	1.393.975.679	1.127.702.254	133.628.887.634
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày đầu năm	208.242.119.454	115.456.928.111	21.969.996.834	4.440.748.868	-	350.109.793.267
Vào ngày cuối năm	278.764.595.092	213.796.101.477	26.217.106.117	2.914.855.406	10.271.558.565	531.964.216.657

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 245.122.529.677 đồng. Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 24.267.380.488 đồng.

11. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị (VND)
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày đầu năm	197.369.772.026
Thuê tài chính trong năm	-
Vào ngày cuối năm	197.369.772.026
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày đầu năm	1.941.600.473
Khấu hao trong năm	10.031.602.452
Vào ngày cuối năm	11.973.202.925
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày đầu năm	195.428.171.553
Vào ngày cuối năm	185.396.569.101

12. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (VND)
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày đầu năm	15.036.788.688
Mua trong năm	-
Vào ngày cuối năm	15.036.788.688
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày đầu năm	3.351.950.801
Khấu hao trong năm	375.919.716
Vào ngày cuối năm	3.727.870.517
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày đầu năm	11.684.837.887
Vào ngày cuối năm	11.308.918.171

13. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số đầu năm (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	6.548.844.105	4.467.360.789	-	11.016.204.894
<b>Tổn thất do suy giảm giá trị</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	6.548.844.105	4.467.360.789	-	11.016.204.894

#### 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	6.060.963.122	121.646.044.451	69.650.225.702	58.056.781.871
Công trình nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát	62.942.975.273	28.700.891.341	86.524.653.741	5.119.212.873
Chi phí xây dựng cơ bản khác	799.246.401	-	799.246.401	-
<b>Tổng</b>	<b>69.803.184.796</b>	<b>150.346.935.792</b>	<b>156.974.125.844</b>	<b>63.175.994.744</b>

#### 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
<b>Phải trả nhà cung cấp là bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình đường sắt Việt Nam	200.687.920	200.687.920	1.660.998.165	1.660.998.165
Công ty Cổ phần Neo Floor	24.358.294.480	24.358.294.480	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa chất	5.033.428.420	5.033.428.420	11.997.465.120	11.997.465.120
Công ty Cổ phần 2R Việt Nam	19.762.990.748	19.762.990.748	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Song Lộc	-	-	15.243.910.000	15.243.910.000
Công ty Cổ phần AHAS Việt Nam	21.178.126.800	21.178.126.800	-	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	17.479.787.850	17.479.787.850	4.896.000.000	4.896.000.000
Công ty TNHH MD Trading Việt Nam	16.908.554.921	16.908.554.921	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Neo Global	-	-	16.340.183.338	16.340.183.338
Unilin BV	14.611.815.581	14.611.815.581	1.588.371.926	1.588.371.926
Công ty Cổ phần Thuận Đức	4.973.110.830	4.973.110.830	34.328.643.800	34.328.643.800
Công ty TNHH Vật liệu mới Hiệp Hằng Việt Nam	214.920.000	214.920.000	8.723.533.500	8.723.533.500
Công ty Cổ phần Quốc tế Minh Hải	21.753.824.400	21.753.824.400	-	-
Các nhà cung cấp khác	74.018.984.692	74.018.984.692	75.678.723.609	75.678.723.609
<b>Tổng</b>	<b>220.494.526.642</b>	<b>220.494.526.642</b>	<b>170.457.829.458</b>	<b>170.457.829.458</b>

#### 16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Sông Hồng	-	41.104.503.310
Công ty Cổ phần Thương mại Nhựa Hà Nội	-	41.610.298.953
Tridentindustry	50.411.474.611	50.411.474.611
Singate International Pte., Ltd	63.134.365.241	60.956.915.983
Phale Trading Pte.Ltd	29.702.426.583	-
Giant Crow Corporation Limited	41.676.965.323	-
Các khách hàng khác	9.250.756.361	7.931.978.974
<b>Tổng</b>	<b>194.175.988.119</b>	<b>202.015.171.831</b>

#### 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (VND)	Số phải nộp (VND)	Số đã nộp (VND)	Tăng do hợp nhất (VND)	Số cuối năm (VND)
<b>a) Phải nộp</b>					
Thuế Giá trị gia tăng	-	226.749.448.548	226.692.434.730	-	57.013.818
Thuế xuất nhập khẩu	8.243.958	1.044.984.111	1.053.228.069	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	73.312.073	25.190.831	-	48.121.242
Thuế thu nhập cá nhân	115.179.213	571.692.096	467.911.878	1.370.000	220.329.431
Thuế tài nguyên	1.157.516.327	2.894.103.000	2.645.133.000	-	1.406.486.327
Thuế, phí khác	770.695.759	1.824.264.839	1.376.505.922	-	1.218.454.676
<b>Tổng</b>	<b>2.051.635.257</b>	<b>233.157.804.667</b>	<b>232.260.404.430</b>	<b>1.370.000</b>	<b>2.950.405.494</b>

<b>b) Phải thu</b>	Số đầu năm (VND)	Số phải nộp (VND)	Số đã nộp (VND)	Số cuối năm (VND)
Thuế giá trị gia tăng	3.614.685.074	7.854.099.748	4.669.538.729	430.124.055
Thuế xuất, nhập khẩu	16.457.352	4.039.343.256	4.041.383.940	18.498.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.419.554	-	73.312.073	122.731.627
Thuế thu nhập cá nhân	-	105.300.000	106.171.346	871.346
Thuế tài nguyên	118.568.343	-	-	118.568.343
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	164.833.640	192.404.260	46.065.106	18.494.486
Thuế, phí khác	3.100.000	567.603.799	565.643.799	1.140.000
<b>Tổng</b>	<b>3.967.063.963</b>	<b>12.758.751.063</b>	<b>9.502.114.993</b>	<b>710.427.893</b>

## 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	1.579.890.840	921.694.001
Chi phí bản quyền khóa hèm	6.022.496.519	1.609.851.231
Chi phí phải trả khác	6.288.672.497	1.627.677.298
<b>Tổng</b>	<b>13.891.059.856</b>	<b>4.159.222.530</b>

## 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>		
Kinh phí công đoàn	1.962.183.362	1.803.193.211
Bảo hiểm bắt buộc	680.070.741	624.458.010
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.574.815.016	3.584.341.177
- Vũ Đức Tiến (*)	1.900.000.000	1.900.000.000
- Các đối tượng khác	2.674.815.016	1.684.341.177
<b>Tổng</b>	<b>7.217.069.119</b>	<b>6.011.992.398</b>

(\*) Phải trả ông Vũ Đức Tiến tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021-HĐCNCP ngày 02/01/2021.

## 20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

### a) Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>				
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>784.112.883.498</b>	<b>784.112.883.498</b>	<b>1.930.776.830.614</b>	<b>1.057.762.977.835</b>
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	(i) 119.983.465.445	119.983.465.445	275.877.677.584	79.537.261.282
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	(ii) 427.073.188.679	427.073.188.679	1.122.606.618.735	486.950.148.834
Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	18.424.858.959	18.424.858.959	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	(iii) 94.002.160.877	94.002.160.877	243.799.710.139	189.937.859.771
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng	(iv) 11.954.574.000	11.954.574.000	14.949.591.211	36.599.672.626
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch Thịnh Vương	(v) 58.991.305.139	58.991.305.139	138.067.257.955	97.996.778.891
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương	(vi) 53.683.330.399	53.683.330.399	176.928.076.186	133.899.996.431
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn	(vii) -	-	-	32.841.260.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>18.554.134.792</b>	<b>18.554.134.792</b>	<b>17.446.556.288</b>	<b>56.034.534.227</b>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương	18.554.134.792	18.554.134.792	17.446.556.288	47.034.795.016
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	8.999.739.211
<b>Tổng cộng</b>	<b>802.667.018.290</b>	<b>802.667.018.290</b>	<b>1.948.223.386.902</b>	<b>1.113.797.512.062</b>

(i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1483-LAV-2025 ký vào ngày 30/06/2025 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1483-LAV-202400390 ký vào ngày 10/10/2024) của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức. Giá trị hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 27/06/2026. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và các tài sản theo các hợp đồng cầm cố.

(ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2025/2878672/HĐTD ký vào ngày 25/11/2025 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2024/2878672/HĐTD ký vào ngày 22/10/2024) của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đống Đa. Giá trị hạn mức tín dụng là 595 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng sẽ có giá trị đến ngày 25/11/2026. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ tài sản theo các hợp đồng cầm cố.

(iii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2025-HĐCVHM/NHCT166-PHALE ký vào ngày 29/10/2025 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2024-HĐCVHM/NHCT166-PHALE ký vào ngày 29/10/2024) của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng. Giá trị hạn mức tín dụng là 250 tỷ đồng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất ván sản nhựa SPC. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.

(iv) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 436/2025/HĐTD/HPG ký ngày 29/7/2025 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 361/2024/HĐTD/THU ký vào ngày 17/9/2024) của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng. Giá trị hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(v) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 101116.25 ký ngày 12/09/2025 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3049638.24 ký ngày 12/07/2024) của Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch, giá trị hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bột đá CaCO<sub>3</sub>, phụ gia, hạt nhựa, sản SPC. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch; căn hộ chung cư số 12A15 tháp A tòa Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội thuộc sở hữu của Bà Trần Hải Yến.

(vi) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-4068-01 ký ngày 16/12/2024 và Phụ lục số 01/PLHĐ ngày 16/12/2025 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, giá trị hạn mức tín dụng 420 tỷ đồng. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay đến ngày 16/03/2026. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ván sản SPC. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Giá trị hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay của VPBank tài trợ, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị hình thành từ Dự án sản xuất ván sản SPC tại lô đất CN4.3 khu công nghiệp Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng và các tài sản đảm bảo của bên thứ ba theo các hợp đồng tài sản đảm bảo.

(vii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2025/22596712/HĐTD ký ngày 08/10/2025 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn, giá trị hạn mức tín dụng 33 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức vay đến ngày 06/10/2026. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

#### b) Vay và nợ dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	229.907.882.574	229.907.882.574	99.604.164.399	54.926.955.723	268.781.376.156	268.781.376.156
Vay dài hạn các bên liên quan	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn ngân hàng	229.907.882.574	229.907.882.574	99.604.164.399	54.926.955.723	268.781.376.156	268.781.376.156
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(i)	229.907.882.574	3.803.983.905	45.927.216.512	187.784.649.967	187.784.649.967
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	(ii)	-	89.996.465.400	8.999.739.211	80.996.726.189	80.996.726.189
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn		-	5.803.715.094	-	5.803.715.094	5.803.715.094
Nợ thuê tài chính dài hạn	164.989.828.521	164.989.828.521	-	24.342.761.575	140.647.066.946	140.647.066.946
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(iii)	164.989.828.521	-	24.342.761.575	140.647.066.946	140.647.066.946
<b>Tổng</b>	<b>394.897.711.095</b>	<b>394.897.711.095</b>	<b>99.604.164.399</b>	<b>79.269.717.298</b>	<b>415.232.158.196</b>	<b>415.232.158.196</b>

(i) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng cho vay số CLC-4970-01 ký vào ngày 26/10/2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với giá trị là 3.338.762.461 đồng; Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để mua căn hộ P7-41.OT09 tại tầng 41 thuộc Nhà chung cư Park 7, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản đảm bảo là căn hộ chung cư mua từ vốn vay.

Và hợp đồng vay dài hạn số BCLC-2471-01 ký ngày 10/05/2024 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với hạn mức vay tối đa là 425 tỷ đồng trong đó giá trị cấp giải đoạn 1 là 349 tỷ với thời hạn vay tối đa 06 năm, giai đoạn 2 là 76 tỷ với thời hạn vay tối đa là 07 năm. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng cho vay số 336779.25.251.2826044.TD ký vào ngày 22/09/2025 của Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng với giá trị 90.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất quy định theo từng lần giải ngân; Mục đích vay để thực hiện đầu tư dây chuyền máy móc sản xuất ván sản SPC theo hợp đồng số GIANT/PLP/2025-04 giữa khách hàng với Công ty TNHH Giant Crown ngày 15/08/2025.

(iii) Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 111.24.15/CCTC ngày 23/02/2024 với số tiền thuê tương đương với 6.017.520 USD tùy theo tỷ giá do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân. Thời hạn thuê là 72 tháng, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân +3,1%/năm được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Số tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị tài sản cho thuê chính thức.

(iii) Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 111.24.15/CTTC ngày 23/02/2024 với số tiền thuê tương đương với 6.017.520 USD tùy theo tỷ giá do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân. Thời hạn thuê là 72 tháng, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân +3,1%/năm được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Số tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị tài sản cho thuê chính thức.

### c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-	-	-
Trên 5 năm	36.762.016.150	12.419.254.575	24.342.761.575	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>36.762.016.150</b>	<b>12.419.254.575</b>	<b>24.342.761.575</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
Số dư đầu năm trước	700.000.000.000	(200.000.000)	(1.530.000)	85.803.500.731	-	785.601.970.731
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	8.826.085.169	-	8.826.085.169
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>00.000.000.000</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>(1.530.000)</b>	<b>94.629.585.900</b>	<b>-</b>	<b>794.428.055.900</b>
Tăng trong năm	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	29.443.360.910	-	29.443.360.910
Thay đổi lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	11.141.149.714
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>(1.530.000)</b>	<b>124.072.946.810</b>	<b>11.141.149.714</b>	<b>1.035.012.566.524</b>

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty là 900.000.000.000 đồng, chia thành 90.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2025 như sau:

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Ông Mai Thanh Phương	147.600.000.000	16,40%	147.600.000.000	21,09%
Các cổ đông khác	752.400.000.000	83,60%	552.400.000.000	78,91%
<b>Tổng</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	200.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	900.000.000.000	700.000.000.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	153	153
- Cổ phiếu phổ thông	153	153
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	89.999.847	69.999.847

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0 đồng
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

Các quỹ của doanh nghiệp

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.885.826.969	-	-	5.885.826.969
<b>Tổng</b>	<b>5.885.826.969</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.885.826.969</b>

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	13.836,12	139.582,3

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	651.758.820.229	308.404.910.268
Doanh thu bán hàng hóa	2.223.096.687.682	1.687.543.606.754
Doanh thu bán bất động sản	-	3.203.382.616
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.682.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.874.855.507.911</b>	<b>2.002.833.899.638</b>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	98.088.536
Hàng bán bị trả lại	39.684.384	18.174.690
<b>Tổng</b>	<b>39.684.384</b>	<b>116.263.226</b>

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm	486.410.630.514	201.710.606.912
Giá vốn hàng hóa	2.196.471.857.646	1.672.584.401.008
Giá vốn bất động sản	-	3.077.428.458
Giá vốn dịch vụ	-	35.045.066
<b>Tổng</b>	<b>2.682.882.488.160</b>	<b>1.877.407.481.444</b>

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.130.379.882	2.626.979.681
Lãi bán các khoản đầu tư	-	29.792.000.000
Lãi trái phiếu	-	134.540.848
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.876.825.295	1.785.286.801
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ cuối năm	1.612.109.571	24.051.265
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.324.064	-
<b>Tổng</b>	<b>6.634.638.812</b>	<b>34.362.858.595</b>

## 5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	99.547.492.552	56.132.803.809
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.249.032.401	1.116.896.487
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(2.272.437.152)	831.313.977
Chi phí tài chính khác	-	47.500.002
<b>Tổng</b>	<b>100.524.087.801</b>	<b>58.128.514.275</b>

## 6. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.122.651.575	2.350.192.913
Chi phí dịch vụ	20.687.645.651	16.854.191.727
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.911.201.138	2.182.225.883
<b>Tổng</b>	<b>24.721.498.364</b>	<b>21.386.610.523</b>

## 7. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	19.662.870.601	5.716.647.682
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.865.524.544	3.538.433.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.314.095.061	12.394.980.535
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.782.312.045	7.609.684.614
<b>Tổng</b>	<b>41.624.802.251</b>	<b>29.259.746.661</b>

## 8. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	100.000.000
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	851.393.874	-
Chi phí vận chuyển	284.314.815	-
Thu nhập khác	60.017.942	83.228.708
<b>Tổng</b>	<b>1.195.726.631</b>	<b>183.228.708</b>

## 9. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản bị phạt, chậm nộp	736.756.622	134.464.895
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	475.873.027	38.750.398.461
Thuế GTGT không được khấu trừ	108.995.795	513.747.653

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí CCDC, khấu hao TSCĐ dừng hoạt động	1.745.246.542	1.065.299.970
Các khoản chi phí khác.	315.852.886	1.766.183.832
<b>Tổng</b>	<b>3.382.724.872</b>	<b>42.230.094.811</b>

## 10. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm 2025 được trình bày tại thuyết minh 4.25.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	25.190.832
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>25.190.832</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

## 11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.299.804.263.256	388.006.834.897
Chi phí nhân công	76.043.314.240	31.091.852.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.385.967.381	6.471.702.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.772.599.383	50.676.762.581
Chi phí khác	26.551.548.897	13.000.774.955
<b>Tổng</b>	<b>1.506.557.693.157</b>	<b>489.247.926.948</b>

## 12. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
<b>Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>29.443.360.910</b>	<b>8.826.085.169</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>29.443.360.910</b>	<b>8.826.085.169</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	71.698.477	69.999.847
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>411</b>	<b>126</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>411</b>	<b>126</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### 1. SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG KỲ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.265.386.114.256	2.457.633.983.191

### 2. SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG KỲ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	1.948.223.386.902	2.183.070.024.161

## VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 1. THU NHẬP HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	663.600.000	663.600.000
Ông Lê Thạch Tuấn (*)	Ủy viên HĐQT	-	-
Ông Cao Văn Thọ (*)	Ủy viên HĐQT	-	-
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	484.800.000	484.800.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	80.000.000	-
Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Bà Vũ Ngọc Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Bà Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
<b>Tổng</b>		<b>1.228.400.000</b>	<b>1.148.400.000</b>

(\*) Ông Lê Thạch Tuấn, Ông Cao Văn Thọ không phát sinh thu nhập do được chi trả tại các đơn vị khác.

### 2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Neo Floor (1)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings (1)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam (2)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Đường sắt Việt Nam (2)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt Việt Nam (3)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

(1) Công ty do Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là Giám đốc.

(1) Công ty do Ông Lê Thạch Tuấn - Ủy viên HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là Giám đốc.

(2) Công ty do Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là thành viên Hội đồng quản trị.

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	Cho mượn tiền	-	38.815.650.000
	Mua dịch vụ	-	231.636.933
	Cho vay	8.700.000.000	-
	Trả tiền vay	15.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Neo Floor	Bán hàng	420.443.810.769	264.629.395.716
	Mua hàng	342.620.184.819	-
	Trả tiền vay	-	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Đường sắt Việt Nam	Mua dịch vụ	3.688.813.346	4.431.370.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam	Bán hàng	-	381.544.105
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt Việt Nam	Bán hàng	81.040.592.800	-

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

Số dư phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An</b>		
Phải thu ngắn hạn khác	-	46.060.650.000
Phải thu về cho vay	46.060.650.000	7.200.000.000
<b>Công ty Cổ phần Neo Floor</b>		
Phải thu thương mại	117.785.332.117	106.905.608.651
Phải trả người bán	24.358.294.480	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam</b>		
Phải thu thương mại	412.067.635	412.067.635
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư công trình đường sắt Việt Nam</b>		
Phải trả người bán	200.687.920	1.660.998.165
<b>Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings</b>		
Phải thu khác	-	2.160.000.000
<b>Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt Việt Nam</b>		
Phải thu thương mại	87.523.840.224	-

### 3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu theo khu vực địa lý	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
<b>Năm 2025</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.488.317.995.180	386.497.828.347	2.874.815.823.527
Tài sản bộ phận	2.757.157.730.616	254.678.501.063	3.011.836.231.679
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	151.853.351.983	-	151.853.351.983
<b>Năm 2024</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.818.121.164.537	184.596.471.875	2.002.717.636.412
Tài sản bộ phận	2.364.286.552.506	27.726.057.430	2.392.012.609.935
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	243.746.603.623	-	243.746.603.623
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	243.746.603.623	-	243.746.603.623

#### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả kinh doanh phân chia theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

Chi tiết doanh thu theo khu vực địa lý	Sản xuất	Thương mại	Hoạt động không phân bổ	Cộng
<b>Năm 2025</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	651.719.135.845	2.223.096.687.682	-	2.874.815.823.527
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	486.410.630.514	2.196.471.857.646	-	2.682.882.488.160
<b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>165.308.505.331</b>	<b>26.624.830.036</b>	<b>-</b>	<b>191.933.335.367</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			6.634.638.812	6.634.638.812
Chi phí hoạt động tài chính			100.524.087.801	100.524.087.801
Chi phí bán hàng			24.721.498.364	24.721.498.364
Chi phí quản lý doanh nghiệp			41.624.802.251	41.624.802.251
Thu nhập khác			1.195.726.631	1.195.726.631
Chi phí khác			3.382.724.872	3.382.724.872
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>29.443.360.910</b>

Tài sản bộ phận	1.489.536.372.072	546.710.904.958	-	2.036.247.277.030
Tài sản không phân bổ			975.367.784.624	975.367.784.624
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.489.536.372.072</b>	<b>546.710.904.958</b>	<b>975.367.784.624</b>	<b>3.011.615.061.654</b>
Nợ phải trả bộ phận	285.015.976.657	129.654.538.104	-	414.670.514.761
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.562.608.497.093	1.562.608.497.093
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>285.015.976.657</b>	<b>129.654.538.104</b>	<b>1.562.608.497.093</b>	<b>1.977.279.011.854</b>

Kết quả kinh doanh phân chia theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

	Sản xuất	Thương mại	Hoạt động không phân bổ	Cộng
<b>Năm 2024</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	308.288.647.042	1.687.543.606.754	6.885.382.616	2.002.717.636.412
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	201.710.606.912	1.672.584.401.008	3.112.473.524	1.877.407.481.444
<b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>106.578.040.130</b>	<b>14.959.205.746</b>	<b>3.772.909.092</b>	<b>125.310.154.968</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			34.362.858.595	34.362.858.595
Chi phí hoạt động tài chính			58.128.514.275	58.128.514.275
Chi phí bán hàng			21.386.610.523	21.386.610.523
Chi phí quản lý doanh nghiệp			29.259.746.661	29.259.746.661
Thu nhập khác			183.228.708	183.228.708
Chi phí khác			42.230.094.811	42.230.094.811
Chi phí thuế TNDN hiện hành			25.190.832	25.190.832
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>8.826.085.169</b>

Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 31/12/2024:

Tài sản bộ phận	1.165.393.581.527	318.937.459.770		1.484.331.041.297
Tài sản không phân bổ			907.681.568.638	907.681.568.638
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.165.393.581.527</b>	<b>318.937.459.770</b>	<b>907.681.568.638</b>	<b>2.392.012.609.935</b>
Nợ phải trả bộ phận	289.776.853.572	82.714.802.263		372.491.655.835
Nợ phải trả không phân bổ			1.219.207.071.231	1.219.207.071.231
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>289.776.853.572</b>	<b>82.714.802.263</b>	<b>1.219.207.071.231</b>	<b>1.591.698.727.066</b>

## IX. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

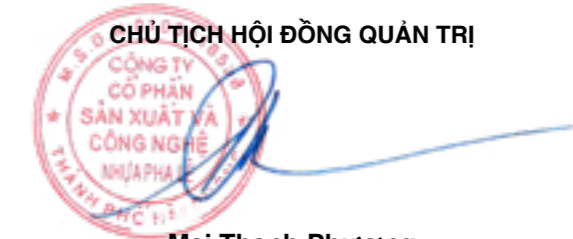
## X. THÔNG TIN SO SÁNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là năm đầu tiên Tập đoàn lập báo cáo tài chính hợp nhất do đó số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã được kiểm toán.

Đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được Nhựa Pha Lê công bố trên trang thông tin điện tử tại đường dẫn: [www.phaleplastics.com.vn](http://www.phaleplastics.com.vn)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Mai Thanh Phương

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐOÀN THỊ THU HOÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM XUÂN TRÍ

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN HẢI YẾN



# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Địa chỉ: Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải, TP Hải Phòng

Điện thoại: +84 (24) 3555 1669

Email: [info@phaleminerals.com.vn](mailto:info@phaleminerals.com.vn)

Website: [phaleplastics.com.vn](http://phaleplastics.com.vn)